

KYOCERA Net Viewer 5.3

Hướng dẫn sử dụng



Thông báo Pháp lý

Nghiêm cấm sao chép toàn bộ hoặc một phần của tài liệu hướng dẫn này.

Thông tin có trong hướng dẫn này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Chúng tôi không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh từ việc sử dụng sản phẩm này, cho dù có thông tin trong đây.

Về thương hiệu

KYOCERA Net Viewer là một thương hiệu của KYOCERA Document Solutions Inc.

Microsoft Windows là thương hiệu đã được đăng ký của Tập đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Tất cả các nhãn hiệu và tên sản phẩm trong tài liệu này là các thương hiệu đã đăng ký hoặc thương hiệu của công ty tương ứng.

Ví dụ về các thao tác có trong hướng dẫn này hỗ trợ môi trường in Windows 7. Về cơ bản cùng các thao tác đó được sử dụng cho môi trường Microsoft Windows Vista, Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008.

Các tính năng được mô tả trong hệ thống trợ giúp này có thể khác nhau tùy thuộc vào mô hình của bạn.

Mục lục

Chương 1 Bắt đầu nhanh

Bắt đầu và Đăng nhập	1-1
Chỉnh sửa tùy chọn xác thực	1-1
Dò tìm thiết bị	1-2
Thêm thiết bị	1-2
Tự động dò tìm thiết bị	1-2
Các Thiết Bị Bị Loại Trừ	1-3
Dò tìm máy chủ	1-3
Kích hoạt dịch vụ máy chủ	1-4
Thêm máy chủ	1-5
Tự động dò tìm máy chủ	1-6
Các máy chủ đã loại trừ	1-6
Giao diện người dùng	1-7
Trình đơn chính	1-7
Ô màn hình của tôi	1-7
Ô các màn hình mặc định	1-7
Bao gồm máy chủ	1-7
Ô màn hình danh sách	1-7
Đóng cửa sổ ứng dụng	1-8

Chương 2 Quản lý màn hình

Xem dưới dạng	2-1
Màn hình mặc định	2-1
Màn hình sơ đồ	2-2
Màn hình của tôi	2-3
Thêm một thư mục mới vào Màn hình của tôi	2-3
Đổi tên một thư mục hoặc màn hình	2-3
Xóa bỏ một thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ khỏi màn hình	2-4
Cập nhật màn hình	2-4
Trùng lặp màn hình	2-4
Đổi tên màn hình	2-5
Xóa màn hình	2-5
Màn hình động	2-5
Thêm một màn hình động	2-5
Màn hình thủ công	2-6
Thêm màn hình thủ công sử dụng lựa chọn	2-6
Xuất màn hình ra tập tin	2-6
Xuất danh sách ra tập tin	2-6
Xuất thông tin thiết bị ra một tập tin	2-7
Đặt lại kích cỡ các vùng của màn hình	2-7
Làm tươi	2-7
Báo cáo thư mục	2-7
Tạo và xuất báo cáo thư mục	2-8
Tim kiếm	2-8
Đang tìm kiếm	2-8

Tìm kiếm nâng cao	2-8
-------------------------	-----

Chương 3 Thiết bị

Thuộc tính thiết bị	3-1
Hiển thị thuộc tính thiết bị	3-1
Hiển thị trang chủ thiết bị	3-2
Đăng nhập của quản trị viên	3-2
Sổ địa chỉ	3-2
Thêm người liên hệ	3-3
Thêm nhóm	3-3
Thêm người liên hệ vào nhóm	3-3
Xóa Liên hệ và Nhóm	3-3
Chỉnh sửa Liên hệ và Nhóm	3-3
Phím Bấm Một lần	3-4
Sao chép Liên hệ và Nhóm	3-5
Tìm kiếm Danh bạ Địa chỉ	3-5
Cài đặt Máy in Màn hình Thiết bị	3-5
Cài đặt Trình điều khiển Máy in trong Màn hình Thiết bị	3-6
Nâng cấp Trình điều khiển Máy in trong Màn hình Thiết bị	3-6
Gỡ Trình điều khiển Máy in trong Màn hình Thiết bị	3-7
Người dùng Thiết bị	3-7
Thêm Người dùng Thiết bị	3-7
Tìm kiếm Danh sách Người dùng Thiết bị	3-8
Cài đặt Khóa Đăng nhập Đơn giản	3-9
Tìm kiếm Danh sách Khóa Đăng nhập Đơn giản	3-9
Các lệnh in	3-10
Hiển thị Chi tiết Lệnh in	3-10
Xuất Nhật ký Lệnh in	3-10
Tìm kiếm Danh sách Lệnh in	3-10
Các Lệnh in đã Lưu	3-11
Xem các Lệnh in đã Lưu	3-11
In các Lệnh in đã Lưu	3-11
In Danh sách Lệnh in đã Lưu	3-11
Xóa các Lệnh in đã Lưu	3-11
Tìm kiếm các Lệnh in đã Lưu	3-12
Ô Tài liệu	3-12
Xem và Chỉnh sửa Ô Tài liệu	3-12
Thêm Ô Tài liệu	3-13
Xuất Danh sách Ô Tài liệu	3-13
Tìm kiếm ứng dụng	3-14
Tìm kiếm ứng dụng	3-14
Tải xuống Tài liệu	3-14
Tìm kiếm Ô Tài liệu	3-14
Di chuyển Tài liệu Giữa các Ô Tài liệu	3-15
Hộp thư Ảo	3-15
Xem Hộp thư Ảo	3-15
Xóa Hộp thư Ảo	3-15
Xuất Danh sách Hộp thư Ảo	3-16
Tùy chọn Hộp thư Ảo Nâng cao	3-16
Thêm Hộp thư Ảo Mới	3-17
Chỉnh sửa Hộp thư Ảo	3-17
Cài đặt Thông báo Thiết bị	3-17
Đặt Thông báo Thiết bị	3-18
Menu Nâng cao	3-18
Cài đặt Xác thực	3-19
Các nhóm Mạng	3-22
TCP/IP Gửi Dữ liệu	3-23

Các ứng dụng thiết bị	3-24
Cài đặt một ứng dụng trên nhiều thiết bị	3-24
Cài đặt một ứng dụng trên thiết bị	3-25
Kích hoạt ứng dụng đã được cài đặt trên nhiều thiết bị	3-25
Kích hoạt ứng dụng đã được cài đặt trên một thiết bị	3-26
Xem các ứng dụng đã được cài đặt	3-27
Xuất thông tin thiết bị ra một tập tin	3-27
Tìm kiếm ứng dụng	3-27

Chương 4 Tài khoản

Đăng nhập của quản trị viên	4-1
Thêm Thiết Bị Trong Tài Khoản	4-1
Tạo Lập Tài Khoản Mới	4-1
Các Đặc Tính Tài Khoản	4-2
Các Tài Khoản Trên Thiết Bị	4-3
Các Thiết Bị Trong Tài Khoản	4-3
Xem Các Tài Khoản Và Các Thiết Bị	4-3
Xuất Thông Tin Tài Khoản Ra Tập Tin	4-3
Các Báo Cáo Bộ Đếm	4-4
Khôi Phục Nguyên Trạng Bộ Đếm Tự Động	4-4
Tạo Báo Cáo Bộ Đếm	4-4
Xem và Thay đổi Cài đặt Báo cáo Bộ đếm	4-4
Quản lý thiết bị	4-5
Quản Lý Các Thiết Bị Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng	4-5
Ẩn hoặc Hiện Thị Các Thiết Bị Chưa Được Quản Lý	4-5
Khôi Phục Nguyên Trạng Các Bộ Đếm	4-5
Khôi Phục Nguyên Trạng Các Bộ Đếm Tài Khoản Lệnh In	4-5
Thông Số Cài Đặt Chế Độ Thông Báo Tài Khoản	4-5
Cài Đặt Chế Độ Thông Báo Tài Khoản	4-6
Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị	4-6
Truy Cập Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị	4-6
Bật hoặc Tắt Chế Độ Kiểm Soát Tài Khoản Thi Hành Lệnh in	4-7
Chọn Các Bộ Đếm Loại Giấy	4-7
Xử Lý Lỗi Hệ Thống	4-7
Cài đặt Cho phép Xử Lý và Bộ Đếm Lướt Bản Sao	4-8
Kiểm Soát Tài Khoản Tập Tin Multi-Set	4-8
Cài Đặt Nhiều Thiết Bị Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng	4-8
Chọn Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng trong Multi-Set	4-9
Chọn Thông Số Cài Đặt Nguồn Tài khoản	4-9
Xuất	4-10
Xuất danh sách ID tài khoản	4-10
Xuất Thông Tin Bộ Đếm	4-11
Xuất Thông Tin Bộ Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng	4-11

Chương 5 Máy chủ

Thêm Hàng Đợi	5-1
Các Tùy Chọn Cài Đặt Chung	5-2
Tùy Chọn Xung Đột	5-2
C chỉnh Sửa Tên Hàng Đợi	5-3
Cài Đặt Máy In Màn Hình Máy Chủ	5-3
Cho Phép Trình Cuốn Giấy Máy In Truy Cập Kết Nối Máy Khách	5-3
Cho phép ngoại lệ quản trị từ xa	5-3
Cài đặt Trình Điều Khiển Máy In trong Màn Hình Máy Chủ	5-4
Nâng Cấp Trình Điều Khiển Máy In trong Màn Hình Máy Chủ	5-5
Gỡ Trình Điều Khiển Máy In trong Màn Hình Máy Chủ	5-5
Cài Đặt Trình Điều Khiển Bổ Sung	5-6

Hiển Thị Trình Điều Khiển Máy In và Hàng Đợi In	5-6
Hiển Thị Trình Điều Khiển Máy In và Hàng Đợi In	5-6
Chọn Các Thông Số Cài Đặt Đăng Nhập Máy Chủ	5-7
Chọn Các Thông Số Cài Đặt Đăng Nhập Miền Của Quản Trị Viên	5-7
Xuất Thông Tin Máy Chủ Ra Tập Tin	5-7
Xác Lập Các Thông Số Cài Đặt Máy In	5-8

Chương 6 Thông Số Kết Nối Mạng

Cài Đặt Kết Nối Thiết Bị	6-1
Các Cài Đặt Mạng Đặt Giao Diện Mạng	6-1
Cổng TCP/IP	6-2
Các Thông Số Cài Đặt Giao Thức An Toàn	6-2
Các Cài Đặt Đăng Nhập	6-2
Thông Số Cấu Hình Truy Xuất Tài Khoản Trên Máy Khác	6-3
Các Thông Số Cài Đặt Chế Độ Truy Xuất Thiết Bị	6-3

Chương 7 Multi-Set

Các Tùy Chọn Cài Đặt Chung	7-1
Tạo Thông Số Cài Đặt Từ một Thiết Bị	7-1
Tạo Mẫu Thông Số Cài Đặt Multi-Set	7-1
Tạo Cài Đặt Mới	7-2

Chương 8 Nâng Cấp Phần Mềm Tích Hợp

Các nguy cơ trong nâng cấp phần mềm cố định	8-1
Nâng cấp phần mềm tích hợp	8-1
Các Tùy Chọn Hoàn Thiện	8-2

Chương 9 Các Vùng Làm Việc

Thêm một Vùng Làm Việc Mới	9-1
Mở một Vùng Làm Việc Đang Hiện Hành	9-1
Nhập và Xuất Các Vùng Làm Việc	9-2
Nhập một Tập Tin vào một Vùng Làm Việc Mới.	9-2
Xuất một Vùng Làm Việc ra một Tập Tin	9-2
Xem Vùng Làm Việc Gần Đây	9-3

Chương 10 Tùy chọn

Chỉnh Sửa Tùy Chọn E-mail	10-1
Chỉnh sửa tùy chọn xác thực	10-1
Chỉnh Sửa Các Tùy Chọn Truy Xuất Thiết Bị	10-2
Chỉnh Sửa Các Tùy Chọn Bẫy Tín Hiệu SNMP	10-3
Chỉnh Sửa Tùy Chọn Truy Xuất Tài Khoản Trên Máy Khác	10-3

1 Bắt đầu nhanh

Bạn có thể tổ chức và quản lý thông tin thiết bị mạng với nhiều tính năng khác nhau có sẵn, thông qua màn hình mặc định, cũng như màn hình tùy chỉnh bạn có thể tạo ra. Để bắt đầu, bạn phải đăng nhập và cài đặt không gian làm việc bằng cách tìm kiếm các thiết bị và máy chủ trên mạng.

Bắt đầu và Đăng nhập

- 1 Mở ứng dụng.
- 2 Nếu bạn có quyền quản trị viên, vùng làm việc được lưu lần cuối cùng xuất hiện và bạn có thể tiến hành công việc.
Nếu bạn đã cài đặt ứng dụng, và đây là lần đầu tiên bạn chạy ứng dụng, hộp thoại **Chọn một vùng làm việc KYOCERA Net Viewer** sẽ xuất hiện. Chuyển sang bước 4.
Nếu bạn không có quyền quản trị viên, quản trị viên mạng phải thiết lập mật khẩu đăng nhập cho bạn. Chuyển sang bước 3.
- 3 Gõ mật khẩu của bạn trong hộp văn bản đăng nhập và nhấp **OK**. Nếu mật khẩu bạn đã trình được chấp nhận, vùng làm việc được lưu lần cuối cùng sẽ xuất hiện.
Nếu đây là lần đầu tiên bạn đăng nhập là người dùng mà không có quyền quản trị viên, hãy chuyển sang bước 4.
- 4 Gõ hoặc duyệt thư mục vùng làm việc của bạn, sau đó nhấp **OK**. Thuật sĩ **Thêm thiết bị** xuất hiện và cho phép bạn thêm thiết bị mạng vào vùng làm việc.

Chỉnh sửa tùy chọn xác thực

Bạn có thể cài đặt mật khẩu cho những người dùng Windows khác đăng nhập vào ứng dụng. Tính năng này chỉ có sẵn cho quản trị viên.

- 1 Trên thanh trình đơn ở phía trên cùng bên trái màn hình, nhấp **Chỉnh sửa > Tùy chọn**. Trong hộp thoại **Tùy chọn**, nhấp **Xác thực**.
- 2 Chọn **Bật mật khẩu cục bộ**.
- 3 Trong hộp thoại **Mật khẩu mới**, hãy gõ một mật khẩu cho người dùng cục bộ. Mật khẩu có độ dài tối đa là 32 ký tự. Cho phép mật khẩu trống.
- 4 Trong **Xác nhận mật khẩu**, gõ lại mật khẩu.
- 5 Nhấp **OK** để lưu mật khẩu.

Dò tìm thiết bị

Dò tìm thiết bị tìm kiếm và hiển thị một danh sách các mạng cho thiết bị. Nếu tìm thấy các thiết bị mới, ứng dụng sẽ cập nhật cơ sở dữ liệu với thông tin về thiết bị. Quá trình này có thể được thực hiện thủ công cho một hoặc nhiều thiết bị hoặc có thể được đặt lịch để chạy tự động theo một lịch đã được đặt trước. Có thể loại trừ các thiết bị khỏi việc dò tìm.

Khi ứng dụng khởi chạy lần đầu, hoặc khi vùng làm việc mới được mở ra, thuật sĩ **Thêm thiết bị** sẽ khởi chạy tự động.

Thêm thiết bị

Bạn có thể dùng thuật sĩ **Thêm thiết bị** để thêm thiết bị vào danh sách màn hình.

- 1 Nhấp **Thiết bị > Dò tìm > Thêm thiết bị**.
- 2 Trong thuật sĩ **Thêm Thiết Bị**, hãy chọn một phương pháp thêm thiết bị:
 - Nhanh**
Sử dụng thông số kết nối mạng được đặt sẵn để tìm mạng cục bộ.
 - Tùy chỉnh**
Cho bạn chọn cài đặt để tìm các thiết bị trên bất kỳ mạng nào.
- 3 Đối với phương pháp được chọn, hãy hoàn thành thuật sĩ này và nhấp **Kết thúc** để bắt đầu dò tìm.

Các tùy chọn tùy chỉnh để Thêm thiết bị

Khi **Tùy chỉnh** được chọn trong thuật sĩ **Thêm Thiết Bị**, bạn có thể chọn quá trình dò tìm chạy trên mạng cục bộ, và một địa chỉ IP nhất định hoặc một nhóm địa chỉ IP. Tiếp tục qua thuật sĩ để chọn các tùy chọn sau:

Trên mạng cục bộ

Chọn lựa dò tìm, cổng TCP/IP, các tùy chọn SNMP, các tùy chọn SSL, và thời gian bắt đầu dò tìm.

Theo địa chỉ IP

Gõ các địa chỉ cụ thể là IPv4 hoặc IPv6 hoặc tên máy chủ và nhấp **Thêm** để thêm vào danh sách **Các mục tiêu đã chọn**. Bạn cũng có thể nhấp **Nhập** để tìm kiếm danh sách địa chỉ IP (.CSV or .TXT). Có thể xóa bỏ một mục khỏi danh sách **Các mục tiêu đã chọn** bằng cách chọn mục đó và nhấp **Xóa bỏ**. Nhấp **Tiếp theo** để tiếp tục đi qua thuật sĩ và chọn cổng TCP/IP, các tùy chọn SNMP, các tùy chọn SSL và thời gian bắt đầu dò tìm.

Theo nhóm địa chỉ IP

Gõ các địa chỉ hợp lệ bắt đầu và kết thúc với IPv4 và nhấp **Thêm** để thêm vào danh sách **Các lớp mạng được chọn**. Có thể xóa bỏ một mục khỏi danh sách **Các lớp mạng được chọn** bằng cách chọn mục đó và nhấp **Xóa bỏ**. Nhấp **Tiếp theo** để tiếp tục đi qua thuật sĩ và chọn cổng TCP/IP, các tùy chọn SNMP, các tùy chọn SSL và thời gian bắt đầu dò tìm.

Tự động dò tìm thiết bị

Bạn có thể đặt lịch thường xuyên để thực hiện quá trình dò tìm. Nếu các thiết bị được thêm vào hoặc xóa bỏ khỏi mạng thường xuyên, thực hiện dò tìm thường xuyên sẽ giữ cho cơ sở dữ liệu thiết bị cập nhật.

Đặt lịch tự động dò tìm thiết bị

Bạn có thể đặt lịch cho dò tìm thiết bị.

- 1 Nhấp **Thiết bị** > **Dò tìm** > **Tự động dò tìm**.
- 2 Trong hộp thoại **Dò Tìm Theo Lịch Trình**, hãy chọn từ các tùy chọn sau:
 Nhấp **Thuộc tính** để chỉnh sửa chế độ dò tìm hiện có. Lựa chọn từ cửa sổ để cài đặt lịch lặp lại và nhấp **Áp dụng thay đổi**.
 Nhấp **Thêm** để tạo một chế độ dò tìm mới. Trong thuật sĩ **Thêm Thiết Bị**, chọn trong cửa sổ để cài đặt lịch lặp lại. Trên trang **Xác nhận dò tìm**, nhấp **Kết thúc** để lưu thay đổi.
- 3 Nhấp **Xóa** để xóa lịch dò tìm.
- 4 Nhấp **Đóng** để lưu thay đổi và đóng hộp thoại **Dò Tìm Theo Lịch Trình**.

Các Thiết Bị Bị Loại Trừ

Có thể loại trừ một thiết bị khỏi quá trình dò tìm. Bạn có thể xóa bỏ một thiết bị khỏi màn hình vì mục đích bảo mật.

Bạn có thể khôi phục một thiết bị vào danh sách thiết bị với tùy chọn **Bao gồm thiết bị**.

Loại trừ một thiết bị khỏi dò tìm

Bạn có thể loại trừ một thiết bị khỏi quá trình dò tìm. Tùy chọn này xóa thiết bị khỏi danh sách thiết bị, và hiển thị nó trong cửa sổ **Các Thiết Bị Bị Loại Trừ**. Thông tin về thiết bị này sẽ không bị xóa khỏi ứng dụng.

- 1 Trong bất kỳ cửa sổ **Thiết bị** hoặc **Các thiết bị kiểm soát tài khoản** nào, hãy chọn thiết bị để loại trừ.
- 2 Nhấp chuột phải vào thiết bị được chọn và nhấp **Xóa thiết bị**.

Bao gồm một thiết bị

Có thể bao gồm lại một thiết bị đã bị loại trừ. Khi bao gồm một thiết bị, nó sẽ xuất hiện trong **Dò tìm thiết bị** tiếp theo.

- 1 Nhấp **Thiết bị** > **Dò tìm** > **Hiển thị thiết bị bị loại trừ**.
- 2 Trong danh sách, hãy chọn một thiết bị đã bị loại trừ để bao gồm.
- 3 Nhấp **Bao gồm thiết bị**.

Dò tìm máy chủ

Dò tìm thiết bị tìm kiếm và hiển thị một danh sách các mạng cho máy chủ. Nếu tìm thấy các máy chủ mới, ứng dụng sẽ cập nhật cơ sở dữ liệu với thông tin về máy chủ. Quá trình này có thể được thực hiện thủ công cho một hoặc nhiều máy chủ hoặc có thể được đặt lịch để chạy tự động theo một lịch đã được đặt trước. Có thể loại trừ máy chủ khỏi việc dò tìm.

Kích hoạt dịch vụ máy chủ

Để ứng dụng dò tìm máy chủ, các dịch vụ Windows Management Instrumentation (WMI) và Remote Procedure Call (RPC) phải được kích hoạt trên máy chủ hoặc máy đích.

Cài đặt chứng chỉ cho trình điều khiển được ký

Đối với Windows Vista hoặc bản mới hơn, bắt buộc chữ ký điện tử cho các trình điều khiển có liên quan đến phần cứng. Trước khi cài đặt trình điều khiển đã được ký, Windows yêu cầu chứng chỉ nó tin tưởng. Đối với các trình điều khiển được ký Microsoft, chứng chỉ đã được cài đặt, đối với trình điều khiển đã được nhà sản xuất ký, trước tiên bạn phải cài đặt chứng chỉ trên máy chủ đích.

- 1 Chọn tập tin **Ca-tơ-lô bảo mật (.CAT)** từ gói trình điều khiển.
- 2 Trong hộp thoại **Ca-tơ-lô bảo mật** > tab **Chung**, nhấp **Xem chữ ký**.
- 3 Trong hộp thoại **Chi tiết chữ ký điện tử** > tab **Chung**, nhấp **Xem chứng chỉ**.
- 4 Trong hộp thoại **Chứng chỉ** > tab **Chung**, nhấp **Cài đặt chứng chỉ**.
- 5 Trong hộp thoại **Thuật sĩ nhập chứng chỉ**, nhấp **Tiếp theo**.
- 6 Trên trang **Kho chứng chỉ Đặt toàn bộ các chứng chỉ vào kho sau đây** và nhấp **Duyệt qua**.
- 7 Trong hộp thoại **Chọn kho chứng chỉ**, chọn **Nhà xuất bản được tin cậy** và nhấp **OK**.
- 8 Nhấp **Tiếp theo**, sau đó nhấp **Kết thúc**.

WMI

- 1 Trên máy chủ hoặc máy đích, đi đến **Bắt đầu > Bảng điều khiển > Hệ thống và Bảo mật > Công cụ quản trị > Quản lý máy tính**.
- 2 Trong hộp thoại **Quản lý máy tính**, nhấp **Dịch vụ và Ứng dụng**.
- 3 Nhấp chuột phải vào **Kiểm soát WMI** để xem **Các thuộc tính**.
- 4 Trong hộp thoại **Các thuộc tính kiểm soát WMI**, nhấp tab **Bảo mật**.
- 5 Nhấp **Bảo mật**.
- 6 Trong danh sách **Nhóm hoặc tên người dùng**, chọn **Quản trị viên**.
- 7 Trong danh sách **Cho phép**, hãy chọn hộp chọn **Cho phép** cho **Bật từ xa**.

RPC

- 1 Trên máy chủ hoặc máy đích, đi đến **Bắt đầu > Bảng điều khiển > Hệ thống và Bảo mật > Công cụ quản trị > Quản lý máy tính**.
- 2 Trong hộp thoại **Quản lý máy tính**, nhấp **Dịch vụ và Ứng dụng > Dịch vụ..**
- 3 Nhấp chuột phải vào **Gọi quy trình từ xa (RPC)**, sau đó nhấp **Bắt đầu**.

Thêm máy chủ

Bạn có thể dùng thuật sĩ **Thêm máy chủ** để thêm máy chủ vào danh sách màn hình.

- 1 Nhấp **Máy chủ > Dò tìm > Thêm máy chủ**.
- 2 Trong thuật sĩ **Thêm máy chủ**, chọn phương pháp dò tìm máy chủ.
- 3 Đối với phương pháp được chọn, hãy hoàn thành các cài đặt. Trên trang **Xác nhận dò tìm**, nhấp **Kết thúc**. Nếu bạn đã chọn **Bắt đầu ngay** trên trang trước, quá trình dò tìm sẽ bắt đầu. Nếu bạn đã đặt lịch lặp lại, lịch này sẽ được thêm vào hộp thoại **Dò Tìm Máy Chủ Theo Lịch Trình**.

Ghi chú: Nếu bạn đang thêm máy chủ lần đầu tiên, hộp thoại **Đăng nhập của quản trị viên miền** sẽ xuất hiện.

Bạn có thể xóa một máy chủ bằng cách chọn máy chủ trong **Màn hình máy chủ** và **Xóa máy chủ**. Trình điều khiển và thông tin hàng đợi cũng sẽ bị xóa. Máy chủ được thêm vào danh sách **Các máy chủ đã loại trừ**.

Các tùy chọn thêm máy chủ

Trong thuật sĩ **Thêm máy chủ**, bạn có thể chọn từ các tùy chọn sau đây:

Tìm trong miền hiện tại

Dò tìm các máy chủ trên mạng và chọn thời gian bắt đầu dò tìm.

Duyệt thư mục đang hoạt động

Chọn một địa chỉ trong **Thư mục đang hoạt động** và thời gian bắt đầu dò tìm.

Chỉ định nhóm địa chỉ IP

Gõ một địa chỉ hợp lệ bắt đầu và kết thúc với IPv4 và nhấp **Thêm** để thêm vào danh sách **Các lớp mạng được chọn**. Có thể xóa bỏ một nhóm địa chỉ IP khỏi danh sách **Các lớp mạng được chọn** bằng cách chọn mục đó và nhấp **Xóa bỏ**.

Chỉ định địa chỉ IP

Gõ một địa chỉ IPv4 hoặc tên máy chủ và nhấp **Thêm** để thêm vào danh sách **Các đích được chọn**. Bạn cũng có thể nhấp **Nhập** để tìm kiếm danh sách địa chỉ IP (.CSV or .TXT). Có thể xóa bỏ một địa chỉ IP hoặc tên máy chủ khỏi danh sách **Các đích được chọn** bằng cách chọn nó và nhấp **Xóa bỏ**.

Tự động dò tìm máy chủ

Bạn có thể đặt lịch thường xuyên để thực hiện quá trình dò tìm. Nếu các máy chủ được thêm vào hoặc xóa bỏ khỏi mạng thường xuyên, thực hiện dò tìm thường xuyên sẽ giữ cho cơ sở dữ liệu máy chủ cập nhật.

Đặt lịch tự động dò tìm thiết bị

Bạn có thể đặt lịch cho dò tìm máy chủ.

- 1 Nhấp **Máy chủ > Dò tìm > Tự động dò tìm**.
- 2 Trong hộp thoại **Dò Tìm Máy Chủ Theo Lịch Trình**, hãy chọn từ các tùy chọn sau:

Nhấp **Thuộc tính** để chỉnh sửa chế độ dò tìm hiện tại. Lựa chọn từ cửa sổ để cài đặt lịch lặp lại và nhấp **Áp dụng thay đổi**.

Nhấp **Thêm** để tạo một chế độ dò tìm mới. Trong thuật sĩ **Thêm máy chủ**, chọn trong cửa sổ để cài đặt lịch lặp lại. Trên trang **Xác nhận dò tìm**, nhấp **Kết thúc** để lưu thay đổi.
- 3 Nhấp **Xóa** để xóa lịch dò tìm.
- 4 Nhấp **Đóng** để lưu thay đổi và thoát khỏi hộp thoại **Dò Tìm Theo Lịch Trình**.

Các máy chủ đã loại trừ

Có thể loại trừ một máy chủ khỏi quá trình dò tìm. Bạn có thể xóa bỏ một thiết bị khỏi màn hình vì mục đích bảo mật.

Bạn có thể khôi phục một máy chủ vào danh sách máy chủ với tùy chọn **Bao gồm máy chủ**.

Loại trừ một máy chủ khỏi dò tìm

Bạn có thể loại trừ một máy chủ khỏi quá trình dò tìm. Tùy chọn này xóa máy chủ khỏi danh sách máy chủ, và hiển thị nó trong cửa sổ **Các máy chủ bị loại trừ**. Thông tin về máy chủ này sẽ không bị xóa khỏi ứng dụng.

- 1 Trong **Màn hình máy chủ**, chọn máy chủ để loại trừ.
- 2 Nhấp chuột phải vào máy chủ được chọn và nhấp **Xóa**.

Bao gồm máy chủ

Có thể bao gồm lại một máy chủ đã bị loại trừ. Sau khi bao gồm một máy chủ, nó sẽ xuất hiện trong **Dò tìm máy chủ** tiếp theo.

- 1 Nhấp **Máy chủ > Dò tìm > Hiện thị máy chủ bị loại trừ**.
- 2 Trong danh sách, hãy chọn một máy chủ đã bị loại trừ để bao gồm.
- 3 Nhấp **Bao gồm máy chủ**.

Giao diện người dùng

Giao diện người dùng được thiết kế để giúp bạn nhanh chóng lấy được thông tin bạn cần về các thiết bị mạng, các tài khoản thiết bị và máy chủ có trình điều khiển được cài đặt.

Màn hình được chia giữa hai ô trái và phải. Ở ô bên trái, bạn có thể chọn màn hình nào xuất hiện trong danh sách ở ô bên phải. Mỗi màn hình hiển thị dữ liệu trong tổ chức cột và hàng (danh sách) được xác định hoặc trên bố cục (bản đồ).

Ứng dụng này cung cấp hai loại màn hình: màn hình tùy chỉnh được liệt kê dưới **Màn hình của tôi**, và màn hình chuẩn **Màn hình mặc định** được định nghĩa bởi ứng dụng để điều khiển môi trường của bạn.

Trình đơn chính

Trình đơn chính nằm ở góc trên phía bên trái của màn hình. Các thao tác cơ bản ảnh hưởng đến ứng dụng nằm trong trình đơn. Trình đơn chính hoạt động như trình đơn chính Microsoft Windows tiêu chuẩn.

Ô màn hình của tôi

Màn hình của tôi nằm ở ô bên trái của màn hình. **Màn hình của tôi** là danh sách hoặc sơ đồ bạn tạo từ **Màn hình mặc định** hoặc **Màn hình của tôi** khác. Điều này cho phép bạn tùy chỉnh loại thông tin bạn muốn xem. **Màn hình của tôi** được tổ chức theo cấu trúc hình cây hiển thị các thư mục và các nút **Màn hình của tôi**. Khi bạn chọn một nút **Màn hình của tôi**, ứng dụng này sẽ hiển thị màn hình (danh sách hoặc sơ đồ) ở ô bên phải. Bạn có thể tạo các thư mục để tổ chức và quản lý **Màn hình của tôi**. Thêm thông tin vào **Màn hình của tôi** bằng cách nhấp **Màn hình > Thêm màn hình động**, hoặc **Màn hình > Thêm màn hình thủ công sử dụng lựa chọn**.

Ô các màn hình mặc định

Màn hình mặc định là các màn hình danh sách hoặc sơ đồ tiêu chuẩn hiển thị ở ô bên trái màn hình.

Khi bạn chọn một nút màn hình mặc định nhất định, ứng dụng này sẽ hiển thị màn hình (danh sách hoặc sơ đồ) ở ô bên phải.

Ở dưới **Màn hình mặc định**, có sáu màn hình **Thiết bị** tiêu chuẩn, hai màn hình **Tài khoản** tiêu chuẩn, và ba màn hình **Máy chủ**. Không thể xóa những màn hình này.

Bao gồm máy chủ

Có thể bao gồm lại một máy chủ đã bị loại trừ. Sau khi bao gồm một máy chủ, nó sẽ xuất hiện trong **Dò tìm máy chủ** tiếp theo.

- 1 Nhấp **Máy chủ > Dò tìm > Hiển thị máy chủ bị loại trừ**.
- 2 Trong danh sách, hãy chọn một máy chủ đã bị loại trừ để bao gồm.
- 3 Nhấp **Bao gồm máy chủ**.

Ô màn hình danh sách

Danh sách các thiết bị, tài khoản, hoặc máy chủ được hiển thị ở thanh bên phải của cửa sổ ứng dụng phụ thuộc vào màn hình được chọn. Danh sách tùy chỉnh này cung cấp thông tin bạn có thể tổ chức. Bạn có thể mở rộng mỗi dòng trong bất kỳ màn hình danh sách **Thiết bị** nào để hiển thị thêm thông tin. Màn hình

Sơ đồ cũng sẵn có và cho phép bạn xem các thiết bị của bạn trên cơ sở sơ đồ tùy chỉnh.

Nhận biết các biểu tượng trạng thái

Trong danh sách thiết bị hoặc máy chủ, các biểu tượng trạng thái cung cấp thông tin nhanh về điều kiện của mỗi thiết bị. Nhấp vào biểu tượng hình tam giác để mở rộng dòng và xem mô tả điều kiện. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo *Hướng dẫn hoạt động*.

Tùy chỉnh các màn hình danh sách

Bạn có thể sắp xếp thông tin trong một danh sách thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ dưới **Màn hình của tôi**. Bạn có thể cập nhật những thay đổi này vào **Màn hình của tôi** bằng cách nhấp **Cập nhật màn hình** trong thanh công cụ. Những thay đổi được thực hiện đối với **Màn hình mặc định** không được lưu sau khi bạn rời màn hình.

Hiện thị hoặc ẩn cột

Nhấp chuột phải vào một tiêu đề cột để mở danh sách các cột lựa chọn. Nhấp vào một tên cột từ danh sách để thêm vào màn hình. Để xóa một cột khỏi màn hình, hãy nhấp vào bất kỳ tiêu đề cột nào để mở danh sách các cột lựa chọn. Nhấp vào một tên cột có dấu chọn cạnh cột để xóa cột.

Thay đổi độ rộng của cột

Để điều chỉnh độ rộng của một cột, đặt con trỏ lên trên trình chia cột cho tới khi bạn thấy mũi tên có hai đầu. Nhấp và kéo mũi tên đến kích thước cột mong muốn.

Thay đổi vị trí của cột

Để di chuyển cột tới một vị trí khác trong màn hình, hãy nhấp vào tiêu đề cột mong muốn, sau đó kéo cột đến vị trí mong muốn.

Phân loại dòng trong màn hình danh sách

Bạn có thể phân loại thông tin trong màn hình danh sách. Nhấp vào tiêu đề cột để thay đổi trật tự phân loại các dòng trong màn hình, sử dụng dữ liệu trong cột đó làm tiêu chí phân loại. Một tam giác hướng lên trên cho biết các dòng được phân loại theo thứ tự tăng dần; một tam giác hướng xuống dưới cho biết các dòng được phân loại theo thứ tự giảm dần.

Mở rộng dòng trong Danh sách thiết bị

Bạn có thể mở rộng một dòng trong màn hình **Thiết bị** để hiển thị thêm thông tin về thiết bị đó. Nhấp vào biểu tượng hình tam giác trở về phía bên phải để hiển thị thông tin hình ảnh 3D về thiết bị và các tùy chọn đã cài đặt. Những thông tin khác về thiết bị cũng được hiển thị bao gồm mẫu, trạng thái, địa chỉ IP và tốc độ in.

Để thu hẹp một dòng, nhấp lại biểu tượng hình tam giác.

Đóng cửa sổ ứng dụng

Bạn có thể đóng cửa sổ ứng dụng để nó không hiển thị trên màn hình, nhưng ứng dụng vẫn tiếp tục chạy trong khay hệ thống. Tính năng này có ích vì nếu bạn muốn giảm số lượng cửa sổ được mở trên màn hình, hoặc nếu bạn đang chạy một công việc không cần nhìn vào để điều khiển. Trên thanh trình đơn ở phía trên cùng bên trái màn hình, nhấp **Tập tin > Đóng cửa sổ**. Để mở lại một cửa sổ, nhấp đúp vào biểu tượng này trên khay hệ thống; hoặc nhấp chuột phải vào biểu tượng này, sau đó nhấp **Khôi phục**.

Để thoát khỏi ứng dụng, nhấp **Tập tin > Thoát**. Ứng dụng sẽ lưu vùng làm việc đang được hiển thị trước khi thoát. Vùng làm việc được lưu sẽ xuất hiện lần tiếp theo khi người dùng mở ứng dụng.

2 Quản lý màn hình

Ứng dụng này cung cấp hai loại màn hình: màn hình tùy chỉnh được liệt kê dưới tiêu đề **Màn hình của tôi**, và màn hình chuẩn được định nghĩa bởi ứng dụng được liệt kê dưới **Màn hình mặc định**. Màn hình mặc định là:

Thiết bị

Màn hình chung, Màn hình tính năng, Màn hình bộ đếm, Màn hình phần mềm tích hợp sẵn, Màn hình tài sản, Màn hình xem sơ đồ

Tài khoản

Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng, Màn hình tài khoản

Máy chủ

Màn hình máy chủ, Màn hình trình điều khiển máy chủ, Màn hình hàng đợi máy chủ

Bạn có thể tạo, thay đổi hoặc xóa màn hình trong Màn hình của tôi. Trong Màn hình Mặc định, bạn có thể tùy chỉnh hình ảnh của danh sách, nhưng những thay đổi này không được lưu sau khi bạn dời màn hình. Bạn không thể thực hiện những thay đổi cố định đối với màn hình trong Màn hình Mặc định.

Xem dưới dạng

Bạn có thể chuyển sang một màn hình khác bằng cách sử dụng tính năng **Xem dưới dạng** trong trình đơn **Xem**. Chọn màn hình bạn muốn thay đổi, nhấp **Xem > Xem dưới dạng**, và nhấp màn hình mới từ danh sách.

Nếu màn hình gốc nằm dưới **Màn hình mặc định**, màn hình này sẽ chuyển sang màn hình mặc định được chọn.

Nếu màn hình gốc nằm dưới **Màn hình của tôi**, màn hình này sẽ chuyển sang màn hình được chọn. Để lưu màn hình này, nhấp **Cập nhật màn hình**.

Tính năng này không có cho các màn hình **Tài khoản** hoặc màn hình **Máy chủ**.

Màn hình mặc định

Ứng dụng cung cấp số màn hình chuẩn nằm dưới **Màn hình mặc định** mà bạn không thể xóa hoặc chỉnh sửa.

Trong bất kỳ màn hình nào trừ màn hình sơ đồ **Màn hình sơ đồ**, bạn có thể thêm hoặc xóa số cột từ danh sách hiện thời. Nhấp chuột phải vào tiêu đề cột và chọn hoặc xóa mục mong muốn. Màn hình đã sửa đổi không được lưu khi bạn chuyển sang một màn hình khác.

Có số màn hình **Thiết bị** mặc định sau:

Màn hình chung

Hiển thị thông tin chung, như tên màn hình, địa chỉ IP, tên máy chủ, mức mực, mô tả, vị trí, and tên đồng máy.

Màn hình tính năng

Hiện thị hỗ trợ cho số tính năng của thiết bị như màu hoặc đen trắng, tốc độ in, in hai mặt, tổng bộ nhớ, HDD/SSD (thiết bị lưu trữ), quét, FAX, ghim, đục lỗ, sổ địa chỉ, hộp tài liệu, danh sách người dùng và bản ghi lệnh in.

Màn hình bộ đếm

Hiện thị số bộ đếm thiết bị cho tổng số trang được in, số trang được in từ máy photocopy, số trang được in từ máy in, số trang được in từ máy FAX/i-FAX, số trang in đen trắng, số trang in một màu và số trang in nhiều màu, tổng số trang được quét, số trang được quét qua máy photocopy, số trang được quét qua máy FAX và số trang được quét khác.

Màn hình phần mềm tích hợp sẵn

Hiện thị thông tin về phần mềm tích hợp sẵn, bao gồm phần mềm tích hợp sẵn hệ thống, phần mềm tích hợp sẵn của máy, phần mềm tích hợp sẵn của máy quét, phần mềm tích hợp sẵn của máy FAX (Cổng 1 và 2), phần mềm tích hợp sẵn của bảng và phiên bản phần mềm tích hợp sẵn NIC.

Màn hình Tài sản

Hiện thị thông tin tài sản, bao gồm địa chỉ MAC, số seri, và số tài sản.

Màn hình sơ đồ

Hiện thị các thiết bị in trên bản đồ nền của văn phòng.

Có những màn hình **Tài khoản** mặc định sau:

Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng

Hiện thị thông tin chung, các bộ đếm cho những thiết bị hỗ trợ tài khoản.

Màn hình tài khoản

Hiện thị thông tin tài khoản cho các thiết bị được quản lý như tổng bộ đếm cho in, photo, FAX, và quét.

Có những màn hình **Máy chủ** mặc định sau:

Màn hình máy chủ

Hiện thị thông tin chung về các máy chủ mạng.

Màn hình trình điều khiển máy chủ

Hiện thị các trình điều khiển máy in được cài đặt trên máy chủ.

Màn hình hàng đợi máy chủ

Hiện thị các hàng đợi máy in của máy chủ.

Màn hình sơ đồ

Sử dụng **Màn hình sơ đồ** để hiển thị các thiết bị in trên bản đồ nền của văn phòng. Có thể xem và quản lý các thuộc tính thiết bị in từ Màn hình sơ đồ. Sử dụng văn phòng có thể hỗ trợ nhìn thấy vị trí của các thiết bị trong toàn bộ văn phòng.

Dưới **Màn hình mặc định**, nhấp **Màn hình sơ đồ**. Màn hình xem sơ đồ ban đầu hiển thị toàn bộ các thiết bị như là các biểu tượng trên nền trắng. Bạn có thể nhập một hình ảnh bố cục văn phòng của bạn để xuất hiện trên nền, sau đó kéo và thả mỗi biểu tượng thiết bị vào vị trí văn phòng của nó. Màn hình này được toàn bộ các màn hình sơ đồ chia sẻ trong vùng làm việc hiện tại.

Có thể xem thông tin về một thiết bị bằng cách di chuyển con trỏ qua biểu tượng.

Nhập nền sơ đồ

Bạn có thể nhập hình ảnh bố cục văn phòng của mình để nó xuất hiện trên nền màn hình sơ đồ.

- 1 Dưới **Màn hình mặc định**, chọn **Màn hình sơ đồ**.
- 2 Nhấp **Màn hình > Sơ đồ > Nhập nền sơ đồ**.
- 3 Nhấp **Duyệt** để chọn tập tin ảnh (.BMP or .JPG), sau đó nhấp **Mở**.
- 4 Nhấp **OK** trong hộp thoại **Nhập nền sơ đồ**.

Điều chỉnh kích cỡ sơ đồ

Bạn có thể thay đổi kích cỡ hình ảnh bản đồ trong cửa sổ xem.

Hãy sử dụng các lựa chọn sau đây trong hộp **Thu phóng** để thay đổi kích cỡ hình ảnh:

Nhấp **Phóng to** để tăng kích cỡ của hình ảnh lên một mức.

Nhấp **Thu nhỏ** để giảm kích cỡ của hình ảnh xuống một mức.

Nhấp **Canh vừa màn hình** để đặt toàn bộ hình ảnh vào trong màn hình. Nếu bạn thay đổi kích cỡ màn hình, nhấp lại **Canh vừa màn hình**.

Gõ phần trăm nằm trong khoảng 50% đến 300% trong hộp **Thu phóng** và bấm **Nhập**.

Xóa nền sơ đồ

Bạn có thể xóa hình nền từ màn hình sơ đồ. Toàn bộ các biểu tượng thiết bị sẽ giữ nguyên vị trí sau thay đổi này.

Trong trình đơn **Xem**, hãy chọn **Sơ đồ > Xóa nền sơ đồ**.

Màn hình của tôi

Bạn có thể cài đặt màn hình tùy chỉnh dưới **Màn hình của tôi**. Bạn cũng có thể tạo các thư mục để tổ chức các màn hình tùy chỉnh.

Màn hình của tôi cho phép bạn tùy chỉnh thiết bị, tài khoản, hoặc máy chủ được hiển thị cũng như trật tự cột, số cột và các cài đặt màn hình khác. Bạn có thể tạo màn hình tùy chỉnh bằng cách chọn thủ công (Màn hình thủ công) hoặc bằng cách ghép màn hình hiện tại ở ô bên phải (Màn hình động). Để lưu thay đổi sau khi sửa đổi màn hình này, hãy nhấp **Cập nhật màn hình**. Bạn cũng có thể nhấp biểu tượng **Quản lý màn hình** trong **Màn hình của tôi** để mở một trình đơn có nhiều tùy chọn hơn.

Thêm một thư mục mới vào Màn hình của tôi

Bạn có thể tạo các thư mục trong **Màn hình của tôi** để có thể đặt các màn hình tùy chỉnh vào các thư mục.

- 1 Trong thanh trình đơn ở phía trên cùng bên trái màn hình, nhấp **Tập tin > Thư mục mới**.
- 2 Nhập một tên mới vào hộp văn bản.
- 3 Để lưu tên thư mục mới, hãy nhấp vào bên ngoài hộp văn bản hoặc bấm **Nhập**.

Đổi tên một thư mục hoặc màn hình

Bạn có thể thay đổi tên một thư mục hoặc màn hình trong **Màn hình của tôi**.

- 1 Trong ô **Màn hình của tôi** ở phía bên trái màn hình, hãy nhấp vào để tô đậm màn hình hoặc thư mục bạn muốn đổi tên.
- 2 Trong thanh trình đơn, hãy nhấp **Chỉnh sửa > Đổi tên**.
- 3 Gõ tên mới, thay thế tên cũ trong hộp thoại.
- 4 Để lưu tên mới, hãy nhấp vào bên ngoài hộp văn bản hoặc bấm **Nhập**.

Xóa bỏ một thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ khỏi màn hình

Bạn có thể xóa bỏ một thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ để nó không xuất hiện trên màn hình tùy chỉnh trong **Màn hình của tôi**. Thao tác này không xóa mục khỏi cơ sở dữ liệu.

- 1 Chọn một màn hình tùy chỉnh trong **Màn hình của tôi**.
- 2 Chọn một thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ để xóa khỏi màn hình. Có thể chọn nhiều mục bằng cách bấm Ctrl hoặc Shift + nhấp.
- 3 Trên thanh trình đơn ở phía trên cùng bên trái màn hình, nhấp **Chỉnh sửa > Tùy chọn**.

Ghi chú: Không có hộp thoại xác nhận sau khi bạn nhấp **Xóa khỏi màn hình**.

Cập nhật màn hình

Khi bất kỳ màn hình nào trong **Màn hình của tôi** được thay đổi, dấu sao sẽ xuất hiện sau tên của màn hình trong thanh tiêu đề cho tới khi màn hình được lưu. Bạn có thể lưu màn hình đã cập nhật bằng cách nhấp **Màn hình > Cập nhật màn hình**. Dùng tính năng này sau bất kỳ thao tác nào sau đây:

Thay đổi chiều rộng cột hoặc trật tự cột, thêm hoặc xóa cột.

Dùng **Xem > Xem dưới dạng As** để thay đổi loại màn hình.

Phân loại thông tin trong các cột danh sách.

Trùng lặp màn hình

Bạn có thể tạo bản sao của một màn hình trong **Màn hình của tôi**. Tính năng này rất hữu ích nếu bạn muốn tạo một màn hình mới chỉ khác màn hình hiện tại một chút.

- 1 Trong **Màn hình của tôi**, hãy chọn một màn hình để sao chép.
- 2 Nhấp biểu tượng **Quản lý màn hình** và chọn **Trùng lặp**.
- 3 Gõ tên mới có thể lên tới 64 ký tự và bấm **Nhập**.
- 4 Sửa đổi màn hình mới theo nhu cầu.

Đổi tên màn hình

Bạn có thể thay đổi tên một màn hình trong **Màn hình của tôi**. Không thể đổi tên màn hình mặc định.

- 1 Trong **Màn hình của tôi**, hãy chọn một màn hình để đổi tên.
- 2 Nhấp **Chỉnh sửa > Đổi tên**.
- 3 Gõ tên mới có thể lên tới 64 ký tự thay thế tên cũ trong hộp văn bản.
- 4 Để lưu tên mới, hãy nhấp vào bên ngoài hộp văn bản hoặc bấm **Nhập**.

Xóa màn hình

Bạn có thể xóa một màn hình tùy chỉnh trong **Màn hình của tôi**. Không thể khôi phục một màn hình đã bị xóa. Không thể xóa màn hình mặc định.

- 1 Trong **Màn hình của tôi**, hãy chọn một màn hình để xóa.
- 2 Nhấp **Chỉnh sửa > Xóa**. Không có hộp thoại xác nhận sau khi bạn nhấp **Xóa**.

Màn hình động

Màn hình động là bản sao màn hình mặc định hoặc màn hình tùy chỉnh bạn đã tạo trong **Màn hình của tôi**. Màn hình động ghép màn hình hiện tại ở ô bên phải:

Thiết bị

Màn hình chung, Màn hình tính năng, Màn hình bộ đếm, Màn hình phần mềm tích hợp sẵn, Màn hình tài sản, Màn hình xem sơ đồ

Tài khoản

Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản, Màn hình tài khoản

Máy chủ

Màn hình máy chủ, Màn hình trình điều khiển máy chủ, Màn hình hàng đợi máy chủ

Khi đã được tạo, bạn có thể đặt tên và điều chỉnh màn hình động như mong muốn.

Có thể tạo màn hình động khi chọn màn hình thủ công trong **Màn hình của tôi**.

Thêm một màn hình động

Bạn có thể chỉnh sửa màn hình hiện tại và lưu là màn hình tùy chỉnh trong **Màn hình của tôi**.

- 1 Chọn một màn hình trong **Màn hình mặc định** hoặc **Màn hình của tôi**, trừ màn hình thủ công.
- 2 Chỉnh sửa màn hình như mong muốn, sau đó nhấp **Màn hình > Thêm màn hình động**.
- 3 Gõ tên màn hình mới có thể lên tới 64 ký tự

Màn hình thủ công

Màn hình thủ công là màn hình tùy chỉnh bao gồm các công cụ, tài khoản hoặc máy chủ được chọn từ màn hình hiện tại.

Thiết bị

Màn hình chung, Màn hình tính năng, Màn hình bộ đếm, Màn hình phần mềm tích hợp sẵn, Màn hình tài sản, Màn hình xem sơ đồ

Tài khoản

Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản, Màn hình tài khoản

Máy chủ

Màn hình máy chủ, Màn hình trình điều khiển máy chủ, Màn hình hàng đợi máy chủ

Khi đã được tạo, bạn có thể đặt tên và điều chỉnh màn hình thủ công như mong muốn. Không có **Tìm kiếm nâng cao** cho màn hình thủ công. Có thể thêm một thiết bị hoặc tài khoản vào màn hình thủ công bằng cách chọn nó trong một màn hình khác và kéo vào màn hình thủ công.

Thêm màn hình thủ công sử dụng lựa chọn

Bạn có thể tạo màn hình chứa các thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ được chọn và lưu màn hình vào **Màn hình của tôi**.

- 1 Với bất kỳ màn hình nào được hiển thị, hãy chọn một hoặc nhiều thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ từ danh sách hoặc sơ đồ.
- 2 Nhấp **Xem > Thêm màn hình thủ công sử dụng lựa chọn**.
- 3 Gõ tên màn hình mới có thể lên tới 64 ký tự
- 4 Nếu muốn bạn có thể chỉnh sửa màn hình, sau đó nhấp **Cập nhật màn hình**.

Xuất màn hình ra tập tin

Bạn có thể chọn một màn hình và lưu toàn bộ thông tin màn hình ra một tập tin.

- 1 Trong thanh trình đơn, nhấp **Tập tin > Xuất > Màn hình**.
- 2 Gõ hoặc chọn tên tập tin và chọn một đuôi tập tin (.XML or .CSV).
- 3 Nhấp **Lưu**.

Xuất danh sách ra tập tin

Với bất kỳ màn hình danh sách **Thiết bị** hoặc **Tài khoản** được hiển thị nào, bạn có thể xuất toàn bộ thông tin danh sách ra tập tin .CSV hoặc .XML. Kiểu xuất ra .CSV sử dụng cách mã hoá UTF-8.

- 1 Nhấp **Tập tin > Xuất > Danh sách**.
- 2 Trong hộp thoại **Xuất danh sách ra CSV/XML**, hãy gõ tên tập tin và chọn một đuôi tập tin (.XML or .CSV).

3 Nhấp **Lưu**.

Xuất thông tin thiết bị ra một tập tin

Với bất kỳ màn hình **Thiết bị** nào trừ **Màn hình sơ đồ** được hiển thị, bạn có thể xuất thông tin hiện tại cho toàn bộ các thiết bị trong vùng làm việc ra tập tin .CSV hoặc .XML. Kiểu xuất ra .CSV sử dụng cách mã hoá UTF-8.

1 Nhấp **Tập tin > Xuất > Thiết bị**.

2 Trong hộp thoại **Xuất các thiết bị ra CSV/XML**, gõ hoặc chọn một đường dẫn đến tập tin. Tập tin phải có đuôi .CSV hoặc .XML.

3 Nhấp **Lưu**.

Đặt lại kích cỡ các vùng của màn hình

Nếu có nhiều màn hình đã được lưu trong **Màn hình của tôi**, hoặc nếu màn hình có tên dài, bạn có thể nhìn thấy danh sách màn hình dễ dàng hơn bằng cách thay đổi kích cỡ của vùng đang xem ở ô bên trái.

Để thay đổi độ rộng của ô bên trái, hãy nhấp vào biên giữa ô bên trái và ô bên phải sau đó kéo nó từ phải sang trái.

Để thay đổi chiều cao của vùng **Màn hình của tôi**, hãy nhấp vào trên cùng biên **Màn hình mặc định** và kéo nó lên hoặc xuống.

Làm tươi

Thông tin về thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ được tự động cập nhật theo lịch. Vào bất kỳ thời điểm nào, bạn có thể cập nhật thủ công thông tin này cho một hoặc nhiều thiết bị. Có các tùy chọn **Làm tươi** sau đây:

Làm tươi

Chọn một hoặc nhiều thiết bị và nhấp **Xem > Làm tươi** để cập nhật các thiết bị được chọn.

Làm tươi tất cả

Nhấp **Xem > Làm tươi tất cả** để cập nhật tất cả màn hình.

Báo cáo thư mục

Báo cáo thư mục cung cấp thông tin chi tiết về các tài khoản, thiết bị tài khoản cho toàn bộ màn hình trong một thư mục tùy chỉnh. Thư mục phải bao gồm các màn hình tùy chỉnh được tạo từ **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản** or **Xem các tài khoản**. Khi báo cáo thư mục đã được tạo, bạn có thể xuất và lưu nó ở định dạng .CSV hoặc .XML.

Có thể tạo **Báo cáo thư mục tài khoản** can be nếu thư mục bao gồm ít nhất một **Màn hình tài khoản**. Chỉ những tài khoản đã được chọn trong hộp thoại **Báo cáo thư mục tài khoản** được bao gồm trong báo cáo xuất ra.

Có thể tạo **Báo cáo thư mục thiết bị tài khoản** nếu thư mục bao gồm ít nhất một **Màn hình thiết bị tài khoản**. Chỉ những thiết bị đã được chọn trong hộp thoại **Báo cáo thư mục thiết bị tài khoản** được bao gồm trong báo cáo xuất ra.

Tạo và xuất báo cáo thư mục

Sau khi đã tạo một thư mục trong **Màn hình của tôi** và thêm các màn hình tùy chỉnh từ **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản** or **Màn hình tài khoản**, bạn có thể tạo và xuất các tài khoản hoặc báo cáo thiết bị tài khoản.

- 1 Nhấp chuột phải vào thư mục mong muốn và chọn **Báo cáo thư mục**, sau đó chọn **Tài khoản** or **Các thiết bị kiểm soát tài khoản**.
- 2 Trong hộp thoại **Báo cáo thư mục tài khoản** hoặc **Báo cáo thư mục các thiết bị kiểm soát tài khoản**, hãy chọn một hoặc nhiều tài khoản hoặc thiết bị để bao gồm trong báo cáo.
- 3 Nhấp **Xuất** để mở hộp thoại **Xuất màn hình ra CSV/XML**.
- 4 Chọn loại định dạng, đặt tên báo cáo, và nhấp **Lưu**.

Tìm kiếm

Có hai loại tìm kiếm cho việc tìm kiếm thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ với những đặc điểm nhất định. **Tìm kiếm** tìm thấy dữ liệu trong màn hình đang được hiển thị. Các mục nhập không được lưu khi bạn di chuyển từ màn hình này sang màn hình khác. **Tìm kiếm Nâng cao** tìm thấy tất cả thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ trong cơ sở dữ liệu cho các giá trị được chọn trong hộp thoại tìm kiếm.

Đang tìm kiếm

Tìm kiếm sẽ tìm trong các cột đã bị xóa khỏi màn hình. Kết quả không được lưu khi bạn di chuyển từ màn hình này sang màn hình khác, hoặc thực hiện **Tìm kiếm nâng cao**. Tìm kiếm không kiểm tra vùng thông tin mở rộng của thiết bị.

Tìm kiếm có thể tìm thấy thông tin khớp chính xác cho một phần hoặc toàn bộ các từ trong các cột sau hoặc trong **Màn hình sơ đồ**:

Tìm kiếm thiết bị: **Tên hiển thị, Địa chỉ IP, Tên máy chủ, Tên dòng máy**

Tìm kiếm tài khoản: **Mã tài khoản**

Tìm kiếm máy chủ: **Tên máy chủ, Tên trình điều khiển, Tên hàng đợi, Địa chỉ IP, Thông tin về HĐH**

- 1 Hãy gõ từ cần tìm kiếm (lên đến tối đa 64 ký tự) trong hộp văn bản. Khi gõ, tìm kiếm sẽ kiểm tra dữ liệu của toàn bộ các thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ trong màn hình gốc.
- 2 Để xóa từ tìm kiếm, hãy nhấp vào biểu tượng cạnh hộp **Nội dung tìm kiếm**. Thao tác này xóa bất kỳ văn bản nào trong hộp văn bản và khôi phục màn hình về danh sách gốc các thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ trước tìm kiếm.

Tìm kiếm nâng cao

Tính năng **Tìm kiếm nâng cao** có cho **Màn hình mặc định**. Tính năng này tìm toàn bộ các thiết bị, tài khoản và máy chủ in trong cơ sở dữ liệu khớp với tiêu chí tìm kiếm. Có thể định nghĩa tới sáu thuộc tính cho tìm kiếm này. Kết quả tìm kiếm được hiển thị cho tới khi bạn thay đổi sang một màn hình khác, hoặc thực hiện tìm kiếm khác.

- 1 Chọn màn hình mặc định.

- 2 Nhấp **Chỉnh sửa > Tìm kiếm nâng cao**.
- 3 Trong hộp thoại **Tìm kiếm nâng cao**, hãy chọn một logic tìm kiếm:
 - Khớp toàn bộ tiêu chí**
Tùy chọn này tìm kiếm các thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ đáp ứng toàn bộ các từ trong nội dung tìm kiếm được xác định trong **Tiêu chí**.
 - Khớp toàn bộ tiêu chí**
Tùy chọn này tìm kiếm các thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ đáp ứng ít nhất một trong các từ trong nội dung tìm kiếm được xác định trong **Tiêu chí**.
- 4 Trong **Tiêu chí**, hãy chọn các tính năng hoặc thuộc tính để tìm trong tìm kiếm.
 - Cột trái
Chọn một thuộc tính trên một danh sách thuộc tính. Có sáu danh sách thuộc tính. Thuộc tính của dòng thiết bị khác nhau sẽ khác nhau.
 - Cột giữa
Các điều kiện có sẵn tùy thuộc vào thuộc tính được chọn.
 - Cột phải
Gõ hoặc chọn một giá trị vào ô.
- 5 Nhấp **OK**. Ứng dụng sẽ tìm kiếm toàn bộ các thiết bị, tài khoản hoặc máy chủ và hiển thị chúng khớp với **Tiêu chí** được chọn. Trong **Màn hình sơ đồ**, các kết quả tìm kiếm thiết bị xuất hiện ở vị trí được lưu trên bản đồ văn phòng.

3 Thiết bị

Trình đơn **Thiết bị** được sử dụng để tìm thiết bị và quản lý cài đặt thiết bị.

Thuộc tính thiết bị

Hộp thoại **Thuộc tính** hiển thị các cài đặt và thông tin trạng thái về thiết bị được chọn. Để mở thuộc tính thiết bị, hãy chọn một thiết bị và nhấp vào biểu tượng **Thuộc tính**. Các cài đặt có thể khác nhau phụ thuộc vào thiết bị được chọn. Cài đặt có thể bao gồm:

Cài đặt thiết bị cơ bản

Vùng này hiển thị **Tên hiển thị**, **Dòng máy**, **Trạng thái**, **Địa chỉ IP**, **Tên máy chủ**, **Vị trí**, và **Mô tả** thiết bị in. Hộp **Thông báo bảng** hiển thị thông tin đang được hiển thị trên bảng hoạt động của thiết bị. Có thể chỉnh sửa **Tên hiển thị**, **Vị trí**, và **Mô tả**.

Cảnh báo thiết bị

Vùng này mô tả các cảnh báo đang xuất hiện, và những phương pháp giải quyết sự cố có thể thực hiện.

Đầu vào phương tiện

Vùng này hiển thị các khay và hộp băng từ đang được cài đặt, các tính năng của chúng và sơ bộ về số lượng giấy trong đó.

Các tính năng

Vùng này hiển thị một số đặc điểm chính của thiết bị đang được chọn.

Các bộ đếm

Vùng này hiển thị các bộ đếm khác nhau cho những loại giấy hoặc phương tiện và đầu ra khác nhau.

Phiên bản phần mềm tích hợp sẵn

Vùng này hiển thị phiên bản của phần mềm tích hợp sẵn cho các phần khác nhau của hệ thống.

Bộ nhớ

Vùng này hiển thị khoảng trống có trong các thiết bị lưu trữ, trên ROM tùy chỉnh và đĩa RAM.

Tài sản

Vùng này hiển thị **Địa chỉ máy MAC** của bộ chuyển nguồn mạng trong thiết bị, **Số sê-ri** của thiết bị và **Số tài sản** có thể sẽ được gán bởi tổ chức của bạn.

Hiển thị thuộc tính thiết bị

Bạn có thể xem các thuộc tính của thiết bị in.

- 1 Hãy chọn một thiết bị trong ô màn hình.
- 2 Nhấp vào biểu tượng **Thuộc tính** để hiển thị thông tin về thiết bị được chọn.

- 3** Nhấp **Làm tươi** để cập nhật bất kỳ cài đặt nào lẽ ra đã có thể được thay đổi trên thiết bị khi hộp thoại này mở.

Hiển thị trang chủ thiết bị

Các thiết bị in bao gồm các máy chủ web có thể hiển thị một trang web bao gồm thông tin về trạng thái hiện tại và các cài đặt của thiết bị. Bố cục và thông tin hiển thị trên trang này khác nhau tùy theo dòng máy in. Nhấp **Thiết bị > Trang chủ thiết bị** để hiển thị trang web.

Đăng nhập của quản trị viên

Đối với một số dòng máy, bắt buộc xác thực của quản trị viên để truy cập các tính năng được chọn trong các trình đơn **Thiết bị** và **Tài khoản**. Các tính năng có sẵn khác nhau tùy theo dòng máy. Khi bạn chọn tính năng từ một trình đơn hoặc trình đơn ngữ cảnh, bạn sẽ được gợi ý gõ một trong những nội dung sau vào hộp thoại **Đăng nhập của quản trị viên**:

Mật khẩu trung tâm lệnh

Đăng nhập của quản trị viên và **Mật khẩu của quản trị viên** (có Dừng mã xác thực cục bộ tùy chọn)

Mã quản trị viên tài khoản

Hoạt động trên nhiều thiết bị không gợi ý đăng nhập quản trị viên. Các tùy chọn đăng nhập phải được cấu hình trong phần **Đăng nhập** của hộp thoại **Cài đặt Kết nối mạng**.

Sổ địa chỉ

Sổ địa chỉ là danh sách các cá nhân và thông tin liên hệ của họ được lưu trữ trên thiết bị. Mỗi mục nhập một cá nhân được gọi là người liên hệ, và có thể sắp xếp người liên hệ theo nhóm. Có thể lưu trữ thông tin người liên hệ và thông tin nhóm trên thiết bị và sử dụng cho các hoạt động fax và quét.

Để mở sổ địa chỉ, hãy chọn một thiết bị trong danh sách thiết bị và chọn **Thiết bị > Sổ địa chỉ**.

Ghi chú: Nếu xác thực được đặt, thì việc truy cập sổ địa chỉ sẽ yêu cầu **Tên người dùng đăng nhập** và **Mật khẩu** chính xác trong **Thông số Kết nối Mạng** cho thiết bị. Nếu xác thực trên thiết bị không được đặt, thì hộp thoại đăng nhập sẽ không xuất hiện vì vậy không cần có tên người dùng và mật khẩu.

Thông tin được lưu trữ cho mỗi người liên hệ bao gồm:

Số

Tên (và furigana, nếu có)

Trang bìa (người nhận, công ty, bộ phận). Thông tin này được truyền qua FAX qua mạng.

E-mail

FTP (Giao thức chuyển tập tin)

SMB (Khối thông điệp máy chủ)

FAX

FAX qua internet

Bạn có thể tạo các mã **Bấm một lần** cho phép bạn truy cập các mục sổ địa chỉ bằng cách bấm một phím trên bảng điều khiển của hệ thống in.

Thêm người liên hệ

Bạn có thể thêm cá nhân vào ổ địa chỉ được lưu trên thiết bị.

- 1 Trên thanh trình đơn ở phía trên bên trái của **Sổ địa chỉ**, nhấp **Thêm người liên hệ**. Hộp thoại **Cài đặt người liên hệ** xuất hiện.
- 2 Hãy nhập tên người liên hệ trong hộp **Tên**.
- 3 Nhấp **OK** để lưu mục nhập sổ địa chỉ mới.

Thêm nhóm

Có thể sắp xếp người liên hệ trong sổ địa chỉ thành nhóm. Tính năng này hữu ích khi thiết bị gửi ra thông báo ví dụ về các loại sự kiện nhất định.

- 1 Trên thanh trình đơn ở phía trên bên trái của **Sổ địa chỉ**, nhấp **Thêm nhóm**. Hộp thoại **Cài đặt nhóm** xuất hiện.
- 2 Nhập tên của nhóm mới. Tên này không cần phải là duy nhất.
- 3 Nhấp **OK** để gửi thông tin vào thiết bị.

Thêm người liên hệ vào nhóm

Bạn có thể tìm kiếm người liên hệ và thêm họ vào nhóm hiện tại. Mỗi bước yêu cầu liên lạc với thiết bị có thể có tốc độ chậm do điều kiện mạng.

- 1 Chọn nhóm và nhấp vào biểu tượng **Thuộc tính**.
- 2 Trong hộp thoại **Cài đặt nhóm**, hãy nhấp vào biểu tượng **Thêm thành viên**. Danh sách người dùng được tải xuống từ thiết bị và xuất hiện trong hộp thoại.
- 3 Chọn một hoặc nhiều người dùng để thêm và nhấp **Thêm**.
- 4 Nhấp **OK** trong hộp thoại **Thêm thành viên nhóm**.

Bạn có thể xóa một người liên hệ bằng cách chọn người đó trong hộp thoại **Cài đặt nhóm** và nhấp biểu tượng **Xóa bỏ thành viên**.

Xóa Liên hệ và Nhóm

Bạn có thể xóa liên hệ và nhóm khỏi danh bạ địa chỉ khi không cần chúng nữa.

- 1 Chọn một hoặc nhiều liên hệ hay nhóm.
- 2 Nhấp vào biểu tượng **Xóa**, sau đó nhấp vào **Có** để xác nhận.

Thông tin cập nhật được gửi tới thiết bị.

Chỉnh sửa Liên hệ và Nhóm

Bạn có thể chỉnh sửa thông tin đã lưu trong hộp thoại **Danh bạ Địa chỉ** cho mỗi liên hệ hoặc nhóm nếu cần.

- 1 Chọn liên hệ hoặc nhóm và nhấp vào biểu tượng **Thuộc tính**.
- 2 Chỉnh sửa thông tin trong hộp thoại **Cài đặt Liên hệ** hoặc **Cài đặt Nhóm** và nhấp vào **OK** để lưu thay đổi.

Phím Bấm Một lần

Tính năng này cho phép bạn truy cập mục **Danh bạ Địa chỉ** cho liên hệ hoặc nhóm bằng cách nhấn một phím trên bảng điều khiển của hệ thống in.

Số lượng phím **Bấm Một lần** có thể được tạo cho từng danh bạ địa chỉ thay đổi theo dòng máy hệ thống in.

Thêm Phím Bấm Một lần

Bạn có thể tạo danh sách phím **Bấm Một lần** cho **Danh bạ Địa chỉ**.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn hệ thống in có danh bạ địa chỉ.
- 2 Nhấp vào **Thiết bị > Danh bạ địa chỉ**.
- 3 Trong hộp thoại **Danh bạ Địa chỉ**, nhấp vào biểu tượng **Xem các phím Bấm Một lần**, sau đó nhấp vào biểu tượng **Thêm phím Bấm Một lần**.
- 4 Trong hộp thoại **Thêm phím Bấm Một lần**, hãy chọn cài đặt:
 - Tên phím**
Nhập tên, tối đa 24 ký tự.
 - Số**
Chọn một số, tối đa 1000 (số tối đa thay đổi theo dòng máy) hoặc chọn **Tự động** để chọn số khả dụng kế tiếp.
 - Đích**
Nhấp vào **Thêm đích**. Trong hộp thoại **Đích Phím Bấm Một lần**, hãy chọn liên hệ hoặc nhóm.
- 5 Nhấp **OK** trong tất cả các hộp thoại.

Để xóa một mục khỏi hộp thoại **Phím Bấm Một lần**, hãy chọn mục đó trong danh sách và nhấp vào **Xóa phím Bấm Một lần**.

Xem và Chỉnh sửa Thuộc tính Phím Bấm Một lần

Bạn có thể xem và chỉnh sửa thông tin về phím **Bấm Một lần** cho liên hệ và nhóm.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn hệ thống in có danh bạ địa chỉ.
- 2 Nhấp vào **Thiết bị > Danh bạ địa chỉ**.
- 3 Trong hộp thoại **Danh bạ Địa chỉ**, hãy nhấp vào biểu tượng **Xem các phím Bấm Một lần**.
- 4 Trong hộp thoại **Phím Bấm Một lần**, hãy chọn mục danh sách và nhấp vào **Thuộc tính Phím Bấm Một lần** để xem chi tiết phím **Bấm Một lần**.

5 Trong hộp thoại **Thuộc tính Phím Bấm Một lần**, bạn có thể chỉnh sửa **Tên** và **Đích**.

6 Nhấp **OK** trong tất cả các hộp thoại.

Tìm kiếm Phím Bấm Một lần

Trong hộp thoại **Đích Phím Bấm Một lần**, bạn có thể tìm kiếm theo **Số**, **Tên**, **Số địa chỉ** và **Loại địa chỉ**. Trong hộp thoại **Phím Bấm Một lần**, bạn có thể tìm kiếm theo **Số**, **Loại địa chỉ**, **Tên** và **Đích**.

1 Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.

2 Nhập toàn bộ hoặc một phần chuỗi tìm kiếm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.

3 Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị lại toàn bộ danh sách, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Sao chép Liên hệ và Nhóm

Bạn có thể sao chép liên hệ và nhóm từ các mục hiện có.

1 Chọn liên hệ hoặc nhóm cần sao chép rồi nhấp vào biểu tượng **Sao chép**.

2 Nhấp vào biểu tượng **Dán vào**.

3 Sửa đổi liên hệ hoặc nhóm mới, nếu cần.

Tìm kiếm Danh bạ Địa chỉ

Bạn có thể tìm kiếm danh bạ địa chỉ của thiết bị nhằm cập nhật thông tin nhóm hoặc liên hệ. Bạn có thể tìm kiếm thông tin danh bạ địa chỉ theo **Số**, **Tên**, **E-mail**, **FTP**, **SMB**, **Số FAX** hoặc **Địa chỉ FAX qua Internet**.

1 Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.

2 Nhập tên hoặc một phần tên (hoặc furigana, nếu có) để tìm trong hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.

3 Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị lại toàn bộ danh bạ địa chỉ, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Cài đặt Máy in Màn hình Thiết bị

Phần mềm trình điều khiển máy in cung cấp cài đặt để tùy chỉnh đầu ra từ hệ thống in của bạn. Bạn có thể cài đặt trình điều khiển máy in từ menu **Thiết bị**. Sau khi cài đặt, bạn có thể nâng cấp hoặc tháo cài đặt trình điều khiển.

Cài đặt Trình điều khiển Máy in trong Màn hình Thiết bị

Bạn có thể sử dụng thuật sĩ **Cài Đặt Trình Điều Khiển** để cài đặt trình điều khiển máy in.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, chọn thiết bị và nhấp vào **Thiết bị > Nâng cao > Cài đặt trình điều khiển**.
- 2 Trong thuật sĩ **Cài Đặt Trình Điều Khiển**, chọn máy tính lưu trữ nơi trình điều khiển sẽ được cài đặt. Nhấp **Tiếp theo**. Nếu bạn không thể truy cập một hoặc nhiều máy chủ, thì một thông báo sẽ xuất hiện.
- 3 Chọn một hoặc nhiều dòng máy in để cài đặt. Nhấp **Tiếp theo**.
- 4 Nhấp **Dùng đĩa** và duyệt qua để tìm tập tin .INF hợp lệ cho từng trình điều khiển được cài đặt. Nhấp **Tiếp theo**.
- 5 Trên trang **Cài đặt máy in**, chọn cài đặt khả dụng cho từng trình điều khiển máy in. Để biết thông tin về những cài đặt này, hãy tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Trình điều khiển Máy in*. Không thể thay đổi cổng. Các tùy chọn sau mở ra hộp thoại khác để chọn cài đặt:
 - Bạn có thể nhấp vào **Thông số cài đặt chung** và áp dụng cài đặt cho tất cả dòng máy in được chọn.
 - Bạn có thể nhấp vào **Xung đột** và chọn từ các tùy chọn khả dụng.
 - Bạn có thể nhấp vào **Nhập** và chọn tập tin cài đặt cấu hình (.KVP).
 - Bạn có thể nhấp vào **Xuất** và lưu cài đặt cấu hình hiện tại vào tập tin .KVP.Nhấp **Tiếp theo**.
- 6 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy xem xét cài đặt của bạn.
- 7 Nhấp vào **Kết thúc** để cài đặt trình điều khiển máy in.
- 8 Khi quá trình cài đặt hoàn tất, bạn có thể nhấp vào **Xuất** để lưu tập tin nhật ký (.TXT).
- 9 Nhấp **OK**.

Nâng cấp Trình điều khiển Máy in trong Màn hình Thiết bị

Bạn có thể nâng cấp trình điều khiển máy in lên phiên bản mới hơn.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, chọn thiết bị và nhấp vào **Thiết bị > Nâng cao > Nâng cấp trình điều khiển**.
- 2 Trong thuật sĩ **Nâng cấp Trình điều khiển**, chọn máy tính lưu trữ nơi trình điều khiển hiện được cài đặt. Nhấp **Tiếp theo**.
- 3 Chọn trình điều khiển sẽ nâng cấp, sau đó nhấp vào **Tiếp theo**. Nhấp **Dùng Đĩa** và duyệt qua để tìm tập tin .INF hợp lệ cho từng trình điều khiển được nâng cấp.

- 4 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy xem xét cài đặt đã chọn.
- 5 Nhấp **Kết thúc** để bắt đầu quá trình nâng cấp. Khi quá trình nâng cấp hoàn tất, bạn có thể nhấp vào **Xuất** để lưu tập tin nhật ký nâng cấp (.TXT).
- 6 Nhấp **OK**.

Gỡ Trình điều khiển Máy in trong Màn hình Thiết bị

Bạn có thể sử dụng thuật sĩ **Gỡ Trình điều khiển** để tháo cài đặt trình điều khiển máy in.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, chọn thiết bị và nhấp vào **Thiết bị > Nâng cao > Gỡ trình điều khiển**.
- 2 Trong thuật sĩ **Gỡ Trình điều khiển**, hãy chọn một hoặc nhiều máy chủ. Nhấp **Tiếp theo**.
- 3 Chọn hộp kiểm bên cạnh mỗi trình điều khiển cần tháo cài đặt. Chọn ít nhất một trình điều khiển trong mỗi máy chủ. Nhấp **Tiếp theo**.
- 4 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy xem xét lựa chọn của bạn.
- 5 Nhấp **Kết thúc** để bắt đầu quá trình tháo cài đặt. Khi quá trình tháo cài đặt hoàn tất, bạn có thể nhấp vào **Xuất** để lưu tập tin nhật ký tháo cài đặt (.TXT).
- 6 Nhấp **OK**.

Người dùng Thiết bị

Người dùng thiết bị được phép sử dụng thiết bị có trên danh sách người dùng với thông tin đăng nhập và mật khẩu của họ. Khi xác thực người dùng được đặt, chỉ những người dùng là quản trị viên trên thiết bị mới có thể sử dụng các chức năng khác nhau của thiết bị.

Ghi chú: Để truy cập danh sách người dùng của thiết bị, phải có **Tên người dùng đăng nhập** và **Mật khẩu** chính xác trong **Thông số Kết nối Mạng** cho thiết bị. Nếu mật khẩu quản trị viên được đặt cho thiết bị, thì chỉ quản trị viên mới có thể thay đổi danh sách người dùng.

Thêm Người dùng Thiết bị

Bạn có thể thêm người dùng vào danh sách người dùng có trên thiết bị. Bạn có thể sử dụng **Danh sách Người dùng Thiết bị** để kiểm soát những người dùng nào có thể vận hành hoặc truy cập thiết bị.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Nhấp vào **Thiết bị > Người dùng**.
- 3 Trong hộp thoại **Người dùng**, hãy nhấp vào biểu tượng **Thêm Người dùng**.

- 4 Nhập thông tin về người dùng vào hộp thoại.
- 5 Nhấp **Chọn** để chọn từ các ID tài khoản khả dụng.
- 6 Chọn **Cho phép quản trị viên truy cập** để cấp cho người dùng quyền thay đổi cài đặt thiết bị. Nếu bỏ chọn hộp kiểm này, người dùng chỉ có quyền truy cập của người dùng.
- 7 Nhấp **Nâng cao** để chọn các tùy chọn bổ sung:
 - Ngôn ngữ**
Chọn ngôn ngữ bảng điều khiển mặc định cho người dùng.
 - Màn hình mặc định**
Chọn màn hình bảng điều khiển mặc định xuất hiện khi người dùng chọn **Các Thông số Cài đặt Hệ thống của Thiết bị** trên thiết bị.
 - Màn hình mặc định để Gửi/FAX**
Chọn màn hình bảng điều khiển mặc định xuất hiện khi người dùng chọn **Các Thông số Cài đặt Hệ thống của Thiết bị > Gửi Thông số Cài đặt** trên thiết bị.
 - Màn hình mặc định của Mục ưa chuộng/Ứng dụng**
Chọn màn hình bảng điều khiển mặc định xuất hiện khi người dùng chọn **Các Thông số Cài đặt Hệ thống của Thiết bị > Chương trình/Mục ưa chuộng** (hoặc **Ứng dụng**) trên thiết bị.
 - Thông tin thẻ ID**
Nhập giá trị chữ và số duy nhất của thẻ ID cho người dùng.
 - Sự ủy nhiệm**
Chọn quyền cho từng tính năng in khả dụng.
- 8 Nhấp **OK** để tạo người dùng thiết bị mới.

Bạn có thể chỉnh sửa người dùng thiết bị bằng cách chọn người dùng đó từ danh sách và nhấp vào **Thuộc tính**.

Bạn có thể xóa người dùng thiết bị bằng cách chọn người dùng đó từ danh sách và nhấp vào **Xóa người dùng**.

Tìm kiếm Danh sách Người dùng Thiết bị

Bạn có thể tìm kiếm hộp thoại **Người dùng** theo **Tên người dùng đăng nhập** hoặc **Tên người dùng**.

- 1 Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.
- 2 Nhập tên hoặc một phần tên cần tìm kiếm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 3 Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị lại toàn bộ danh sách, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Cài đặt Khóa Đăng nhập Đơn giản

Bạn có thể chọn cài đặt **Đăng nhập Đơn giản** cho thiết bị của mình.

- 1** Chọn thiết bị.
- 2** Nhấp vào **Thiết bị > Người dùng**.
- 3** Trong hộp thoại **Người dùng**, nhấp **Xem các khóa Đăng nhập Đơn giản**.
- 4** Trong hộp thoại **Các Khóa Đăng nhập Đơn giản**, nhấp **Thêm khóa Đăng nhập Đơn giản**.
- 5** Trong hộp thoại **Thêm khóa Đăng nhập Đơn giản**, chọn một biểu tượng và nhập tên tối đa 32 ký tự.
- 6** Chọn **Mã số cụ thể** từ 1 đến 20 hoặc chọn **Số khả dụng kế tiếp** để đặt số lượng tự động.
- 7** Chọn **Chế độ xác thực**.
 Nếu **Dùng mã xác thực cục bộ** được chọn, hãy nhấp **Chọn trong danh sách người dùng**. Chọn tên người dùng đăng nhập và nhấp **OK**.
 Nếu **Dùng chế độ xác thực qua mạng** được chọn, hãy nhập **Tên người dùng đăng nhập** và **Mật khẩu đăng nhập**. Đối với **Mật khẩu đăng nhập**, chọn **Bật** để yêu cầu mật khẩu đăng nhập. Chọn **Tắt** để tắt yêu cầu mật khẩu.
- 8** Nhấp **Thêm** để tạo khóa **Đăng nhập Đơn giản**.

 Bạn có thể chỉnh sửa khóa **Đăng nhập Đơn giản** bằng cách chọn khóa đó và nhấp **Thuộc tính**.

 Bạn có thể xóa một mục khỏi hộp thoại **Các Khóa Đăng nhập Đơn giản** bằng cách chọn mục đó và nhấp **Xóa khóa Đăng nhập Đơn giản**.

Tìm kiếm Danh sách Khóa Đăng nhập Đơn giản

Bạn có thể tìm kiếm hộp thoại **Các Khóa Đăng nhập Đơn giản** theo **Mã số khóa Đăng nhập Đơn giản** hoặc **Tên của khóa Đăng nhập Đơn giản**.

- 1** Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.
- 2** Nhập tên hoặc một phần tên cần tìm kiếm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 3** Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị lại toàn bộ danh sách, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Các lệnh in

Lệnh **Các lệnh in** mở ra hộp thoại **Các lệnh in**, nơi bạn có thể xem thông tin về các lệnh in hiện trong hàng đợi của thiết bị. Nhật ký lệnh in hiển thị thông tin về các lệnh in gần đây đã được xử lý.

Bốn loại trạng thái hiện có: **Trạng thái các lệnh in**, **Trạng thái các lệnh in gửi**, **Trạng thái các lệnh in lưu** và **Trạng thái lệnh in đã lên lịch**.

Ba loại nhật ký lệnh in hiện có: **Nhật ký lệnh in**, **Nhật ký lệnh in gửi** và **Nhật ký lệnh in lưu**.

Hiển thị Chi tiết Lệnh in

Bạn có thể xem thông tin chi tiết về lệnh in cụ thể. Thông tin được hiển thị tùy thuộc vào loại lệnh in.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Các lệnh in**.
- 3 Nhấp **Xem dưới dạng** và chọn trạng thái lệnh in hoặc nhật ký lệnh in.
- 4 Trong danh sách lệnh in, chọn một lệnh in.
- 5 Chọn **Thuộc tính**. Hộp thoại **Chi tiết Lệnh in** xuất hiện.

Xuất Nhật ký Lệnh in

Bạn có thể xuất nhật ký lệnh in ra các tập tin để sử dụng trong các ứng dụng khác.

- 1 Trong thanh menu ở đầu hộp thoại **Các lệnh in**, nhấp **Xuất**.
- 2 Từ danh sách thả xuống, chọn một nhật ký lệnh in để xuất.
- 3 Nhấp **Duyệt qua** và chỉ định tên tập tin và vị trí để lưu tập tin.
- 4 Trong **Số mục nhập tối đa**, chọn hoặc nhập số lượng dòng sẽ lưu vào nhật ký.
- 5 Nhấp **OK** để lưu nhật ký.

Tìm kiếm Danh sách Lệnh in

Bạn có thể tìm kiếm danh sách **Lệnh in** theo **Tên lệnh in** hoặc **Tên người dùng** để tìm một lệnh in cụ thể.

- 1 Trong danh sách **Những trường cho phép tìm kiếm**, chọn **Tên lệnh in** hoặc **Tên người dùng**.
- 2 Nhập tên hoặc một phần tên vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 3 Sau khi xem thông tin lệnh in, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Các Lệnh in đã Lưu

Các Lệnh in đã Lưu cho phép bạn xem các lệnh in **Tạm thời** và **Cố định** được lưu trên ổ cứng. Bạn có thể in hoặc xóa các lệnh in đã lưu khỏi bộ nhớ ổ cứng. Bạn cũng có thể in danh sách các lệnh in đã lưu. Tính năng này được hỗ trợ cho một số dòng máy đã lắp đặt ổ cứng.

Xem các Lệnh in đã Lưu

Bạn có thể xem thông tin về các lệnh in **Tạm thời** hoặc **Cố định** được lưu trên ổ cứng.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Các lệnh in đã lưu**.
- 3 Bất kỳ lúc nào, nhấp **Làm mới** để Cập nhật màn hình.

In các Lệnh in đã Lưu

Bạn có thể in các lệnh in **Tạm thời** hoặc **Cố định** đã chọn được lưu trên ổ cứng.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Các lệnh in đã lưu**.
- 3 Trong hộp thoại **Các Lệnh in đã Lưu**, chọn lệnh in sẽ in.
- 4 Nhấp **In** và chọn **In các lệnh in đã chọn**.
- 5 Trong hộp thoại xác nhận, nhấp **Có** để in.

In Danh sách Lệnh in đã Lưu

Bạn có thể in danh sách các lệnh in **Tạm thời** hoặc **Cố định** được lưu trên ổ cứng.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Các lệnh in đã lưu**.
- 3 Trong hộp thoại **Các lệnh in đã lưu**, nhấp **In** và chọn **In danh sách lệnh in tạm thời** hoặc **In danh sách lệnh in cố định**.

Xóa các Lệnh in đã Lưu

Bạn có thể xóa một hoặc nhiều lệnh in **Tạm thời** hoặc **Cố định** khỏi bộ nhớ ổ cứng.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Các lệnh in đã lưu**.

- 3 Trong hộp thoại **Các Lệnh in đã Lưu**, chọn tùy chọn xóa:
Chọn lệnh in từ danh sách. Nhấp **Xóa > Xóa các lệnh in đã chọn**.
Đối với các lệnh in **Tạm thời**, nhấp **Xóa > Xóa các lệnh in tạm thời**.
Đối với các lệnh in **Cố định**, nhấp **Xóa > Xóa các lệnh in cố định**.
Đối với tất cả các lệnh in được lưu trong thiết bị, chọn **Xóa tất cả các lệnh in**.
- 4 Nhấp **Có** trong hộp thoại xác nhận để kết thúc.

Tìm kiếm các Lệnh in đã Lưu

Bạn có thể tìm kiếm danh sách các lệnh in đã lưu theo **Tên lệnh in** hoặc **Chủ sở hữu** để tìm một lệnh in cụ thể.

- 1 Trong danh sách **Những trường cho phép tìm kiếm**, chọn **Tên lệnh in** hoặc **Chủ sở hữu**.
- 2 Nhập tên hoặc một phần tên vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 3 Sau khi xem thông tin lệnh in, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Ô Tài liệu

Ô Tài liệu là một loại hộp thư ảo trên thiết bị. Nó được các cá nhân và nhóm sử dụng để quản lý các tập tin được lưu trên thiết bị.

Ghi chú: Nếu xác thực được đặt, thì việc truy cập hộp tài liệu sẽ yêu cầu **Tên người dùng đăng nhập** và **Mật khẩu** chính xác trong **Thông số Kết nối Mạng** cho thiết bị. Nếu xác thực trên thiết bị không được đặt, thì hộp thoại đăng nhập sẽ không xuất hiện vì vậy không cần có tên người dùng và mật khẩu.

Xem và Chỉnh sửa Ô Tài liệu

Bạn có thể xem và chỉnh sửa thông tin về các lệnh in đã lưu trong ô tài liệu trên thiết bị lưu trữ.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Ô Tài liệu** để xem số, tên và chủ sở hữu của tất cả các ô tài liệu.
- 3 Để xem thông tin chi tiết, chọn một ô và nhấp vào biểu tượng **Thuộc tính ô**. Trong hộp thoại **Thuộc tính Ô**, bạn có thể chỉnh sửa thông tin đã chọn:
 - Tên**
Nhập tên mới cho ô.
 - Số**
Chọn số ô khả dụng.
 - Chủ sở hữu**
Nếu có, chọn chủ sở hữu mới từ danh sách.

Cài đặt chủ sở hữu

Chọn loại chủ sở hữu từ danh sách.

Mức sử dụng giới hạn (MB)

Nếu có, đặt giá trị từ 1 đến 30000 MB.

Tự động xóa các tập tin thời gian (ngày)

Nếu có, chọn thời gian mà tập tin được lưu vào bộ nhớ thiết bị, từ 1 đến 31 ngày.

Chia sẻ

Chọn để bật ô này cho nhiều người dùng.

Đổi mật khẩu

Bạn có thể đặt hoặc đổi mật khẩu cho ô, nếu muốn.

Cài đặt ghi đè

Chọn để cho phép tài liệu mới thay thế tài liệu hiện tại có cùng tên.

Địa chỉ mạng con

Nhập địa chỉ mạng con. Khả dụng với ô FAX.

Xóa sau khi in

Chọn tùy chọn này để xóa vĩnh viễn tài liệu khỏi ô sau khi in.

Thêm Ô Tài liệu

Bạn có thể tạo ô tài liệu mới trên thiết bị lưu trữ. Tối đa 1000 ô tài liệu được hỗ trợ.

- 1** Chọn thiết bị.
- 2** Chọn **Thiết bị > Ô tài liệu**.
- 3** Nhấp vào biểu tượng **Thêm ô**.
- 4** Chỉ định **Tên** cho ô mới.
- 5** Loại ô mặc định là **Ô tùy chỉnh**. Một số thiết bị cũng hỗ trợ **Ô FAX** để nhận fax.
- 6** Chỉ định mật khẩu nếu bạn muốn tạo ô tài liệu được bảo vệ bằng mật khẩu.
- 7** Chỉ định giá trị hoặc sử dụng giá trị mặc định cho các cài đặt khác.
- 8** Nhấp **OK** để thêm ô mới.

Bạn có thể xóa ô tài liệu bằng cách chọn ô đó từ danh sách và nhấp vào **Xóa ô**.

Xuất Danh sách Ô Tài liệu

Bạn có thể lưu danh sách ô tài liệu vào máy tính hoặc mạng. Sau khi đã lưu, danh sách này có thể được nhập vào trình điều khiển máy in.

- 1** Chọn thiết bị.

- 2 Chọn **Thiết bị > Ô tài liệu**.
- 3 Trong hộp thoại **Ô Tài liệu**, chọn một ô từ danh sách.
- 4 Nhấp **Xuất**.
- 5 Đặt tên và lưu tập tin.

Tìm kiếm ứng dụng

Trong hộp thoại **Ứng dụng**, bạn có thể tìm kiếm theo **Tên** hoặc **Phiên bản**.

- 1 Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.
- 2 Nhập tên hoặc một phần tên cần tìm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 3 Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị toàn bộ danh sách một lần nữa, nhấp biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Tìm kiếm ứng dụng

Trong hộp thoại **Ứng dụng**, bạn có thể tìm kiếm theo **Tên** hoặc **Phiên bản**.

- 1 Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.
- 2 Nhập tên hoặc một phần tên cần tìm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 3 Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị toàn bộ danh sách một lần nữa, nhấp biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Tải xuống Tài liệu

Bạn có thể tải xuống tài liệu từ ô tài liệu vào máy tính cục bộ.

- 1 Chọn tài liệu sẽ tải xuống.
- 2 Nhấp vào biểu tượng **Tải xuống tài liệu**.
- 3 Trong hộp thoại **Lưu với tên**, chọn vị trí sẽ lưu tập tin, nhập tên tập tin, chọn loại tập tin PDF, TIF, JPG hoặc XPS và nhấp vào **Lưu**.

Tìm kiếm Ô Tài liệu

Trong ô tài liệu, bạn có thể tìm kiếm theo tên để tìm một tập tin cụ thể.

- 1 Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.
- 2 Nhập tên hoặc một phần tên cần tìm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.

- 3 Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị lại toàn bộ danh sách, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Di chuyển Tài liệu Giữa các Ô Tài liệu

Bạn có thể kéo tài liệu giữa các ô tài liệu trên cùng một thiết bị.

- 1 Ở ngăn bên trái, chọn ô tài liệu chứa tập tin cần di chuyển.
- 2 Chọn một hoặc nhiều tập tin và di chuyển chúng bằng cách kéo từ màn hình bên phải sang ô tài liệu đích.
- 3 Nhấp **Có** trong hộp thoại xác nhận để kết thúc.

Hộp thư Ảo

Hộp thoại **Hộp thư Ảo** cho phép bạn xem chi tiết về hộp thư ảo được tạo trên ổ cứng.

Tính năng này được hỗ trợ cho một số dòng máy đã lắp đặt ổ cứng. Có thể tạo tối đa 255 hộp thư ảo.

Xem Hộp thư Ảo

Bạn có thể xem thông tin về các hộp thư ảo trên ổ cứng.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Hộp thư ảo** để xem thông tin về tên, ID, kích cỡ và mật khẩu của tất cả các hộp thư ảo.
- 3 Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.
- 4 Nhập tên hoặc một phần tên cần tìm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 5 Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị lại toàn bộ danh sách, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.
- 6 Bất kỳ lúc nào, nhấp **Làm mới tất cả** để cập nhật danh sách.

Xóa Hộp thư Ảo

Bạn có thể xóa hộp thư ảo khỏi bộ nhớ ổ cứng. Bạn chỉ có thể xóa một hộp thư ảo mỗi lúc.

- 1 Nhấp để chọn thiết bị từ danh sách thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Hộp thư ảo**.
- 3 Trong hộp thoại **Hộp thư Ảo**, chọn một hộp thư ảo từ danh sách.

- 4 Nhấp vào **Xóa hộp thư**, sau đó nhấp vào **Có** để xác nhận. Nếu mật khẩu đã được đặt, hãy nhập mật khẩu này. Nếu mật khẩu đã nhập không chính xác, hộp thư ảo sẽ không bị xóa.

Xuất Danh sách Hộp thư Ảo

Bạn có thể lưu danh sách hộp thư ảo vào máy tính hoặc mạng. Sau khi đã lưu, danh sách này có thể được nhập vào trình điều khiển máy in.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Hộp thư ảo**.
- 3 Trong hộp thoại **Hộp thư Ảo**, chọn một hộp thư ảo từ danh sách.
- 4 Nhấp **Xuất danh sách**.
- 5 Đặt tên và lưu tập tin.

Tùy chọn Hộp thư Ảo Nâng cao

Bạn có thể thay đổi cài đặt hộp thoại ảo sau nếu bạn có đặc quyền quản trị viên:

Kích thước VMB tối đa

Giá trị số, thay đổi theo dòng máy, có thể được đặt từ 0 đến 9999 MB. Chọn "0" để ngăn sử dụng hộp thư ảo.

Đổi mật khẩu chính

Giá trị số có thể được đặt từ 1 đến 65535, hoặc có thể xóa mật khẩu. Quản trị viên có thể sử dụng mật khẩu chính để thay thế hoặc đổi mật khẩu hộp thư ảo.

Xóa tất cả hộp thư ảo

Xóa tất cả dữ liệu hộp thư ảo khỏi ổ cứng.

Chọn Tùy chọn Hộp thư Ảo Nâng cao

Bạn có thể thay đổi tùy chọn hộp thư ảo đã chọn.

- 1 Chọn thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Hộp thư ảo**.
- 3 Trong hộp thoại **Hộp thư Ảo**, nhấp **Nâng cao**. Nếu mật khẩu đã được đặt, hãy nhập mật khẩu và nhấp **OK**.
- 4 Chọn cài đặt mong muốn:
 - Kích thước VMB tối đa**
Nhập giá trị cho kích thước hộp thư ảo hoặc nhấp vào nút mũi tên lên hoặc xuống để chọn giá trị.
 - Đổi mật khẩu chính**

Nhập **Mật khẩu**, sau đó nhập mật khẩu cũ và mới rồi nhập lại mật khẩu mới. Để xóa mật khẩu, hãy để trống ô **Mật khẩu mới** và **Xác nhận mật khẩu mới**.

Xóa tất cả hộp thư ảo

Nhấp vào **Xóa tất cả**, sau đó nhấp vào **Có** để xác nhận.

5 Nhấp **OK** trong hộp thoại **Nâng cao**.

6 Nhấp **Đóng** trong hộp thoại **Hộp thư Ảo**.

Thêm Hộp thư Ảo Mới

Bạn có thể tạo hộp thư ảo mới trên ổ cứng. Tối đa 255 hộp thư ảo được hỗ trợ.

1 Chọn thiết bị.

2 Chọn **Thiết bị > Hộp thư ảo**.

3 Trong hộp thoại **Hộp thư Ảo**, nhấp **Hộp thư mới**.

4 Nhập ID, tên và mật khẩu mới. Nhập lại mật khẩu để xác nhận và nhấp **OK**. Bạn không thể sử dụng cùng một tên cho nhiều hộp thư ảo.

Chỉnh sửa Hộp thư Ảo

Bạn có thể đặt tên và mật khẩu của hộp thư ảo được lưu trên ổ cứng. Nhấp **Làm mới Tất cả** để làm mới tất cả hộp thư ảo.

1 Chọn thiết bị.

2 Chọn **Thiết bị > Hộp thư ảo**.

3 Trong hộp thoại **Hộp thư Ảo**, chọn một hộp thư ảo và nhấp **Thuộc tính hộp thư**.

4 Trong hộp thoại **Thuộc tính Hộp thư**, nhập **Tên** mới và nhập mật khẩu từ 1 đến 65535. Trong **Xác nhận mật khẩu mới**, nhập lại mật khẩu này.

5 Nhấp **OK**.

Cài đặt Thông báo Thiết bị

Tính năng **Thông báo** thông báo cho người dùng về những thay đổi trạng thái của thiết bị in. Có ba loại thông báo hiện có: cửa sổ bật lên, mở nhật ký sự kiện của Windows hoặc e-mail tới danh sách địa chỉ e-mail đã chỉ định.

Để gửi thông báo qua e-mail, TCP cổng 25 phải khả dụng và không bị tường lửa hoặc trình quét vi rút chặn. Đồng thời, tính năng gửi e-mail phải được cấu hình trong **Chỉnh sửa > Tùy chọn > Cài đặt thư**.

Một số loại sự kiện có thể khởi chạy thông báo thiết bị, tùy thuộc vào dòng máy thiết bị. Ví dụ: bạn có thể đặt kẹt giấy để khởi chạy thông báo.

Đặt Thông báo Thiết bị

Bạn có thể chọn các thiết bị từ danh sách thiết bị để hiển thị cảnh báo về hoạt động của thiết bị in. Hộp thoại **Cài đặt Thông báo** cung cấp tùy chọn cảnh báo cho các thiết bị đã chọn.

- 1 Chọn thiết bị. Để đặt cùng một thông báo cho nhiều thiết bị, nhấn Ctrl hoặc Shift + nhấp để chọn các thiết bị.
- 2 Trong menu ở đầu màn hình, nhấp **Thiết bị > Cài đặt thông báo**.
- 3 Trong **Tác vụ**, chọn cách thông báo sẽ được gửi đi.
- 4 Nếu bạn chọn **Gửi e-mail đến**, hãy nhập một hoặc nhiều địa chỉ e-mail, tối đa là ba.
- 5 Trong **Thông báo**, hãy chọn các sự kiện sẽ khởi chạy thông báo.
- 6 Để lưu các lựa chọn của bạn và đóng hộp thoại, hãy nhấp **OK**.

Menu Nâng cao

Trong menu **Thiết bị**, nhấp **Nâng cao**. Bạn cũng có thể nhấp chuột phải vào thiết bị và chọn **Nâng cao**. Các lựa chọn sau xuất hiện:

Đặt nhiều thiết bị

Tùy chọn này sẽ gửi tham số cấu hình tới nhiều thiết bị cùng lúc.

Quản lý ứng dụng

Thuật sĩ này cho phép bạn cài đặt ứng dụng trên các thiết bị in.

Nâng cấp chương trình cơ sở

Thuật sĩ này hướng dẫn bạn cách cài đặt chương trình cơ sở mới nhất trên thiết bị.

Cài đặt mặc định của thiết bị

Tùy chọn này sẽ đặt cài đặt mặc định của thiết bị đã chọn, chẳng hạn như in hai mặt, chất lượng in, đầu vào và đầu ra giấy; cùng với cài đặt sao, quét và FAX. Bạn chỉ có thể chọn một thiết bị mỗi lúc. Cài đặt thay đổi theo dòng máy.

Cài đặt hệ thống thiết bị

Tùy chọn này sẽ đặt cài đặt mặc định của thiết bị đã chọn, như ngôn ngữ bảng điều khiển, cài đặt hẹn giờ và khóa bảng điều khiển. Bạn chỉ có thể chọn một thiết bị mỗi lúc. Cài đặt thay đổi theo dòng máy.

Cài đặt mạng của thiết bị

Tùy chọn này sẽ đặt cài đặt mạng của thiết bị đã chọn, như địa chỉ IP, cài đặt e-mail, cài đặt SNMP, cài đặt ứng dụng khách FTP và SMB và cài đặt giao thực. Bạn chỉ có thể chọn một thiết bị mỗi lúc. Cài đặt thay đổi theo dòng máy.

Cài đặt trình điều khiển

Thuật sĩ này cho phép bạn cài đặt trình điều khiển máy in trên các thiết bị.

Nâng cấp trình điều khiển

Thuật sĩ này cho phép bạn nâng cấp trình điều khiển máy in lên phiên bản mới hơn.

Gỡ trình điều khiển

Thuật sĩ này cho phép bạn gỡ trình điều khiển máy in.

Cài đặt xác thực

Tùy chọn này đặt cài đặt xác thực của thiết bị đã chọn, như đăng nhập người dùng và cài đặt LDAP cũng như cho phép các lệnh in có ID không xác định. Bạn chỉ có thể chọn một thiết bị mỗi lúc. Cài đặt thay đổi theo dòng máy.

Các nhóm mạng

Tùy chọn này quản lý một số thuộc tính truy cập người dùng cho toàn bộ nhóm thiết bị.

TCP/IP Gửi Dữ liệu

Tùy chọn này gửi dữ liệu trực tiếp tới giao diện của một hoặc nhiều thiết bị đã chọn.

Cài đặt Xác thực

Cài đặt Xác thực cung cấp một cách thuận tiện cho quản trị viên quản lý xác thực người dùng và thuộc tính người dùng mạng. Bạn chỉ có thể mở một hộp thoại **Cài đặt Xác thực** cho mỗi thiết bị. Có thể mở cùng lúc tối đa ba hộp thoại (cho ba thiết bị khác nhau).

Đặt Xác thực Người dùng

Với **Cài đặt Xác thực**, quản trị viên có thể cấu hình một số thiết bị MFP để yêu cầu thông tin đăng nhập người dùng trước khi truy cập. Nếu bạn chọn **Dùng mã xác thực cục bộ**, thiết bị sẽ sử dụng **Danh sách Người dùng Thiết bị** để xác thực người dùng đăng nhập. Nếu bạn chọn **Dùng chế độ xác thực qua mạng**, thiết bị sẽ sử dụng máy chủ miền để xác thực người dùng đăng nhập. Hỗ trợ thay đổi theo dòng máy.

- 1 Nhấp để chọn thiết bị trong danh sách thiết bị.
- 2 Trong thanh menu ở đầu màn hình, nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Cài đặt xác thực**.
- 3 Nếu bạn muốn đặt xác thực người dùng làm cài đặt thiết bị, nhấp **Bật đăng nhập người dùng**.
- 4 Chọn **Chế độ xác thực**.
 Nếu bạn chọn **Dùng mã xác thực cục bộ**, hãy chuyển đến Bước 9.
 Nếu bạn chọn **Dùng chế độ xác thực qua mạng**, các ô văn bản có liên quan dưới đây sẽ khả dụng. Chỉ cho phép ký tự ASCII trong các ô văn bản.
- 5 Nhập tên miền vào ô văn bản **Tên miền**. Độ dài tối đa là 254 ký tự.
 Đối với một số dòng máy, bạn có thể chọn nhiều miền từ danh sách miền đã đăng ký. Nếu nhiều miền được chỉ định, hãy chọn một miền làm mặc định.
- 6 Chọn **Loại máy chủ** từ danh sách. Nếu loại máy chủ không phải là **Mở rộng**, thì chỉ cài đặt **Loại máy chủ**, **Tên máy chủ** và **Số cổng** khả dụng.

- 7 Nhập tên máy chủ hoặc địa chỉ IP vào ô văn bản **Tên máy chủ**.
- 8 Nhập **Số cổng**, nếu có. Phạm vi hợp lệ là từ 1 đến 65535.
- 9 Bạn có thể tiếp tục đến cuối hộp thoại hoặc bạn có thể nhấp **OK** để lưu cài đặt của mình và đóng hộp thoại.

Cho phép các Lệnh in có ID Không xác định

Nếu bạn muốn thiết bị không có hạn chế người dùng nào và chấp nhận các lệnh in không có thông tin đăng nhập người dùng và mật khẩu, bạn có thể chọn hộp kiểm **Cho phép các lệnh in có ID không xác định**. Hộp kiểm này được bỏ chọn theo mặc định.

- 1 Chọn thiết bị trong danh sách thiết bị. Trong thanh menu ở đầu màn hình, nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Cài đặt xác thực**.
- 2 Chọn hộp kiểm **Cho phép các lệnh in có ID không xác định**. Nhấp **OK** để lưu tất cả các cài đặt của bạn.

Nếu bạn muốn hạn chế thiết bị có thông tin đăng nhập người dùng, hãy bỏ chọn hộp kiểm **Cho phép các lệnh in có ID không xác định**. Trong thuộc tính máy in của thiết bị, bạn cũng phải nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**, nhấp **Quản trị viên** và chọn hộp kiểm **Thông tin Đăng nhập Người dùng**. Nhập tên người dùng và mật khẩu cho người dùng cụ thể hoặc chọn nhắc thiết bị tên người dùng.

Bật Ủy nhiệm qua hệ thống Cục bộ

Bạn có thể ngăn việc sử dụng lệnh in của người dùng cụ thể trên hệ thống in có hỗ trợ tính năng này.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một hệ thống in.
- 2 Nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Cài đặt xác thực**. Nếu bắt buộc xác thực, hãy nhập thông tin đăng nhập và mật khẩu.
- 3 Chọn hộp kiểm **Ủy nhiệm qua hệ thống cục bộ**.
- 4 Nhấp **OK**.

Bật Đăng nhập Đơn giản

Bạn có thể bật **Đăng nhập Đơn giản** cho hệ thống in. Hỗ trợ tính năng này thay đổi theo dòng máy.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một hệ thống in.
- 2 Nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Cài đặt xác thực**. Nếu bắt buộc xác thực, hãy nhập thông tin đăng nhập và mật khẩu.
- 3 Chọn hộp kiểm **Đăng nhập Đơn giản**.
- 4 Nhấp **OK**.

Đặt Đăng nhập qua Thẻ ID

Bạn có thể chọn cài đặt đăng nhập qua thẻ ID cho thiết bị của mình. Đăng nhập qua thẻ ID thay đổi theo dòng máy và khả dụng khi bộ xác thực thẻ ID được kích hoạt. Hỗ trợ tính năng này thay đổi theo dòng máy.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một hệ thống in.
- 2 Nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Cài đặt xác thực**. Nếu bắt buộc xác thực, hãy nhập thông tin đăng nhập và mật khẩu.
- 3 Trong **Cài đặt đăng nhập qua thẻ ID**, chọn **Cho phép đăng nhập qua bàn phím** để bật đăng nhập qua bàn phím. Bỏ chọn hộp kiểm này để tắt tính năng này.
- 4 Nếu **Cho phép đăng nhập qua bàn phím** được chọn, bạn có thể chọn **Mật khẩu đăng nhập** để yêu cầu mật khẩu.
- 5 Nhấp **OK** để lưu cài đặt mới.

Đặt Thuộc tính Người dùng Mạng

Quản trị viên có thể đặt thuộc tính người dùng mạng làm cài đặt thiết bị. Cài đặt về thuộc tính người dùng thay đổi theo dòng máy.

- 1 Nhấp để chọn MFP được hỗ trợ trong danh sách thiết bị.
- 2 Trong thanh menu, nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Cài đặt xác thực**.
- 3 Nhấp **Thuộc tính Người dùng Mạng**.
- 4 Chọn hộp kiểm **Tải thuộc tính người dùng mạng**. Chỉ cho phép ký tự ASCII trong các ô văn bản.
- 5 Nhập tên máy chủ vào ô văn bản **Tên máy chủ**, tối đa 64 ký tự.
- 6 Chọn **Số cổng** từ danh sách. Số cổng khả dụng thay đổi từ 1 đến 65535.
- 7 Chọn **Thời hạn ngắt tác vụ tìm kiếm (giây)** từ danh sách. Phạm vi từ 5 đến 255.
- 8 Chọn loại **Mã hóa** từ danh sách. Mã hóa LDAP có thể được lưu thành **SSL/TLS**, **STARTTLS** hoặc có thể được đặt thành **Tắt**.
- 9 Chọn **Loại xác thực** từ danh sách. Bạn có thể chọn từ **Đơn giản** hoặc **SASL**.
- 10 Thiết bị sử dụng cài đặt **Thu thập thông tin người dùng** cho tìm kiếm và truy lục thông tin người dùng đăng nhập từ máy chủ LDAP.
Nhập tên người dùng hợp lệ vào ô văn bản **Tên 1**, tối đa 32 ký tự.
Nhập tên người dùng hợp lệ khác vào ô văn bản **Tên 2**, tối đa 32 ký tự.

Nhập địa chỉ e-mail hợp lệ vào ô văn bản **Địa chỉ e-mail**, tối đa 32 ký tự.

- 11** Nhấp **OK** để lưu các cài đặt của bạn và đóng hộp thoại.

Các nhóm Mạng

Bạn có thể thêm, xóa, chỉnh sửa, ủy nhiệm và tìm kiếm các nhóm. Số nhóm tối đa có thể được thêm vào danh sách là 20.

Danh sách các Nhóm Mạng

Tên hiển thị và địa chỉ IP của thiết bị xuất hiện trong tiêu đề ở đầu hộp thoại **Các nhóm Mạng** biểu thị hệ thống in được chọn. Bên dưới tiêu đề, một thanh công cụ có các biểu tượng cho phép bạn thêm, xóa, chỉnh sửa, ủy nhiệm và tìm kiếm các nhóm. Bạn có thể làm mới danh sách các nhóm để hiển thị những lần thêm và xóa mới nhất. Số lượng nhóm hiện được chọn và tổng số nhóm được hiển thị phía cuối cùng bên trái của hộp thoại. Hộp thoại có thể được thay đổi kích thước ngang và dọc, thu nhỏ, phóng to hoặc khôi phục.

Danh sách **Các nhóm Mạng** chứa hầu hết các hộp thoại. Danh sách này chứa tối đa 20 nhóm, cùng với nhóm **Khác** mà ứng dụng cần. Thông tin về nhóm này được hiển thị bằng phông chữ đậm và biểu thị sự ủy nhiệm chuẩn. Các cột trong danh sách chứa **ID** và **Tên** được gán cho mỗi nhóm của bạn khi được thêm hoặc chỉnh sửa lần cuối. Bạn có thể sắp xếp danh sách theo cột theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần bằng cách nhấp vào một trong các tiêu đề cột.

Thêm hoặc Chỉnh sửa Nhóm Mạng

Bạn có thể thêm nhóm mạng mới hoặc chỉnh sửa thông tin của nhóm hiện có.

- 1 Trong thanh menu, nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Các nhóm mạng**.
- 2 Để thêm nhóm, hãy nhấp **Thêm nhóm**.
- 3 Để chỉnh sửa nhóm, hãy chọn một nhóm và nhấp **Thuộc tính**.
- 4 Hộp thoại **Thêm Nhóm** và hộp thoại **Chỉnh Sửa Nhóm** có thể chứa cùng một cài đặt. Đối với nhóm có tên **Khác**, bạn không thể chỉnh sửa **ID Nhóm** và **Tên nhóm**, nhưng bạn có thể chỉnh sửa cài đặt **Cấp độ truy cập** và **Cài đặt ủy nhiệm lệnh in**.
- 5 Trong phần **Thông tin nhóm**, trong ô văn bản **ID Nhóm**, hãy nhập số nhận dạng tối đa 10 ký tự số.
- 6 Trong ô văn bản **Tên nhóm**, hãy nhập tên cho nhóm. Số ký tự chữ và số tối đa là 32.
- 7 Đối với **Cấp độ truy cập**, hãy chọn **Người dùng** hoặc **Quản trị viên**. **Người dùng** được chọn theo mặc định.
- 8 Trong **Cài đặt ủy nhiệm lệnh in**, có một danh sách các thuộc tính hệ thống in. Bạn có thể chọn **Cho phép** hoặc **Chặn** từng thuộc tính. Nếu bạn muốn cho phép tất cả các thuộc tính, hãy nhấp **Cho phép tất cả** ở đầu danh sách. Nếu bạn muốn chặn tất cả các thuộc tính, hãy nhấp **Chặn tất cả**.

- 9** Sau khi thực hiện tất cả thay đổi, hãy nhấp **OK** để lưu tất cả thay đổi của bạn. Nhóm mới sẽ được thêm vào danh sách nhóm của thiết bị đã chọn hoặc những chỉnh sửa của bạn sẽ được lưu vào danh sách hiện có.

Bạn có thể xóa nhóm mạng bằng cách chọn nhóm đó trong danh sách và nhấp vào **Xóa nhóm**. Nhóm có tên **Khác** được ứng dụng sử dụng và không thể xóa được.

Đặt Ủy nhiệm cho Nhóm

Ủy Nhiệm cho Nhóm nghĩa là tất cả người dùng có thể thao tác trong phạm vi các quyền được đặt cho nhóm. Bạn có thể kích hoạt hoặc tắt **Ủy Nhiệm cho Nhóm** cho tất cả các nhóm được liệt kê trong hộp thoại **Các nhóm Mạng**.

- 1** Trong thanh menu ở đầu màn hình, nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Các nhóm mạng**.
- 2** Trong thanh công cụ, nhấp vào biểu tượng **Ủy nhiệm các Nhóm**.
- 3** Nhấp **Bật** để kích hoạt ủy nhiệm cho nhóm. Nhấp **Tắt** để tắt ủy nhiệm cho nhóm. Nhấp **OK** để lưu lựa chọn của bạn.

Tìm kiếm Danh sách Nhóm

Trong hộp thoại **Các nhóm Mạng**, bạn có thể tìm kiếm theo **ID Nhóm** hoặc **Tên nhóm** để tìm một nhóm cụ thể.

- 1** Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.
- 2** Nhập tên hoặc một phần tên cần tìm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 3** Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị lại toàn bộ danh sách, hãy nhấp vào biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

TCP/IP Gửi Dữ liệu

TCP/IP Gửi Dữ liệu cho phép bạn gửi dữ liệu (tập tin, văn bản hoặc các lệnh thiết bị) trực tiếp tới giao diện của một hoặc nhiều thiết bị đã chọn.

Cảnh báo: Đây là tính năng nâng cao. Việc sử dụng sai có thể khiến thiết bị không hoạt động.

Gửi Dữ liệu qua TCP/IP

Để gửi dữ liệu tới giao diện thiết bị:

- 1** Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một hoặc nhiều thiết bị.
- 2** Nhấp **Thiết bị > Nâng cao > TCP/IP Gửi Dữ liệu**.
- 3** Trong hộp thoại **TCP/IP Gửi Dữ liệu**, chọn cổng TCP hoặc đường dẫn IPPS. Bạn có thể chọn **Cổng TCP mặc định** hoặc **Cổng TCP cụ thể** làm phương thức truyền. Số cổng phải giống với một trong các máy in logic được xác định trên trang chủ thiết bị của thiết bị. Phạm vi là từ 1 đến 65535. Nếu bạn muốn truyền bằng IPPS, hãy chọn **IPPS** và nhập **Đường dẫn** hợp lệ vào ô văn bản.

- 4** Để gửi dữ liệu dưới dạng văn bản, hãy chọn **Văn bản** và nhập văn bản vào ô. Sử dụng tùy chọn này để gửi các lệnh **PRESCRIBE**. Nhấp **Lịch sử** để truy cập bất kỳ chuỗi văn bản nào trong 10 chuỗi gửi sau cùng.

Để gửi dữ liệu từ tập tin tới thiết bị, hãy chọn **Tập tin**, nhấp vào nút **Duyệt qua** và chọn tập tin đó. Sử dụng tùy chọn này để gửi macro hoặc các tập tin in được, chẳng hạn như PDF hoặc PRN.

Ghi chú: Nếu bạn chọn cả hai hộp kiểm **Văn bản** và **Tập tin**, ứng dụng sẽ gửi dữ liệu văn bản trước rồi đến dữ liệu tập tin. Ứng dụng sẽ gửi các lệnh {#FILE#} và văn bản theo thứ tự mà chúng xuất hiện trong ô **Văn bản**. Dữ liệu nhị phân có thể xuất hiện bằng văn bản dưới dạng byte ở dạng thập lục phân với chuỗi **0x** đặt đằng trước.

- 5** Nhấp **Gửi** để gửi dữ liệu.

Các ứng dụng thiết bị

Bạn có thể cài đặt các ứng dụng trên một hoặc nhiều thiết bị in bằng cách sử dụng tính năng **Quản lý ứng dụng**. Bạn cũng có thể gỡ cài đặt các ứng dụng và kích hoạt các ứng dụng từ xa.

Trước khi cài đặt và kích hoạt một ứng dụng, bạn phải bật SSL và IPP qua SSL trên thiết bị. Bạn phải nhập đúng tên đăng nhập và mật khẩu vào hộp thoại **Thông số kết nối mạng** cho thiết bị.

Người bán hoặc các công ty bên thứ ba tạo ra các ứng dụng nhằm tăng cường các tính năng in, sao chép và quản lý tài khoản.

Cài đặt một ứng dụng trên nhiều thiết bị

Bạn có thể cài đặt các ứng dụng từ xa trên một hoặc nhiều hệ thống in bằng cách sử dụng thuật sĩ **Quản lý ứng dụng**. Khi ứng dụng đã được cài đặt, bạn có thể chọn khởi chạy ứng dụng ngay lập tức.

- 1** Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một hoặc nhiều thiết bị.
- 2** Nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Quản lý ứng dụng**.
- 3** Trong thuật sĩ **Quản lý ứng dụng**, hãy chọn **Cài đặt ứng dụng**. Bạn có thể chọn hộp chọn để kích hoạt ứng dụng sau khi cài đặt. Nhấp **Tiếp theo**.
- 4** Nhấp **Duyệt qua** để tìm một tập tin gói ứng dụng hợp lệ (.PKG), và nhấp **Mở**. Nhấp **Tiếp theo**.
- 5** Nếu hộp chọn được chọn ở bước 3 và ứng dụng đã chọn yêu cầu mã bản quyền, trang **Áp dụng mã bản quyền** sẽ xuất hiện. Hãy chọn một cách để nhập mã bản quyền:

Gõ mã bản quyền

Gõ mã bản quyền hiệu lực gồm 20 ký tự, có dấu gạch ngang ngăn cách mỗi bốn ký tự và nhấp **OK**.

Nhập mã bản quyền

Nhấp **Nhập**, và duyệt qua để tìm tập tin mã bản quyền hiệu lực (.CSV) cho hệ thống in do quản trị viên cung cấp cho bạn.

Nếu ứng dụng chưa được kích hoạt trong quá trình cài đặt, trang **Áp mã bản quyền** sẽ không xuất hiện.

Nhấp **Tiếp theo**.

- 6** Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy kiểm tra cài đặt của bạn.
- 7** Nhấp **Kết thúc** để cài đặt ứng dụng.
- 8** Khi quá trình cài đặt hoàn tất, bạn có thể nhấp **Lưu bản ghi** để lưu tập tin bản ghi cài đặt (.CSV hoặc .XML).

Bạn có thể gỡ bỏ một ứng dụng bằng cách chọn màn hình **Thiết bị**, rồi mở hộp thoại **Quản lý ứng dụng**, sau đó chọn **Xóa ứng dụng**.

Cài đặt một ứng dụng trên thiết bị

Bạn có thể cài đặt các ứng dụng từ xa trên một thiết bị in bằng cách sử dụng hộp thoại **Ứng dụng**.

- 1** Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một thiết bị in.
- 2** Nhấp **Thiết bị > Ứng dụng**.
- 3** Trong hộp thoại **Ứng dụng**, nhấp **Cài đặt**.
- 4** Duyệt qua để tìm một tập tin gói ứng dụng hợp lệ (.PKG), và nhấp **Mở**, sau đó nhấp **Có** để xác nhận.

Bạn có thể chọn gỡ bỏ một ứng dụng bằng cách mở hộp thoại **Ứng dụng** cho một thiết bị, rồi chọn một ứng dụng và nhấp **Tháo cài đặt**.

Kích hoạt ứng dụng đã được cài đặt trên nhiều thiết bị

Nếu ứng dụng được cài đặt trên một hoặc nhiều thiết bị in mà không khởi chạy ứng dụng, bạn có thể kích hoạt nó bằng cách sử dụng thuật sĩ **Quản lý ứng dụng**.

- 1** Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một hoặc nhiều thiết bị.
- 2** Nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Quản lý ứng dụng**.
- 3** Trong thuật sĩ **Quản lý ứng dụng**, hãy chọn **Kích hoạt ứng dụng**. Nhấp **Tiếp theo**.
- 4** Trên trang **Chọn phương pháp giúp xác định ứng dụng sẽ được kích hoạt**, hãy chọn cách chọn ứng dụng:

Xác định gói cài đặt ứng dụng

Nhấp **Tiếp theo**, sau đó duyệt qua để tìm một tập tin gói cài đặt hợp lệ (.PKG). Tiếp tục sang bước 7.

Xác định ứng dụng được cài đặt trên thiết bị

Nhấp **Tiếp theo** và tiếp tục đến bước 5.

- 5 Trên trang **Chọn thiết bị nguồn**, hãy chọn một thiết bị. Nhấp **Tiếp theo**.
- 6 Trên trang **Chọn ứng dụng để kích hoạt**, hãy chọn ứng dụng bạn cần. Nhấp **Tiếp theo**.
- 7 Nếu ứng dụng yêu cầu mã bản quyền, trang **Áp dụng mã bản quyền** sẽ xuất hiện. Đối với mỗi thiết bị, hãy chọn một cách để nhập mã bản quyền:
 - Gõ mã bản quyền**
Gõ mã bản quyền hiệu lực gồm 20 ký tự, có dấu gạch ngang ngăn cách mỗi bốn ký tự và nhấp **OK**.
 - Nhập mã bản quyền**
Nhấp **Nhập**, và duyệt qua để tìm tập tin mã bản quyền hiệu lực (.CSV) cho hệ thống in do quản trị viên cung cấp cho bạn và nhấp **Mở**.
Nhấp **Tiếp theo**.
- 8 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy kiểm tra cài đặt của bạn.
- 9 Nhấp **Kết thúc** để kích hoạt ứng dụng.
Khi quá trình kích hoạt hoàn tất, bạn có thể nhấp **Lưu bản ghi** để lưu tập tin bản ghi kích hoạt (.CSV hoặc .XML).

Bạn có thể gỡ bỏ một ứng dụng bằng cách chọn màn hình **Thiết bị**, rồi mở hộp thoại **Quản lý ứng dụng**, sau đó chọn **Xóa ứng dụng**.

Kích hoạt ứng dụng đã được cài đặt trên một thiết bị

Nếu ứng dụng được cài đặt trên một thiết bị in mà không khởi chạy ứng dụng, bạn có thể kích hoạt nó bằng cách sử dụng hộp thoại **Ứng dụng**.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một thiết bị.
- 2 Nhấp **Thiết bị > Ứng dụng**.
- 3 Trong hộp thoại **Ứng dụng**, hãy chọn ứng dụng và nhấp **Kích hoạt**.
- 4 Trong hộp thoại **Các cài đặt mã bản quyền**, hãy chọn một tùy chọn mã bản quyền:
 - Kích hoạt không cần dùng mã bản quyền**
Nếu không bắt buộc mã bản quyền, hãy nhấp **OK**.
 - Dùng mã bản quyền sau đây**
Gõ mã bản quyền hiệu lực gồm 20 ký tự, có dấu gạch ngang ngăn cách mỗi bốn ký tự. Nhấp **OK**.
- 5 Nhấp **Đóng**, trong hộp thoại **Ứng dụng**.

Bạn có thể chọn gỡ bỏ một ứng dụng bằng cách mở hộp thoại **Ứng dụng** cho một thiết bị, rồi chọn một ứng dụng và nhấp **Tháo cài đặt**.

Xem các ứng dụng đã được cài đặt

Bạn có thể xem thông tin về các ứng dụng đã được cài đặt trên một thiết bị. Tên, phiên bản và thông tin bản quyền được hiển thị.

- 1 Trong màn hình **Thiết bị** bất kỳ, hãy chọn một thiết bị.
- 2 Chọn **Thiết bị > Ứng dụng**.
- 3 Bất kỳ lúc nào, nhấp **Làm mới** để cập nhật màn hình.
- 4 Nếu muốn, bạn có thể chọn và quản lý một hoặc nhiều ứng dụng:
 - Nhấp **Cài đặt** để cài đặt một ứng dụng mới.
 - Nhấp **Kích hoạt** để kích hoạt một ứng dụng đã được cài đặt.
 - Nhấp **Tháo cài đặt** để gỡ bỏ một ứng dụng đã được cài đặt.

Xuất thông tin thiết bị ra một tập tin

Với bất kỳ màn hình **Thiết bị** nào trừ **Màn hình sơ đồ** được hiển thị, bạn có thể xuất thông tin hiện tại cho toàn bộ các thiết bị trong vùng làm việc ra tập tin .CSV hoặc .XML. Kiểu xuất ra .CSV sử dụng cách mã hoá UTF-8.

- 1 Nhấp **Tập tin > Xuất > Thiết bị**.
- 2 Trong hộp thoại **Xuất các thiết bị ra CSV/XML**, gõ hoặc chọn một đường dẫn đến tập tin. Tập tin phải có đuôi .CSV hoặc .XML.
- 3 Nhấp **Lưu**.

Tìm kiếm ứng dụng

Trong hộp thoại **Ứng dụng**, bạn có thể tìm kiếm theo **Tên** hoặc **Phiên bản**.

- 1 Trong danh sách **Những trường có thể tìm kiếm**, hãy chọn trường cần tìm kiếm.
- 2 Nhập tên hoặc một phần tên cần tìm vào hộp **Nội dung tìm kiếm** bên cạnh.
- 3 Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị toàn bộ danh sách một lần nữa, nhấp biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

4 Tài khoản

Trình đơn **Tài khoản** được dùng để tìm các tài khoản và quản lý cài đặt tài khoản.

Đăng nhập của quản trị viên

Đối với một số dòng máy, bắt buộc xác thực của quản trị viên để truy cập các tính năng được chọn trong các trình đơn **Thiết bị** và **Tài khoản**. Các tính năng có sẵn khác nhau tùy theo dòng máy. Khi bạn chọn tính năng từ một trình đơn hoặc trình đơn ngữ cảnh, bạn sẽ được gợi ý gõ một trong những nội dung sau vào hộp thoại **Đăng nhập của quản trị viên**:

Mật khẩu trung tâm lệnh

Đăng nhập của quản trị viên và **Mật khẩu của quản trị viên** (có **Dùng mã xác thực cục bộ** tùy chọn)

Mã quản trị viên tài khoản

Hoạt động trên nhiều thiết bị không gợi ý đăng nhập quản trị viên. Các tùy chọn đăng nhập phải được cấu hình trong phần **Đăng nhập** của hộp thoại **Cài đặt Kết nối mạng**.

Thêm Thiết Bị Trong Tài Khoản

Bạn có thể thêm thiết bị mạng vào tài khoản hiện có. Chỉ có thiết bị được quản lý có thể được thêm vào.

- 1 Trong **Xem các tài khoản**, chọn một tài khoản.
- 2 Trong trình đơn **Tài khoản**, chọn **Thêm thiết bị vào tài khoản**.
- 3 Trong hộp thoại **Thêm thiết bị vào tài khoản**, chọn một hoặc nhiều thiết bị sẵn có.
- 4 Nhấp **OK** để thêm thiết bị.

Tạo Lập Tài Khoản Mới

Bạn có thể tạo lập một tài khoản cho một thiết bị.

- 1 Trong **Xem thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, chọn một hoặc nhiều thiết bị được quản lý.
- 2 Trong trình đơn **Tài khoản**, nhấp **Tài khoản mới**.
- 3 Trong hộp thoại **Thêm tài khoản mới**, gõ **ID tài khoản** dài tới 8 chữ số và **Tên tài khoản** dài tới 32 ký tự. Nếu áp dụng, gõ **furigana** dài tới 32 ký tự.

4 Nhấp **OK**, sau đó nhấp **Có** để xác nhận.

Các Đặc Tính Tài Khoản

Trong hộp thoại **Các Đặc Tính Tài Khoản** có chứa thông tin về các bộ đếm và hạn chế sử dụng đối với một tài khoản. Thiết bị phải được quản lý trước khi thuộc tính được hiển thị. Để xem hộp thoại, nhấp **Tài khoản > Xem tài khoản trên thiết bị này**, sau đó chọn **Các Đặc Tính Tài Khoản**.

Tổng quan

Số ID và tên của tài khoản (và furigana, nếu áp dụng).

Các bộ đếm theo chức năng

Các bộ đếm dành cho số trang được in, được sao chép, hoặc fax.

Các bộ đếm theo loại giấy

Các bộ đếm dành cho số được sử dụng thuộc các loại phương tiện hoặc kích thước khác nhau.

Các bộ đếm dùng khi in hai mặt/in kết hợp

Các bộ đếm dành cho in một mặt, in hai mặt, và in kết hợp (2 trong 1 và 4 trong 1).

Các bộ đếm dành cho các trang scan

Các bộ đếm dành cho số trang scan để sao chép, FAX, hoặc các chức năng khác.

Các bộ đếm dành cho gửi FAX

Các bộ đếm dành cho số trang được gửi đi, và tổng thời gian gửi đi.

Mộc ngày giờ

Ngày và giờ khi các bộ đếm được cập nhật.

Mức hạn chế sử dụng mỗi lần in

Cho phép hạn chế số lượng trang cho phép để in đa sắc hoặc đơn sắc.

Mức hạn chế sử dụng mỗi lần sao chép

Cho phép hạn chế số lượng trang cho phép để sao chép đa sắc hoặc đơn sắc.

Mức hạn chế sử dụng mỗi lần scan

Cho phép giới hạn số lượng trang được phép scan.

Mức hạn chế sử dụng mỗi lần FAX

Cho phép giới hạn số lượng trang được phép gửi bằng FAX.

Đặt lại các bộ đếm

Đặt lại tất cả các bộ đếm ở trên về zero.

Mức hạn chế sử dụng

Mức hạn chế được đặt cho các tài khoản cá nhân trên một thiết bị xác định để giới hạn số trang có thể xuất ra. Mức hạn chế có thể được chỉ định cho mỗi chức năng của thiết bị, ví dụ như in và sao chép, và giới hạn tới số lượng trang xuất ra đa sắc hoặc đơn sắc, hoặc tổng số trang xuất ra.

Ba tùy chọn bao gồm:

Tắt

Không hạn chế mức sử dụng.

Giới hạn cho bộ đếm

Quản trị viên đặt giới hạn sử dụng và đặt lại giới hạn nếu đạt tới mức tối đa.

Từ chối cho sử dụng

Hạn chế mức sử dụng.

Các Tài Khoản Trên Thiết Bị

Để xem **Các tài khoản trên thiết bị**, chọn một thiết bị trong **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng** và nhấp **Tài Khoản > Xem các tài khoản trên thiết bị này**.

Hộp thoại này hiển thị thông tin về các tài khoản liên quan đến thiết bị này. Bạn có thể lập tài khoản trên thiết bị, và thêm hoặc xóa các tài khoản hiện có. Bạn có thể lập báo cáo về tài khoản này, bao gồm danh sách ID tài khoản, thông tin bộ đếm, và thông tin tài khoản. Hộp **Tìm kiếm văn bản** cũng khả dụng để tìm kiếm danh sách các tài khoản trên thiết bị.

Các Thiết Bị Trong Tài Khoản

Để xem hộp thoại **Các tài khoản trên thiết bị**, chọn một tài khoản trong **Xem các tài khoản** và nhấp **Tài Khoản > Xem các tài khoản trên thiết bị này**.

Hộp thoại hiển thị danh sách các thiết bị khác nhau liên quan đến tài khoản này. Thông tin được hiển thị bao gồm tên dòng máy của mỗi thiết bị, thông tin mạng và thông tin bộ đếm của thiết bị. Bạn có thể thêm hoặc gỡ bỏ thiết bị khỏi tài khoản này. Bạn có thể lập báo cáo về tài khoản này, bao gồm danh sách ID tài khoản, thông tin bộ đếm, và thông tin tài khoản. Hộp **Tìm kiếm nhanh văn bản** cũng khả dụng để tìm kiếm danh sách các thiết bị in.

Xem Các Tài Khoản Và Các Thiết Bị

Bạn có thể xem các tài khoản trên mỗi thiết bị và các thiết bị liên quan đến mỗi tài khoản. Chỉ có thiết bị được quản lý có thể được hiển thị.

- 1 Chọn một thiết bị hoặc một tài khoản:
Trong **Xem các tài khoản**, chọn một tài khoản.
Trong **Xem thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, chọn một thiết bị được quản lý.
- 2 Trong trình đơn **Tài khoản**, chọn **Xem Thiết bị cho Tài khoản này** hoặc **Xem Các Tài Khoản trên Thiết Bị này**.

Xuất Thông Tin Tài Khoản Ra Tập Tin

Với bất kỳ màn hình **Tài Khoản** được hiển thị nào, bạn có thể xuất thông tin tài khoản ra tập tin .CSV hoặc .XML. Bạn chỉ có thể xuất **ID Tài khoản** ra tập tin .CSV. Kiểu xuất ra .CSV sử dụng cách mã hoá UTF-8.

- 1 Nhấp **Tập tin > Xuất > Tài Khoản**, sau đó chọn một tùy chọn xuất:
ID Tài khoản
Xuất danh sách ID tài khoản đã được lưu trong trình điều khiển máy in.
Các bộ đếm
Xuất thông tin bộ đếm trên thiết bị.

Thông tin

Xuất thông tin bộ kiểm soát tài khoản người dùng thiết bị.

- 2 Trong hộp thoại **Xuất**, gõ hoặc chọn một đường dẫn đến tập tin. Tùy vào loại tập tin, tập tin phải có đuôi là .CSV or .XML.
- 3 Đặt tên và lưu tập tin.

Các Báo Cáo Bộ Đếm

Các báo cáo bộ đếm cung cấp thông tin bộ đếm về thiết bị trong màn hình hiện thời. Các báo cáo bộ đếm yêu cầu bạn cài đặt **Thông số cài đặt thư tín** trong **Chỉnh sửa > Tùy chọn**. Báo cáo được gửi đến nhiều người nhận và được đặt lịch theo giờ và ngày cụ thể.

Báo cáo chứa cùng một thông tin bộ đếm và thông tin hệ thống in như được hiển thị trên màn hình. Mỗi màn hình có thể có một báo cáo bộ đếm, và tất cả 5 báo cáo bộ đếm có thể được tạo lập.

Báo cáo bộ đếm có tên người dùng cụ thể, và có thể được gửi tới các địa chỉ e-mail được chỉ rõ trong danh sách. Bạn có thể gửi báo cáo hàng ngày, hàng tuần, hoặc hàng tháng. E-mail có chứa nội dung thư của người dùng cụ thể trong dòng chủ đề. Tập tin đính kèm có thể ở định dạng CSV hoặc XML.

Khôi Phục Nguyên Trạng Bộ Đếm Tự Động

Chức năng này khôi phục nguyên trạng các bộ đếm trong hệ thống in về zero khi báo cáo bộ đếm được gửi đi thành công. Nếu báo cáo bộ đếm không được gửi đi thành công, chức năng khôi phục nguyên trạng không được thực hiện.

Tạo Báo Cáo Bộ Đếm

Bạn có thể tạo báo cáo bộ đếm cho một màn hình **Tài Khoản** được chọn.

- 1 Trong **Màn Hình Của Tôi**, chọn một màn hình tài khoản.
- 2 Chọn **Tài Khoản > Thêm báo cáo bộ đếm**.
- 3 Thay đổi các cài đặt mặc định, khi cần thiết.
- 4 Nhấp **OK**.

Xem và Thay đổi Cài đặt Báo cáo Bộ đếm

Bạn có thể xem và thay đổi cài đặt báo cáo bộ đếm.

- 1 Trong bảng **Màn Hình Của Tôi**, chọn một màn hình **Tài Khoản**.
- 2 Trong trình đơn chính, nhấp **Tài Khoản > Hiện thị các báo cáo bộ đếm**.
- 3 Trong hộp thoại **Các Báo Cáo Bộ Đếm**, chọn một báo cáo và nhấp **Thuộc tính**.
- 4 Trong hộp thoại **Các Đặc Tính của Báo Cáo Bộ Đếm**, thay đổi bất kì cài đặt nào khi cần thiết.

5 Nhấp **OK**.

Quản lý thiết bị

Khi một thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng bị quản lý, bạn có thể sử dụng các đặc tính thông báo và báo cáo, tạo và xem các tài khoản, và khôi phục nguyên trạng các bộ đếm. Một thiết bị chưa được quản lý chỉ có thể sử dụng một tập hợp hạn chế các đặc tính.

Quản Lý Các Thiết Bị Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng

Để quản lý một thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng, làm theo các bước sau:

- 1 Trong **Xem thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, chọn một thiết bị chưa được quản lý.
- 2 Trong trình đơn **Tài Khoản**, nhấp **Quản lý thiết bị**.
- 3 Bạn có thể được nhắc nhập một mật khẩu.

Để bỏ quản lý một thiết bị đã được quản lý, chọn thiết bị đó, nhấp **Tài Khoản > Không quản lý thiết bị**, sau đó nhấp **Có** để xác nhận.

Ẩn hoặc Hiện Thị Các Thiết Bị Chưa Được Quản Lý

Trong **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, bạn có thể chọn xem tất cả các thiết bị trong tài khoản hoặc chỉ xem những thiết bị đã được quản lý.

Trong thanh công cụ, nhấp **Ẩn các thiết bị chưa được quản lý** để xóa bỏ các thiết bị chưa được quản lý khỏi màn hình.

Trong thanh công cụ, nhấp lại **Hiện thị các thiết bị chưa được quản lý** để xem các thiết bị chưa được quản lý.

Khôi Phục Nguyên Trạng Các Bộ Đếm

Bạn có thể khôi phục nguyên trạng các bộ đếm tài khoản lệnh in của một hoặc nhiều thiết bị về zero. Để sử dụng tính năng này, bạn phải đặt thiết bị ở trạng thái bị quản lý trong **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**.

Khôi Phục Nguyên Trạng Các Bộ Đếm Tài Khoản Lệnh In

Bạn có thể khôi phục nguyên trạng các bộ đếm tài khoản lệnh in.

- 1 Trong **Xem các tài khoản** hoặc **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, chọn một hoặc nhiều tài khoản hoặc thiết bị bị quản lý tương ứng.
- 2 Trong trình đơn **Tài Khoản**, nhấp **Khôi phục nguyên trạng các bộ đếm**, sau đó nhấp **Có** để xác nhận.

Thông Số Cài Đặt Chế Độ Thông Báo Tài Khoản

Thông Số Cài Đặt Chế Độ Thông Báo được sử dụng để thông báo cho người dùng về những thay đổi trạng thái bộ đếm của thiết bị in. Các loại thông báo gồm: mở cửa sổ pop-up hoặc nhật ký sự kiện Windows, và gửi e-mail tới ba

người nhận. Để gửi thông báo qua e-mail, TCP cổng 25 phải khả dụng và không bị tường lửa hoặc trình quét vi rút chặn. E-mail của người nhận phải được chỉ rõ trong **Chỉnh sửa > Tùy chọn > Thông số cài đặt thư tín**. Nếu không, tính năng **Gửi e-mail đến** tùy chọn trong **Thông Số Cài Đặt Chế Độ Thông Báo** không khả dụng.

Cài Đặt Chế Độ Thông Báo Tài Khoản

Bạn có thể chọn các thiết bị từ danh sách tài khoản để hiển thị cảnh báo về hoạt động của thiết bị in. Hộp thoại **Cài đặt Thông báo** cung cấp tùy chọn cảnh báo cho các thiết bị đã chọn.

- 1 Trong **Xem thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, chọn một thiết bị được quản lý.
- 2 Trong trình đơn ở đầu màn hình, nhấp **Thiết bị > Cài đặt thông báo**.
- 3 Trong **Tác vụ**, chọn cách thông báo sẽ được gửi đi.
- 4 Nếu bạn chọn **Gửi e-mail đến**, hãy nhập một hoặc nhiều địa chỉ e-mail tối đa là ba.
- 5 Trong **Thông báo**, hãy chọn các sự kiện sẽ khởi chạy thông báo.
- 6 Để lưu các lựa chọn của bạn và đóng hộp thoại, hãy nhấp **OK**.

Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị

Hộp thoại **Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị** cung cấp tùy chọn để kiểm soát hoặc theo dõi một thiết bị. Để kết nối với thiết bị được chọn, bạn phải đặt đúng **Tên người dùng đăng nhập** và **Mật khẩu**, hoặc **Mã Quản Trị Viên Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng**, tùy theo loại phương thức ủy nhiệm mà thiết bị sử dụng. Thông tin được đọc từ thiết bị và được hiển thị trên đầu hộp thoại dưới mục **Tổng quan**. Nhấp vào các hàng tên danh sách khác để xem các tùy chọn khác.

Bạn có thể chọn các tùy chọn cho **Tài khoản Lệnh in**, **Loại giấy**, **Xử lý lỗi hệ thống**, và các thông số cài đặt **Bổ sung**. Nếu thiết bị được chọn không hỗ trợ một thuộc tính, thuộc tính đó được hiển thị dưới dạng không khả dụng.

Truy Cập Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị

Bạn có thể mở hộp thoại cung cấp các tùy chọn để kiểm soát và theo dõi các thiết bị.

- 1 Trong **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, nhấp phải vào một thiết bị được quản lý, và trong trình đơn ngữ cảnh, nhấp **Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị**.
- 2 Đối với thiết bị được chọn, bạn có thể xem hoặc chọn những tùy chọn sau:
 - Tổng quan**
 - Kiểm soát tài khoản thi hành tác vụ**
 - Loại phương tiện**
 - Xử lý lỗi hệ thống**

Bổ sung

Bật hoặc Tắt Chế Độ Kiểm Soát Tài Khoản Thi Hành Lệnh in

Bạn có thể bật hoặc tắt thông số cài đặt tài khoản lệnh in để theo dõi các tính năng nhất định trên một thiết bị được chọn.

- 1 Trong hộp thoại **Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị**, nhấp **Tài khoản Lệnh in**. Danh sách các tùy chọn được mở rộng.
- 2 Chọn để bật **Kiểm soát tài khoản thi hành lệnh in**, và bật hoặc tắt tính năng đếm cho các chức năng hệ thống in sau đây:
 - Kiểm soát lệnh in cho chức năng sao chép**
 - Kiểm soát lệnh in cho chức năng in**
 - Kiểm soát lệnh in cho chức năng quét**
 - Kiểm soát lệnh in cho chức năng FAX**
- 3 Nếu bạn đã chọn xong các tùy chọn **Kiểm soát tài khoản thi hành lệnh in**, bạn có thể chọn các tùy chọn khác trong hộp thoại, hoặc bạn có thể lưu tất cả các lựa chọn của bạn bằng cách nhấp **OK**. Nếu bạn không muốn lưu bất kỳ lựa chọn nào của bạn, nhấp **Hủy**. Hộp thoại đóng lại và ứng dụng trở về **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng** hoặc hộp thoại **Các Tài Khoản của Thiết Bị**.

Chọn Các Bộ Đếm Loại Giấy

Bạn có thể chọn các bộ đếm để theo dõi số trang theo kích cỡ và loại giấy của một thiết bị.

- 1 Trong hộp thoại **Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị**, nhấp **Loại giấy**.
- 2 Với mỗi bộ đếm mong muốn, chọn **Kích cỡ** và **Loại giấy** từ danh sách.
- 3 Nếu bạn đã chọn xong các tùy chọn **Loại giấy**, bạn có thể chọn các tùy chọn khác trong hộp thoại, hoặc bạn có thể lưu tất cả các lựa chọn của bạn bằng cách nhấp **OK**. Nếu bạn không muốn lưu các lựa chọn nào của bạn, nhấp **Hủy**. Hộp thoại đóng lại và ứng dụng trở về **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng** hoặc hộp thoại **Các Tài Khoản của Thiết Bị**.

Xử Lý Lỗi Hệ Thống

Bạn có thể chọn cách xử lý tác vụ khi lỗi xuất hiện.

- 1 Trong hộp thoại **Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị**, nhấp **Xử lý lỗi hệ thống**. Danh sách các tùy chọn được mở rộng.
- 2 Bạn có thể in các báo cáo cho một trong hai hoặc cả hai lỗi dưới đây:
 - In báo cáo khi gặp lỗi tài khoản bất hợp pháp**
 - In báo cáo khi giới hạn bộ đếm bị vượt qua**
- 3 Bạn có thể hủy tác vụ, hoặc đưa ra cảnh báo, cho các lỗi sau đây:

Hủy tác vụ khi gặp lỗi tài khoản bất hợp pháp**Hủy tác vụ khi giới hạn bộ đếm bị vượt qua**

Từ mỗi danh sách, chọn **Nối tiếp**, **Ngay lập tức**, hoặc **Chỉ cảnh báo**.

- 4 Nếu bạn đã chọn xong các tùy chọn **Xử lý lỗi hệ thống**, bạn có thể chọn các tùy chọn khác trong hộp thoại, hoặc bạn có thể lưu tất cả các lựa chọn của bạn bằng cách nhấp **OK**. Nếu bạn không muốn lưu bất kỳ lựa chọn nào của bạn, nhấp **Hủy**.

Cài đặt Cho phép Xử Lý và Bộ Đếm Lướt Bản Sao

Bạn có thể cho phép hoặc cấm việc xử lý tác vụ không cần ID tài khoản.

- 1 Trong hộp thoại **Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị**, nhấp **Bổ sung**. Danh sách các tùy chọn được mở rộng.
- 2 Nếu bạn muốn yêu cầu người dùng gửi ID tài khoản trước khi xử lý tác vụ, chọn **Từ chối** từ danh sách. Nếu bạn muốn cho phép người dùng xử lý tác vụ không cần ID tài khoản, chọn **Cho phép**.
- 3 Nếu bạn muốn đếm số trang sao chép tách biệt khỏi số trang in, chọn **Cá nhân**. Nếu bạn muốn đếm cộng gộp số trang sao chép và in, chọn **Tổng**.
- 4 Nếu bạn đã chọn xong các tùy chọn **Bổ sung**, bạn có thể chọn các tùy chọn khác trong hộp thoại, hoặc bạn có thể lưu tất cả các lựa chọn của bạn bằng cách nhấp **OK**. Nếu bạn không muốn lưu bất kỳ lựa chọn nào của bạn, nhấp **Hủy**. Hộp thoại đóng lại và ứng dụng trở về **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng** hoặc hộp thoại **Các Tài Khoản của Thiết Bị**.

Kiểm Soát Tài Khoản Tập Tin Multi-Set

Kiểm soát tài khoản **Multi-Set** cho phép bạn gửi các tham số cấu hình để kiểm soát tài khoản người dùng thiết bị tới nhiều thiết bị cùng một lúc.

Cài Đặt Nhiều Thiết Bị Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng

Để bắt đầu kiểm soát tài khoản **Multi-Set**, làm theo các bước sau:

- 1 Trong **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, chọn các thiết bị sẽ nhận các thông số cài đặt bằng cách ấn phím Ctrl, và nhấp vào các thiết bị đó. Bạn cũng có thể chọn các nhóm thiết bị bằng cách ấn phím Shift và nhấp vào thiết bị đầu tiên và cuối cùng trong số các thiết bị cạnh nhau trong danh sách.
- 2 Trong thanh trình đơn ở phía trên cửa sổ, nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Cài đặt nhiều thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**.
Trình hướng dẫn **Multi-Set** mở ra.
- 3 Trong trang **Nhóm thiết bị**, ứng dụng đã lọc các thiết bị được chọn theo những hỗ trợ **Multi-Set** đó. Các thiết bị được tổ chức theo nhóm sản phẩm.
Chọn một nhóm để áp dụng các thông số cài đặt, và nhấp **Tiếp theo**.

Chọn Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng trong Multi-Set

Các tùy chọn sau đây có thể thay đổi trên trang **Cài đặt**, tùy theo thiết bị đích:

Thông Số Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng Thiết Bị

Đây là những thông số cài đặt cho kiểm soát tài khoản lệnh in, loại giấy, xử lý lỗi hệ thống, cho phép xử lý tác vụ không cần ID tài khoản, và bộ đếm lượt bản sao.

Danh Sách Tài Khoản

Đây là danh sách các tài khoản của thiết bị gồm thông tin về lượt bản in, bản sao và bản FAX.

Trên trang **Cài đặt**, chọn nhóm các thông số cài đặt để sao chép tới các thiết bị đích. Bạn chỉ chọn được một nhóm các thông số cài đặt cho mỗi quá trình xử lý **Multi-Set**. Nhấp **Tiếp theo**.

Chọn Thông Số Cài Đặt Nguồn Tài khoản

Bạn có thể chọn các cách cài đặt khác nhau cho thiết bị đích của bạn.

Cảnh báo: Khi bạn chọn **Danh Sách Tài Khoản** trong **Cài đặt**, nếu bạn chọn hộp kiểm có tên là **Ghi đè các thông số cài đặt trên thiết bị đích** ở cuối trang **Phương pháp**, thông số cài đặt thiết bị nguồn sẽ được sao chép lên thông số cài đặt thiết bị đích. Bỏ chọn hộp kiểm này để bảo lưu các thông số cài đặt thiết bị đích.

Tạo Thông Số Cài Đặt Từ một Thiết Bị

Bạn có thể sao chép thông số cài đặt từ một thiết bị nguồn.

- 1 Trên trang **Phương pháp**, nhấp **Tạo từ thiết bị**. Nhấp **Tiếp theo**.
- 2 Nhấp vào thiết bị nguồn trong danh sách. Nhấp **Tiếp theo**.
- 3 Trang **Xác nhận** hiển thị danh sách các thông số cài đặt bạn vừa tạo. Bạn có thể nhấp **Sửa thông số cài đặt** để mở hộp thoại thay đổi thông số cài đặt. Nếu bạn muốn lưu các thông số cài đặt của bạn vào một tập tin, nhấp **Lưu vào tập tin**. Các thông số cài đặt được lưu vào tập tin với phần đuôi mở rộng .XML. Nhấp **Kết thúc**.

Nếu quá trình hoàn tất thành công, các thuộc tính hoặc thông số cài đặt được sao chép từ thiết bị nguồn sang thiết bị đích. Nhấp **Đóng**.

Nếu quá trình không hoàn tất thành công, bạn có thể nhấp **Thông tin chi tiết** để xem danh sách các lỗi. Nếu bạn muốn lưu danh sách lỗi, nhấp **Xuất** để mở hộp thoại lưu vào tập tin nhật ký. Duyệt qua hoặc gõ tên tập tin với phần đuôi mở rộng là .CSV. Nhấp **Lưu**, sau đó nhấp **Đóng lại**.

Tạo Mẫu Thông Số Cài Đặt Tài Khoản

Bạn có thể tạo mẫu thông số cài đặt từ một tập tin hiện có.

- 1 Trên trang **Phương pháp**, nhấp **Tạo từ tập tin**. Nhấp **Tiếp theo**.
- 2 Gõ đường dẫn tập tin, hoặc nhấp **Duyệt qua** để định vị và chọn tập tin bạn muốn sử dụng. Bạn có tùy chọn để mở định dạng sau đây:
Mẫu Multi-Set từ phiên bản phần mềm hiện thời (.XML)

3 Nhấp Mở, sau đó nhấp **Tiếp theo**.

- 4** Trang **Xác nhận** hiển thị danh sách các thông số cài đặt bạn vừa tạo. Bạn có thể nhấp **Sửa thông số cài đặt** để mở hộp thoại thay đổi thông số cài đặt. Nếu bạn muốn lưu các thông số cài đặt của bạn vào một tập tin, nhấp **Lưu vào tập tin**. Tập tin được lưu ở định dạng .XML.

5 Nhấp Kết thúc.

Nếu quá trình hoàn tất thành công, các thuộc tính hoặc thông số cài đặt được sao chép từ tập tin sang thiết bị đích. Nhấp **Đóng lại**.

Nếu quá trình không hoàn tất thành công, bạn có thể nhấp **Thông tin chi tiết** để xem danh sách các lỗi. Nếu bạn muốn lưu danh sách lỗi, nhấp **Xuất** để mở hộp thoại lưu vào tập tin nhật ký. Duyệt qua hoặc gõ tên tập tin với phần đuôi mở rộng là .CSV. Nhấp **Lưu**, sau đó nhấp **Đóng lại**.

Tạo Cài Đặt Mới

Bạn có thể tạo một mẫu thông số cài đặt mới.

- 1** Trên trang **Phương pháp**, nhấp **Tạo mới**. Nhấp **Tiếp theo**. Một hộp thoại có chứa thông số cài đặt cho tùy chọn bạn đã chọn mở ra trên trang **Cài đặt**. Thực hiện thay đổi cho thông số cài đặt.
- 2** Khi bạn đã hoàn tất việc cài đặt, nhấp **OK** hoặc **Đóng lại**.
- 3** Trang **Xác nhận** hiển thị danh sách các thông số cài đặt bạn vừa tạo. Bạn có thể nhấp **Sửa thông số cài đặt** để mở hộp thoại thay đổi thông số cài đặt. Nếu bạn muốn lưu các thông số cài đặt của bạn vào một tập tin, nhấp **Lưu vào tập tin**. Các thông số cài đặt được lưu vào tập tin có đuôi .XML.
- 4** Nhấp **Kết thúc**.
 Nếu quá trình hoàn tất thành công, các thuộc tính hoặc thông số cài đặt mới được sao chép sang thiết bị đích. Nhấp **Đóng lại**.
 Nếu quá trình không hoàn tất thành công, bạn có thể nhấp **Thông tin chi tiết** để xem danh sách các lỗi. Nếu bạn muốn lưu danh sách lỗi, nhấp **Xuất** để mở hộp thoại lưu vào tập tin nhật ký. Duyệt qua hoặc gõ tên tập tin với phần đuôi mở rộng là .CSV. Nhấp **Lưu**, sau đó nhấp **Đóng lại**.

Xuất

Khi xem các tài khoản trên thiết bị hoặc các thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng, bạn có thể xuất hoặc lưu thông tin được hiển thị vào tập tin .CSV hoặc .XML trên máy tính hoặc mạng của bạn. Có các tùy chọn xuất sau đây:

ID Tài Khoản: Hiển thị danh sách ID tài khoản. Tập tin này có thể được nhập vào trình điều khiển máy in.

Các bộ đếm: Hiển thị các bộ đếm tài khoản lệnh in theo ID tài khoản.

Thông tin: Hiển thị tất cả các bộ đếm tài khoản.

Xuất danh sách ID tài khoản

Bạn có thể xuất danh sách ID tài khoản của một thiết bị ra tập tin .CSV.

- 1 Trong **Màn Hình Của Tôi** hoặc **Màn Hình Mặc Định**, chọn một tài khoản hoặc chọn một thiết bị hỗ trợ kiểm soát tài khoản người dùng:
Xem các tài khoản: chọn tài khoản mong muốn
Xem thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng: chọn một thiết bị được quản lý
- 2 Tùy theo lựa chọn ở bước 1, trong trình đơn **Tài khoản**, chọn **Xem Thiết bị cho Tài khoản này** hoặc **Xem Các Tài Khoản trên Thiết Bị này**.
- 3 Chọn một hoặc nhiều thiết bị hoặc tài khoản.
- 4 Trong thanh công cụ, nhấp **Xuất > ID Tài Khoản**.
- 5 Đặt tên và lưu tập tin.

Xuất Thông Tin Bộ Đếm

Bạn có thể xuất thông tin bộ đếm của một thiết bị ra tập tin .CSV or .XML.

- 1 Trong **Màn Hình Của Tôi** hoặc **Màn Hình Mặc Định**, chọn một tài khoản hoặc một thiết bị hỗ trợ kiểm soát tài khoản người dùng:
Xem các tài khoản: chọn tài khoản mong muốn
Xem thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng: chọn một thiết bị được quản lý
- 2 Tùy theo lựa chọn ở bước 1, trong trình đơn **Tài khoản**, chọn **Xem Thiết bị cho Tài khoản này** hoặc **Xem Các Tài Khoản trên Thiết Bị này**.
- 3 Chọn một hoặc nhiều thiết bị hoặc tài khoản.
- 4 Trong thanh công cụ, nhấp **Xuất > Các bộ đếm**.
- 5 Chọn .CSV or .XML làm loại tập tin.
- 6 Đặt tên và lưu tập tin.

Xuất Thông Tin Bộ Kiểm Soát Tài Khoản Người Dùng

Bạn có thể xuất thông tin bộ kiểm soát tài khoản người dùng của một thiết bị ra tập tin .CSV or .XML.

- 1 Trong **Màn Hình Của Tôi** hoặc **Màn Hình Mặc Định**, chọn một tài khoản hoặc một thiết bị hỗ trợ kiểm soát tài khoản người dùng:
Xem các tài khoản: chọn tài khoản mong muốn
Xem thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng: chọn một thiết bị được quản lý
- 2 Tùy theo lựa chọn ở bước 1, trong trình đơn **Tài khoản**, chọn **Xem Thiết bị cho Tài khoản này** hoặc **Xem Các Tài Khoản trên Thiết Bị này**.

- 3** Chọn một hoặc nhiều thiết bị hoặc tài khoản.
- 4** Trong thanh công cụ, nhấp **Xuất > Thông tin**.
- 5** Chọn .CSV or .XML làm loại tập tin.
- 6** Đặt tên và lưu tập tin.

5 Máy chủ

Trình đơn **Máy chủ** được sử dụng để quản lý các trình điều khiển máy in và hàng đợi in. Trong màn hình máy chủ, bạn có thể cài đặt, nâng cấp hoặc tháo cài đặt trình điều khiển máy in trên máy tính chủ, và chọn thông số cài đặt đăng nhập. Bạn cũng có thể cài đặt từ xa trình điều khiển máy in vào máy tính chủ.

Thêm Hàng Đợi

Bạn có thể sử dụng trình hướng dẫn **Tạo Hàng Đợi** để thêm hàng đợi vào danh sách **Xem Hàng Đợi Máy Chủ**.

- 1 Trong **Xem hàng đợi máy chủ**, nhấp **Máy chủ > Hàng đợi mới**.
- 2 Trong trình hướng dẫn **Tạo Hàng Đợi**, chọn một hoặc nhiều máy chủ. Nhấp **Tiếp theo**.
Nếu được nhắc, chọn đăng nhập miền hợp lệ, sau đó nhấp **OK** để tiếp tục.
- 3 Lựa chọn dòng máy in. Nhấp **Tiếp theo**.
- 4 Nhấp **Dùng đĩa**, duyệt qua để tìm tập tin .INF 32-bit hoặc 64-bit hợp lệ (hoặc cả hai) cho dòng máy in đó, và nhấp **OK**. Nhấp **Tiếp theo**.
- 5 Thay đổi thông số cài đặt sẵn có cho mỗi máy chủ. Nhấp một số tùy chọn mở ra một hộp thoại bổ sung.
- 6 Bạn có thể nhấp **Nhập** nhằm duyệt qua để tìm tập tin cài đặt (.KVP) cho trình điều khiển được lựa chọn, hoặc lưu thông số cài đặt hiện thời bằng cách nhấp **Xuất**.
- 7 Bạn có thể nhấp vào **Thông số cài đặt chung** và áp dụng cài đặt cho tất cả dòng máy in được chọn.
- 8 Nhấp **Xung đột**, và chọn từ các tùy chọn sẵn có để xử lý bất kỳ xung đột nào xuất hiện trong quá trình cài đặt.
- 9 Sau khi bạn đã thực hiện xong các thay đổi trên trang **Cài đặt máy in**, nhấp **Tiếp theo**.
- 10 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, xác nhận các mục bạn lựa chọn.
- 11 Nhấp **Kết thúc** để tạo hàng đợi mới. Bạn có thể tạo tập tin xuất bằng cách nhấp **Xuất**, hoặc nhấp **OK** để đóng hộp thoại.

Bạn có thể xóa một hàng đợi bằng cách chọn hàng đợi đó từ danh sách và nhấp **Xóa hàng đợi**.

Các Tùy Chọn Cài Đặt Chung

Khi tạo hàng đợi mới hoặc cài đặt máy in, bạn có thể áp dụng một số thông số cài đặt cho tất cả các dòng máy in đã chọn bằng cách sử dụng tính năng **Thông số cài đặt chung**. Cách này chỉ áp dụng cho trình điều khiển hệ thống máy in.

Trên trang **Cài đặt máy in** của trình hướng dẫn **Tạo Hàng Đợi**, nhấp **Thông số cài đặt chung**, và chọn các tùy chọn sẵn có:

Trong **Mặc định Gốc**, chọn **Có** hoặc **Không**. Khi bạn chọn **Có**, duyệt qua để tìm hồ sơ (.KXP), sau đó nhấp **Tải lên**.

Trong **Tiện ích hỗ trợ**, chọn từ những tiện ích hỗ trợ sẵn có để cài đặt.

Trong ô **Bình luận**, gõ bình luận của bạn.

Bạn có thể nhấp **Mở** và duyệt để tìm tập tin .KVP có chứa thông số cài đặt cấu hình đã lưu cho trình điều khiển máy in.

Bạn có thể nhấp **Lưu** và lưu các thông số cài đặt cấu hình hiện thời vào tập tin .KVP.

Tùy Chọn Xung Đột

Bạn có thể cài đặt phương án để xử lý những xung đột máy in tiềm tàng trong quá trình cài đặt. Bạn có thể chỉnh sửa thông số cài đặt cho máy in hiện tại, trình điều khiển hiện tại, tên máy in đã tồn tại và giữ hoặc thay đổi số cổng. Khi tạo hàng đợi mới hoặc cài đặt máy in, bạn có thể chọn từ các tùy chọn sau đây:

Máy in đã hiện hữu:

Giữ nguyên các thông số cài đặt

Thông số cài đặt máy in hiện thời không thay đổi và máy in sẽ không được cài đặt.

Ghi đè

Thông số cài đặt máy in hiện thời sẽ bị các thuộc tính người dùng đã chọn ghi đè lên.

Tên trình điều khiển đã hiện hữu:

Không thực thi tác vụ nào

Thông số cài đặt cho trình điều khiển hiện tại không bị thay đổi và trình điều khiển mới không được cài đặt.

Nâng cấp

Bạn có thể nâng cấp trình điều khiển lên phiên bản mới hơn.

Tên chia sẻ đã hiện hữu:

Thêm hậu tố

Tên máy in mới chứa các ký tự bổ sung.

Lỗi

Không cài đặt được máy in mới.

Không chia sẻ

Không chia sẻ máy in.

Cổng bất khả dụng:

Tập tin

Cổng được đặt thành Tập tin.

LPT1

Cổng được đặt thành LPT1.

Lỗi

Không cài đặt được máy in.

Chỉnh Sửa Tên Hàng Đợi

Bạn có thể thay đổi tên một hàng đợi.

- 1 Trong **Xem hàng đợi máy chủ**, chọn hàng đợi cần đổi tên.
- 2 Nhấp phải vào hàng đợi đó và chọn **Đổi tên**.
- 3 Gõ tên mới vào ô.
- 4 Nhấn **Chỉnh sửa**.
- 5 Khi đổi tên xong, nhấp **Kết thúc**.

Cài Đặt Máy In Màn Hình Máy Chủ

Phần mềm trình điều khiển máy in cung cấp cài đặt để tùy chỉnh đầu ra từ hệ thống in của bạn. Bạn có thể cài đặt từ xa trình điều khiển máy in vào máy tính chủ. Sau khi cài đặt, bạn có thể nâng cấp hoặc tháo cài đặt trình điều khiển.

Cho Phép Trình Cuốn Giấy Máy In Truy Cập Kết Nối Máy Khách

Quản trị viên có thể cài đặt các chính sách cho máy tính mà bất kỳ người sử dụng nào đăng nhập vào. Chính sách **Cho Phép Trình Cuốn Giấy Máy In chấp nhận kết nối máy khách** quản lý truy cập đến trình cuộn giấy máy in.

- 1 Trong **Trình Chỉnh Sửa Chính Sách Nhóm Cục Bộ**, nhấp **Cấu Hình Máy Tính > Mẫu Quản Trị > Máy In**.
- 2 Từ danh sách **Cài đặt**, nhấp đúp vào chính sách **Cho Phép Trình Cuốn Giấy Máy In chấp nhận kết nối máy khách**.
- 3 Chọn **Đã bật** để trình cuộn giấy máy in luôn luôn chấp nhận kết nối máy khách.
- 4 Nhấp **OK**.
- 5 Khởi động lại trình cuộn giấy máy in để những thay đổi đối với chính sách này có tác dụng.

Cho phép ngoại lệ quản trị từ xa

Quản trị viên có thể cài đặt các chính sách áp dụng cho máy tính mà bất kỳ người dùng nào đăng nhập vào. Chính sách **Allow inbound remote administration exception** quản lý exceptions để truy cập các kết nối từ xa khi tường lửa đang bật. Tính năng này cho phép quản lý từ xa máy tính đang sử dụng Phương Tiện Quản Lý Windows (WMI).

- 1 Trong **Trình Chinh Sửa Chính Sách Nhóm Cục Bộ**, nhấp **Cấu Hình Máy Tính > Mẫu Quản Trị > Mạng > Kết Nối Mạng > Tường Lửa Windows**.
- 2 Nếu máy tính nằm trong miền, nhấp đúp vào **Hồ Sơ Miền**. Nếu máy tính không nằm trong miền, nhấp đúp vào **Hồ Sơ Chuẩn**.
- 3 Nhấp đúp vào **Tường Lửa Windows: Cho phép ngoại lệ quản trị từ xa đi vào**.
- 4 Chọn **Đã bật** để cho phép quản lý máy tính từ xa.
- 5 Nhấp **OK**.

Cài đặt Trình Điều Khiển Máy In trong Màn Hình Máy Chủ

Bạn có thể sử dụng trình hướng dẫn **Cài Đặt Trình Điều Khiển** để cài đặt trình điều khiển máy in.

- 1 Trong **Màn hình máy chủ**, chọn một hoặc nhiều máy tính chủ từ danh sách.
- 2 Nhấp **Máy chủ > Cài đặt trình điều khiển**.
- 3 Trong trình hướng dẫn **Cài Đặt Trình Điều Khiển**, chọn cài đặt có hoặc không có thiết bị:

Chọn **Cài đặt trình điều khiển mà có kèm thiết bị** các thiết bị in xuất hiện trong màn hình **Thiết bị** và khả dụng trên mạng. Nhấp **Tiếp theo** để hiển thị danh sách tất cả các thiết bị khả dụng. Chọn một hay nhiều dòng máy in để cài đặt, và nhấp **Tiếp theo**. Nhấp **Dùng đĩa**, duyệt qua để tìm tập tin .INF hợp lệ cho mỗi trình điều khiển được cài đặt, và sau đó nhấp **Mở**. Nhấp **OK** để thoát hộp thoại, sau đó nhấp **Tiếp theo** để tiếp tục.

Chọn **Cài đặt trình điều khiển không cần thiết bị** nếu thiết bị in không khả dụng trên mạng. Nhấp **Tiếp theo**, sau đó nhấp **Dùng đĩa** và duyệt qua để tìm tập tin .INF hợp lệ cho mỗi trình điều khiển được cài đặt. Nhấp **OK** để thoát khỏi cửa sổ **Dùng đĩa**, sau đó chọn một hoặc nhiều trình điều khiển để cài đặt. Nhấp **Tiếp theo**.
- 4 Trên trang **Cài đặt máy in**, chọn cài đặt khả dụng cho từng trình điều khiển máy in. Để biết thông tin về những cài đặt này, hãy tham khảo *Hướng dẫn Sử dụng Trình điều khiển Máy in*. Các tùy chọn sau mở ra hộp thoại khác để chọn cài đặt:

Bạn có thể nhấp vào **Thông số cài đặt chung** và áp dụng cài đặt cho tất cả dòng máy in được chọn.

Bạn có thể nhấp vào **Xung đột** và chọn từ các tùy chọn khả dụng.

Bạn có thể nhấp vào **Nhập** và chọn tập tin cài đặt cấu hình (.KVP).

Bạn có thể nhấp vào **Xuất** và lưu cài đặt cấu hình hiện tại vào tập tin .KVP.

Nhấp **Tiếp theo**.
- 5 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy xem xét cài đặt của bạn.
- 6 Nhấp vào **Kết thúc** để cài đặt trình điều khiển máy in.

7 Khi quá trình cài đặt hoàn tất, bạn có thể nhấp vào **Xuất** để lưu tập tin nhật ký (.TXT).

8 Nhấp **OK**.

Nâng Cấp Trình Điều Khiển Máy In trong Màn Hình Máy Chủ

Bạn có thể nâng cấp trình điều khiển máy in đã cài đặt lên phiên bản mới hơn.

1 Trong **Màn hình máy chủ**, chọn một hoặc nhiều máy tính chủ trong danh sách.

2 Nhấp **Máy chủ > Nâng cấp trình điều khiển**.

3 Trong trình hướng dẫn **Nâng Cấp Trình Điều Khiển**, chọn trình điều khiển máy in cần nâng cấp. Chọn ít nhất một trình điều khiển trong mỗi máy chủ. Nhấp **Tiếp theo**.

4 Trong trang **Chọn tập tin INF cho từng trình điều khiển**, nhấp **Dùng đĩa**, duyệt qua để tìm tập tin .INF hợp lệ cho mỗi trình điều khiển (32-bit hoặc 64-bit) đang được nâng cấp, và nhấp **OK**. Nhấp **Tiếp theo**.

5 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy xem xét cài đặt đã chọn.

6 Nhấp **Kết thúc** để bắt đầu quá trình nâng cấp. Khi quá trình nâng cấp hoàn tất, bạn có thể nhấp vào **Xuất** để lưu tập tin nhật ký nâng cấp (.TXT).

7 Nhấp **OK**.

Gỡ Trình Điều Khiển Máy In trong Màn Hình Máy Chủ

Bạn có thể gỡ trình điều khiển máy in từ máy tính chủ.

1 Trong **Màn hình máy chủ**, chọn một hoặc nhiều máy tính chủ trong danh sách.

2 Nhấp **Máy chủ > Gỡ trình điều khiển**.

3 Trong trình hướng dẫn **Gỡ Trình Điều Khiển**, mở rộng danh sách các trình điều khiển máy in trong mỗi máy chủ.

4 Chọn hộp kiểm cạnh mỗi trình điều khiển hoặc hàng đợi để tháo cài đặt. Chọn ít nhất một trình điều khiển trong mỗi máy chủ. Chọn một trình điều khiển là đồng thời chọn hàng đợi liên quan. Nhấp **Tiếp theo**.

5 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy xem xét lựa chọn của bạn.

6 Nhấp **Kết thúc** để bắt đầu quá trình tháo cài đặt. Khi quá trình tháo cài đặt hoàn tất, bạn có thể nhấp vào **Xuất** để lưu tập tin nhật ký tháo cài đặt (.TXT).

7 Nhấp **OK**.

Cài Đặt Trình Điều Khiển Bổ Sung

Với những trình điều khiển máy in 32-bit hoặc 64-bit được cài đặt trên máy tính chủ, bạn có thể cài đặt trình điều khiển bổ sung phiên bản kia (64-bit hoặc 32-bit, tương ứng). Cách này rất có ích trong môi trường máy khách/máy chủ khi hệ thống và trình điều khiển máy chủ là phiên bản kia. Cách này chỉ áp dụng cho trình điều khiển hệ thống máy in.

- 1 Trong **Xem hàng đợi máy chủ**, chọn một hoặc nhiều hàng đợi.
- 2 Nhấp phải vào một hoặc nhiều hàng đợi đó, và trong trình đơn ngữ cảnh, nhấp **Cài Đặt Trình Điều Khiển Bổ Sung**.
- 3 Trong trình hướng dẫn **Quá Trình Cài Đặt Trình Điều Khiển Bổ Sung**, nhấp **Dùng đĩa**.
- 4 Duyệt qua để tìm tập tin .INF 32-bit hoặc 64-bit dành cho dòng máy in, sau đó nhấp **OK**. Nhấp **Tiếp theo**.
- 5 Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy xem xét cài đặt đã chọn.
- 6 Nhấp vào **Kết thúc** để cài đặt trình điều khiển bổ sung. Bạn có thể nhấp **Xuất** để tạo và lưu tập tin nhật ký cài đặt (.TXT).
- 7 Nhấp **OK**. Trình điều khiển máy in được thêm vào không xuất hiện trong màn hình máy chủ, nhưng bạn có thể nâng cấp hoặc gỡ trình điều khiển đó.

Hiển Thị Trình Điều Khiển Máy In và Hàng Đợi In

Bạn có thể xem thông tin chi tiết về trình điều khiển máy in đã cài đặt và hàng đợi in của các trình điều khiển đó cho một máy chủ đã chọn.

- 1 Trong **Màn hình máy chủ**, chọn một máy chủ.
- 2 Chọn **Máy chủ > Hiển thị các trình điều khiển máy in** để Xem các trình điều khiển, hoặc **Máy chủ > Hiển thị hàng đợi in** để xem hàng đợi.
- 3 Bạn có thể nhấp **Làm mới** để cập nhật danh sách.

Hiển Thị Trình Điều Khiển Máy In và Hàng Đợi In

Bạn có thể xem thông tin chi tiết về trình điều khiển máy in đã cài đặt và hàng đợi in của các trình điều khiển đó cho một máy chủ đã chọn.

- 1 Trong **Màn hình máy chủ**, chọn một máy chủ.
- 2 Chọn **Máy chủ > Hiển thị các trình điều khiển máy in** để Xem các trình điều khiển, hoặc **Máy chủ > Hiển thị hàng đợi in** để xem hàng đợi.
- 3 Bạn có thể nhấp **Làm mới** để cập nhật danh sách.

Chọn Các Thông Số Cài Đặt Đăng Nhập Máy Chủ

Bạn có thể thay đổi thông tin đăng nhập của quản trị viên máy chủ.

- 1 Trong **Màn hình máy chủ**, nhấp **Máy chủ** > **Các thông số cài đặt đăng nhập máy chủ**.
- 2 Trong hộp thoại **Phiên Đăng Nhập Của Quản Trị Viên Máy Chủ**, chọn **Dùng tập tin đăng nhập này để truy cập vào máy chủ**.
- 3 Nhập và **Mật khẩu**.
- 4 Chọn một **Miền** trong danh sách kéo xuống.
- 5 Nhấp **OK** để lưu các cài đặt của bạn.

Chọn Các Thông Số Cài Đặt Đăng Nhập Miền Của Quản Trị Viên

Bạn có thể chọn quyền đăng nhập của quản trị viên để truy hồi thông tin về máy chủ và hàng đợi và cấu hình máy tính từ xa.

- 1 Trong bất kỳ màn hình **Máy chủ** nào, nhấp **Máy chủ** > **Các thông số cài đặt đăng nhập miền của quản trị viên**.
- 2 Trong hộp thoại **Phiên Đăng Nhập Của Quản Trị Viên Miền**, chọn một tùy chọn miền:
Dùng các thông số cài đặt đăng nhập Windows hiện tại
Chọn để dùng phiên đăng nhập Windows của bạn.
Ghi rõ tên người dùng và mật khẩu quản trị viên miền
Nhập và **Mật khẩu**, và chọn miền đăng nhập.
- 3 Nhấp **OK**.

Nếu quyền đăng nhập của quản trị viên chưa được cài đặt, hộp thoại **Phiên Đăng Nhập Của Quản Trị Viên Miền** xuất hiện khi bạn thêm máy chủ và khi bạn cài đặt, nâng cấp, hoặc gỡ trình điều khiển máy in. Vì mục đích bảo mật, thông tin này bị xóa đi khi bạn thoát khỏi ứng dụng.

Xuất Thông Tin Máy Chủ Ra Tập Tin

Với bất kỳ màn hình **Máy chủ** nào được hiển thị, bạn có thể xuất thông tin máy chủ ra tập tin .XML.

- 1 Nhấp **Tập tin** > **Xuất** > **Máy chủ**.
- 2 Trong hộp thoại **Xuất Các Máy Chủ**, gõ hoặc chọn một đường dẫn đến tập tin. Tập tin phải có đuôi .XML hoặc .CSV.
- 3 Nhấp **Lưu**.

Xác Lập Các Thông Số Cài Đặt Máy In

Bạn có thể xem và thay đổi các thông số cài đặt đã chọn cho trình điều khiển máy in đã cài đặt.

- 1** Trong bất kỳ màn hình **Máy chủ** nào, nhấp **Máy chủ > Các thông số cài đặt in ấn**.
- 2** Nếu bạn truy cập trình hướng dẫn **Xác Lập Các Thông Số Cài Đặt Máy In** từ **Màn hình máy chủ**, chọn một hoặc nhiều trình điều khiển máy in đã cài đặt. Nhấp **Tiếp theo**.
- 3** Nhấp vào tùy chọn có sẵn dưới mỗi trình điều khiển đã chọn để thay đổi các thông số cài đặt. Khi bạn thực hiện thay đổi xong, nhấp **Tiếp theo**.
- 4** Trên trang **Xác nhận các cài đặt**, hãy xem xét lựa chọn của bạn.
- 5** Nhấp **Kết thúc** để bắt đầu quá trình cấu hình. Khi quá trình cấu hình hoàn tất, bạn có thể nhấp vào **Xuất** để lưu tập tin nhật ký (.TXT).
- 6** Nhấp **OK**.

6 Thông Số Kết Nối Mạng

Thông Số Kết Nối Mạng kiểm soát kết nối mạng với mỗi thiết bị. Thông số cài đặt sẵn có thay đổi tùy theo mỗi dòng máy và có thể bao gồm **Các thông số cài đặt giao diện mạng**, **Các thông số cài đặt giao thức an toàn**, **Đăng nhập**, **Thông số cấu hình truy xuất tài khoản trên máy khác**, và **Các thông số cài đặt chế độ truy xuất thiết bị**.

Ghi chú: Nếu bạn bật chế độ xác thực trên thiết bị, bạn phải đặt chính xác **Tên người dùng đăng nhập** và **Mật khẩu** trong hộp thoại **Thông Số Kết Nối Mạng** để truy cập vào các tính năng của thiết bị, ví dụ như **Danh Bạ Địa Chỉ**, **Người dùng**, hoặc **Ô tài liệu**.

Cài Đặt Kết Nối Thiết Bị

Bạn có thể xem hoặc thay đổi các thông số cài đặt giao diện mạng, các thông số cài đặt truy xuất và giao thức, và thông tin đăng nhập của trình điều khiển đã chọn trong hộp thoại **Thông Số Kết Nối Mạng**.

- 1 Trong bất kỳ màn hình **Thiết bị** hoặc **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, chọn một thiết bị và nhấp **Thiết bị > Thông Số Kết Nối Mạng**.
- 2 Nhập hoặc chỉnh sửa các thông số cài đặt sẵn có trong hộp thoại.
- 3 Nhấp **OK**.

Các Cài Đặt Mạng Đặt Giao Diện Mạng

Phần **Các thông số cài đặt giao diện mạng** cho phép bạn xem các thông số cài đặt cho mỗi card giao diện mạng gắn vào thiết bị. Bạn có thể chọn card mạng sơ cấp và chỉnh sửa các thông số cài đặt đã chọn bao gồm Cổng TCP/IP, thời hạn ngắt kết nối và and thông số kết nối mạng SNMP.

Bạn có thể nhập các thông số kết nối mạng cho thiết bị từ các tùy chọn sau đây:

Cổng TCP/IP

Gõ giá trị khớp với giá trị đã cài đặt trên thiết bị. Khoảng giá trị cho số cổng là 1024 đến 65534.

Thời hạn ngắt kết nối (giây)

Số giây ứng dụng thiết lập kết nối với thiết bị.

Số lần thử kết nối lại bằng giao thức SNMP

Số lần thử thiết lập kết nối lại với thiết bị sau khi kết nối bị lỗi.

Sử dụng giao thức SNMPv1/v2

Gõ tên **Chuỗi xác nhận đọc tín hiệu mạng** cho thiết bị bị bạn sẽ sử dụng để yêu cầu lấy thông tin. Gõ tên **Chuỗi xác nhận ghi tín hiệu mạng** cho thiết bị bạn sẽ sử dụng để thay đổi cấu hình. **Chuỗi xác nhận đọc tín hiệu mạng** và **Chuỗi xác nhận ghi tín hiệu mạng** được gửi đi cùng với tất cả

các lệnh nhận và gửi giao thức SNMP, và phải khớp với các giá trị chuỗi xác nhận tín hiệu mạng trên thiết bị.

Sử dụng SNMPv3

Gõ **Tên người dùng** và **Mật khẩu** đặt trên thiết bị.

Nhấp hộp kiểm **Xác thực** và chọn **HASH** Phương pháp (MD5 or SHA1).

Nhấp hộp kiểm **Chế độ bảo mật** và chọn một phương pháp **Mã hóa** (DES hoặc AES).

Cổng TCP/IP

Một số hoạt động gửi một lệnh hoặc tập tin lệnh thông qua cổng các máy in luận lý. Các số cổng máy in luận lý mặc định bắt đầu với 9100. Khoảng giá trị hợp lệ cho số cổng là 1024 đến 65534. Số này phải phù hợp với số cổng của một trong các máy in luận lý được xác định cho một thiết bị. Để xác định số cổng, xem trang web **Các máy in luận lý** trong **Trung Tâm Điều Khiển** hoặc trang chủ của thiết bị.

Cài Đặt Số Cổng trong Trung Tâm Điều Khiển

- 1 Để truy cập vào **Trung Tâm Điều Khiển**, trong bất kỳ màn hình **Thiết bị** nào, chọn một thiết bị.
- 2 Nhấp **Thiết bị** > **Trang chủ của thiết bị**. Đăng nhập vào **Trung Tâm Điều Khiển**, sau đó nhấp tab **Nâng cao**.
- 3 Dưới **Các Giao Thức**, chọn **TCP/IP** > **Các máy in luận lý**. **Số Cổng TCP/IP** xuất hiện cho mỗi các máy in luận lý. Một trong các cổng máy in luận lý phải phù hợp với số cổng nhập trong **Thông Số Kết Nối Mạng**.
Bạn có thể được yêu cầu khởi động lại hệ thống để những thay đổi ở máy in luận lý có tác dụng. Sử dụng trang **Khôi Phục Nguyên Trạng** trong tab **Trung Tâm Điều Khiển Cơ bản**.

Ghi chú: Trong các dòng máy cũ hơn, thiết lập số cổng từ trang chủ của thiết bị. Chọn **Mạng** > **Các máy in luận lý**. Để khởi động lại, chọn **Tổng quát** > **Khôi Phục Nguyên Trạng**.

Các Thông Số Cài Đặt Giao Thức An Toàn

Giao thức đa mục đích (**SSL** là một mật mã các giao thức cung cấp bảo mật cho kết nối mạng. Hỗ trợ **SSL** thay đổi theo dòng máy.

Chọn **SSL** để sử dụng **HTTPS** cho kết nối thiết bị.

Xóa **SSL** để sử dụng **HTTP** cho kết nối thiết bị.

Các Cài Đặt Đăng Nhập

Khu vực **Đăng nhập** cho phép bạn thiết lập thông tin đăng nhập của người dùng. Tính năng này có thể được cài đặt nếu có ít nhất một thiết bị được lựa chọn hỗ trợ tính năng đăng nhập của người dùng.

Đối với một thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng, chọn **Dùng cùng thông tin của người dùng để Quản Lý Thiết Bị** (có sẵn khi thông tin người dùng được lưu trữ trong **Thông Số Kết Nối Mạng**) hoặc **Sử dụng thông tin của người dùng khác**. Nếu bạn chọn **Sử dụng thông tin của người dùng khác**, nhập **Tên người dùng đăng nhập** và **Mật khẩu** cho thiết bị.

Đối với một số dòng máy, chọn xác thực cục bộ hoặc xác thực thiết bị.

Thông Số Cấu Hình Truy Xuất Tài Khoản Trên Máy Khác

Ứng dụng truy xuất thông tin trên thiết bị khác trong khoảng thời gian cụ thể để kiểm tra thông tin bộ đếm tài khoản. Khi bạn chọn một thiết bị từ một **Màn hình thiết bị kiểm soát tài khoản người dùng**, bạn thấy kiểu truy xuất thông tin trên thiết bị khác sau đây:

Truy xuất bộ đếm tài khoản trên máy khác

Thu thập thông tin về các bộ đếm cho mỗi tài khoản, bao gồm tổng số bản in, sao chép, FAX, scan, các kích cỡ trang, các trang in đôi, và số trang trên mỗi tờ. Chọn một khoảng thời gian, một thứ hoặc ngày, và thời gian trong ngày.

Các Thông Số Cài Đặt Chế Độ Truy Xuất Thiết Bị

Ứng dụng truy xuất thông tin trên các thiết bị trong khoảng thời gian cụ thể để kiểm tra tình trạng lỗi, trạng thái hoạt động, và các mức mực thấp. Khi bạn chọn một thiết bị từ một xem **Thiết bị**, bạn thấy kiểu truy xuất thông tin trên thiết bị khác sau đây:

Truy xuất thông tin tình trạng trên máy khác

Thu thập những thông tin về trạng thái hoạt động hiện tại của thiết bị, chẳng hạn như các điều kiện lỗi, nội dung bảng, và chế độ hoạt động. Phạm vi có sẵn là khoảng giữa 5 đến 300 giây.

Truy xuất tập tin bộ đếm trên máy khác

Thu thập thông tin về giá trị được lưu giữ bởi các bộ đếm khác nhau trong thiết bị, chẳng hạn như số lượng trang màu đã in, số trang đen trắng, số fax nhận được, và v.v. Khoảng khả dụng là giữa 1 và 10000 phút.

Truy xuất mức mực trên máy khác

Thu thập thông tin về mức mực hiện tại trong thiết bị. Khoảng khả dụng là giữa 1 và 10000 phút.

7 Multi-Set

Multi-Set cho phép bạn gửi các tham số cấu hình tới nhiều thiết bị cùng một lúc.

Các Tùy Chọn Cài Đặt Chung

Khi tạo hàng đợi mới hoặc cài đặt máy in, bạn có thể áp dụng một số thông số cài đặt cho tất cả các dòng máy in đã chọn bằng cách sử dụng tính năng **Thông số cài đặt chung**. Cách này chỉ áp dụng cho trình điều khiển hệ thống máy in.

Trên trang **Cài đặt máy in** của trình hướng dẫn **Tạo Hàng Đợi**, nhấp **Thông số cài đặt chung**, và chọn các tùy chọn sẵn có:

Trong **Mặc định Gốc**, chọn **Có** hoặc **Không**. Khi bạn chọn **Có**, duyệt qua để tìm hồ sơ (.KXP), sau đó nhấp **Tải lên**.

Trong **Tiện ích hỗ trợ**, chọn từ những tiện ích hỗ trợ sẵn có để cài đặt.

Trong ô **Bình luận**, gõ bình luận của bạn.

Bạn có thể nhấp **Mở** và duyệt để tìm tập tin .KVP có chứa thông số cài đặt cấu hình đã lưu cho trình điều khiển máy in.

Bạn có thể nhấp **Lưu** và lưu các thông số cài đặt cấu hình hiện thời vào tập tin .KVP.

Tạo Thông Số Cài Đặt Từ một Thiết Bị

Bạn có thể sao chép thông số cài đặt từ một thiết bị nguồn.

- 1 Trên trang **Phương pháp**, nhấp **Tạo từ thiết bị**. Nhấp **Tiếp theo**.
- 2 Nhấp vào thiết bị nguồn trong danh sách. Nhấp **Tiếp theo**.
- 3 Trang **Xác nhận** hiển thị danh sách các thông số cài đặt bạn vừa tạo. Bạn có thể nhấp **Sửa thông số cài đặt** để mở hộp thoại thay đổi thông số cài đặt. Nếu bạn muốn lưu các thông số cài đặt của bạn vào một tập tin, nhấp **Lưu vào tập tin**. Các thông số cài đặt được lưu vào tập tin với phần đuôi mở rộng .XML. Nhấp **Kết thúc**.

Nếu quá trình hoàn tất thành công, các thuộc tính hoặc thông số cài đặt được sao chép từ thiết bị nguồn sang thiết bị đích. Nhấp **Đóng**.

Nếu quá trình không hoàn tất thành công, bạn có thể nhấp **Thông tin chi tiết** để xem danh sách các lỗi. Nếu bạn muốn lưu danh sách lỗi, nhấp **Xuất** để mở hộp thoại lưu vào tập tin nhật ký. Duyệt qua hoặc gõ tên tập tin với phần đuôi mở rộng là .CSV. Nhấp **Lưu**, sau đó nhấp **Đóng lại**.

Tạo Mẫu Thông Số Cài Đặt Multi-Set

Bạn có thể tạo mẫu thông số cài đặt từ một tập tin hiện có.

- 1 Trên trang **Phương pháp**, nhấp **Tạo từ tập tin**. Nhấp **Tiếp theo**.

- 2 Gõ đường dẫn tập tin, hoặc nhấp **Duyệt qua** để xác định vị trí và chọn một tập tin bạn muốn sử dụng. Bạn có tùy chọn để mở các định dạng sau:
 - Mẫu Multi-Set từ các phiên bản phần mềm hiện hành (.XML)
 - Tập tin dữ liệu Chỉnh Sửa Địa Chỉ (.AED)
 - Trình Chỉnh Sửa Địa Chỉ cho tập tin dữ liệu FAX (.FED)
 - Danh Bạ Địa Chỉ cho FAX mạng (.FDT)
 - Tập tin xuất Danh Bạ Địa Chỉ từ các phiên bản phần mềm trước đó (.ABF or .CSV)
 - Tập tin xuất danh sách người dùng (.CSV)
- 3 Nhấp **Mở**, sau đó nhấp **Tiếp theo**.
- 4 Trang **Xác nhận** hiển thị một danh sách các thông số cài đặt bạn vừa tạo. Bạn có thể nhấp **Sửa thông số cài đặt** để mở hộp thoại thay đổi thông số cài đặt. Nếu bạn muốn lưu các thông số cài đặt của bạn vào một tập tin, nhấp **Lưu vào tập tin**. Tập tin được lưu ở định dạng .XML.
- 5 Nhấp **Kết thúc**.
 - Nếu bạn phải khởi động lại thiết bị phải để lưu các thiết lập, thông báo xuất hiện. Nhấp **OK** để đóng lại.
 - Nếu quá trình hoàn tất thành công, các thuộc tính hoặc thông số cài đặt được sao chép từ tập tin sang thiết bị đích. Nhấp **Đóng lại**.
 - Nếu quá trình không hoàn tất thành công, bạn có thể nhấp **Thông tin chi tiết** để xem danh sách các lỗi. Nếu bạn muốn lưu danh sách lỗi, nhấp **Xuất** để mở hộp thoại lưu vào tập tin nhật ký. Duyệt qua hoặc gõ tên tập tin với phần đuôi mở rộng là .CSV. Nhấp **Lưu**, sau đó nhấp **Đóng lại**.

Tạo Cài Đặt Mới

Bạn có thể tạo một mẫu thông số cài đặt mới.

- 1 Trên trang **Phương pháp**, nhấp **Tạo mới**. Nhấp **Tiếp theo**. Một hộp thoại có chứa thông số cài đặt cho tùy chọn bạn đã chọn mở ra trên trang **Cài đặt**. Thực hiện thay đổi cho thông số cài đặt.
- 2 Khi bạn đã hoàn tất việc cài đặt, nhấp **OK** hoặc **Đóng lại**.
- 3 Trang **Xác nhận** hiển thị danh sách các thông số cài đặt bạn vừa tạo. Bạn có thể nhấp **Sửa thông số cài đặt** để mở hộp thoại thay đổi thông số cài đặt. Nếu bạn muốn lưu các thông số cài đặt của bạn vào một tập tin, nhấp **Lưu vào tập tin**. Các thông số cài đặt được lưu vào tập tin có đuôi .XML.
- 4 Nhấp **Kết thúc**.
 - Nếu quá trình hoàn tất thành công, các thuộc tính hoặc thông số cài đặt mới được sao chép sang thiết bị đích. Nhấp **Đóng lại**.
 - Nếu quá trình không hoàn tất thành công, bạn có thể nhấp **Thông tin chi tiết** để xem danh sách các lỗi. Nếu bạn muốn lưu danh sách lỗi, nhấp **Xuất** để mở hộp thoại lưu vào tập tin nhật ký. Duyệt qua hoặc gõ tên tập tin với phần đuôi mở rộng là .CSV. Nhấp **Lưu**, sau đó nhấp **Đóng lại**.

8 Nâng Cấp Phần Mềm Tích Hợp

Phần này mô tả làm cách cài đặt phần mềm tích hợp trên các thiết bị được hỗ trợ. Từ một tập tin chính, bạn có thể cài đặt phần mềm tích hợp trên một thiết bị hoặc một nhóm các thiết bị. Khi nâng cấp nhiều thiết bị hoặc một nhóm thiết bị, quá trình bỏ qua bất kỳ thiết bị không phù hợp với dòng máy cho phần mềm tích hợp đã chọn. Nếu không có thiết bị phù hợp với yêu cầu một nâng cấp phiên bản, thông báo xuất hiện.

Các tập tin phần mềm tích hợp được cung cấp bởi một quản trị viên hoặc đại lý bán lẻ. Nếu phiên bản tập tin phần mềm tích hợp cũ hơn phiên bản đã cài đặt trên thiết bị, thì phần mềm tích hợp được hạ cấp.

Trước khi thực hiện một nâng cấp phần mềm tích hợp, đảm bảo các cổng TCP 800-810 khả dụng và không bị chặn bởi tường lửa.

Ghi chú: Nếu chế độ xác thực cục bộ đang bật, quản trị viên phải nhập **Đăng nhập tên người dùng** và **Mật khẩu** trong **Thiết bị > Thông Số Kết Nối Mạng > Đăng nhập**. Tất cả các cài đặt và mật khẩu cho thiết bị nguồn và đích phải chính xác trong **Thông Số Kết Nối Mạng** để quá trình **Nâng Cấp Phần Mềm Tích Hợp** hoàn thành.

Chuỗi đánh dấu khởi đầu tác vụ phải được để trống cho máy in luận lý sử dụng. Bạn có thể kiểm tra hoặc sửa đổi cài đặt này trong trang chủ của thiết bị.

Các nguy cơ trong nâng cấp phần mềm cố định

Sử dụng thuật sĩ này có thể gây ra nguy cơ làm hỏng thiết bị. Khi chuẩn bị nâng cấp phần mềm cố định, hãy nhớ kiểm tra quá trình này với quản trị viên hoặc người bán và thiết lập các kế hoạch dự phòng. Thuật sĩ này yêu cầu bạn phản hồi và chấp nhận nguy cơ tiềm ẩn khi cài đặt phần mềm cố định.

Cảnh báo: Nếu thiết bị bị tắt hoặc mất nguồn tại một điểm quan trọng trong quá trình nâng cấp, thiết bị có thể sẽ không hoạt động được và yêu cầu sửa chữa để thay thế những bộ phận bị hỏng.

Nâng cấp phần mềm tích hợp

Bạn có thể sử dụng trình hướng dẫn để cài đặt phần mềm tích hợp trên các thiết bị. Nếu phần mềm tích hợp có phiên bản cũ hơn phiên bản được cài đặt trên thiết bị, thì phần mềm tích hợp được hạ cấp. Tối đa năm thiết bị có thể được xử lý cùng một lúc.

- 1 Trong bất kỳ màn hình **Thiết bị** nào, chọn một hoặc nhiều thiết bị tương tự.
- 2 Nhấp **Thiết bị > Nâng cao > Nâng cấp phần mềm tích hợp**.
- 3 Trên trang **Cảnh báo**, chọn hộp kiểm để xác nhận và chấp nhận rủi ro. Nhấp **Tiếp theo**.

- 4** Trong trang **Chọn Phần Mềm Tích Hợp**, gõ đường dẫn cho tập tin phần mềm tích hợp, hoặc nhấp **Duyệt qua** để tìm một tập tin phần mềm tích hợp hợp lệ và nhấp **Mở**. Nhấp **Tiếp theo**.

Ghi chú: Tập tin phần mềm tích hợp sẵn không được cung cấp với cùng với ứng dụng này. Tham khảo ý kiến đại lý của bạn.

- 5** Trong trang **Xác nhận lựa chọn của bạn**:
- Nếu không thể xác nhận tập tin phần mềm tích hợp, nhấp **Quay lại** và chọn một tập tin phần mềm tích hợp khác.
- Nếu có phần mềm tích hợp hợp lệ và thông tin thiết bị được hiển thị, hãy nhấp **Nâng cấp**.
- 6** Bạn có thể nhấp **Hủy** để bỏ một nâng cấp mà vẫn chưa bắt đầu. Điều này không làm dừng các nâng cấp đang xử lý.
- 7** Khi nâng cấp được hoàn tất, bạn có thể xem hoặc lưu một bản sao của nhật ký, hoặc nhấp **Đóng lại**.

Các Tùy Chọn Hoàn Thiện

Trong khi nâng cấp, một số tính năng có sẵn trên trang cuối cùng của trình hướng dẫn:

Nhật ký

Hiển thị thông tin nâng cấp chi tiết cho từng thiết bị.

Tìm kiếm

Nhập giá trị hoặc một phần giá trị của **địa chỉ IP** hoặc **Tên máy chủ** trong hộp **Nội dung tìm kiếm**. Để xóa kết quả tìm kiếm và hiển thị toàn bộ danh sách một lần nữa, nhấp biểu tượng **Xóa nội dung tìm kiếm**.

Các bộ đếm

Hiển thị số lượng các thiết bị theo tình trạng nâng cấp hiện tại.

Lưu nhật ký

Nhấp vào để lưu tập tin nhật ký .CSV chứa thông về nâng cấp.

Đóng lại / Hủy

Hiển thị **Đóng lại** hoặc **Hủy** tùy thuộc vào tình trạng nâng cấp. **Hủy** cho phép bạn hủy bỏ quá trình cho các thiết bị vẫn còn trong hàng đợi. Điều này không ảnh hưởng đến các thiết bị đã được nâng cấp. **Đóng lại** chỉ ra tất cả các nâng cấp đã hoàn thành.

9 Các Vùng Làm Việc

Một vùng làm việc là một tập hợp các tập tin bao gồm thông tin thiết bị và các thông số cài đặt màn hình. Dữ liệu vùng làm việc xuất hiện trong danh sách thiết bị, hoặc sơ đồ, và cửa sổ bên trái của màn hình.

Vùng làm việc được xác định bằng tên người dùng và mật khẩu. Khi người dùng mở ứng dụng, vùng làm việc cuối cùng trong lịch sử của người dùng được tự động mở ra. Khi người dùng đóng ứng dụng, vùng làm việc tự động được lưu. Thông thường, một người dùng cần chỉ có một vùng làm việc, nhưng nếu có nhiều hơn một vị trí, với một danh sách các thiết bị khác nhau, các vùng làm việc bổ sung có thể được xác định.

Bạn có thể nhập một tập tin vào một vùng làm việc, hoặc xuất một vùng làm việc ra một tập tin. Một vùng làm việc cũng có thể được xuất vào tên tập tin tên khác nhằm sao lưu. Bạn có thể xuất một danh sách (màn hình hiện tại) sang một tập tin, và xuất các thiết bị vùng làm việc hiện tại sang một tập tin.

Thêm một Vùng Làm Việc Mới

Bạn có thể tạo vùng làm việc mới trên máy tính hoặc mạng của bạn.

- 1 Trong thanh trình đơn ở phía trên bên trái của màn hình, nhấp **Tập tin > Vùng Làm Việc Mới**.
- 2 Duyệt qua tới vị trí mong muốn cho thư mục vùng làm việc mới.
- 3 Chọn một thư mục hiện có hoặc nhấp **Tạo Thư mục mới**.
- 4 Gõ tên cho thư mục mới, và nhấp **OK**. Các vùng làm việc hiện tại được lưu và đóng lại trước khi mở vùng làm việc mới.

Mở một Vùng Làm Việc Đang Hiện Hành

Bạn có thể mở một vùng làm việc đã được tạo ra trên máy tính hoặc mạng của bạn. Một vùng làm việc tạo ra cho một phiên bản cũ của ứng dụng (5.x) được chuyển đổi cho phiên bản mới hơn và không thể thay đổi trở lại.

- 1 Trong thanh trình đơn ở phía trên bên trái của màn hình, nhấp **Tập Tin > Mở vùng làm việc**.
- 2 Duyệt qua vị trí của một vùng làm việc hiện hữu và nhấp thư mục vùng làm việc đó.
- 3 Nhấp **OK**. Các vùng làm việc hiện tại được lưu và đóng trước khi mở vùng làm việc được lựa chọn.

Nhập và Xuất Các Vùng Làm Việc

Một vùng làm việc là một tập hợp các tập tin bao gồm cả thiết bị và thông tin UI. Bạn có thể nhập một vùng làm việc từ một phiên bản khác của ứng dụng hoặc từ một người dùng khác.

Phần mở rộng tập tin của một vùng làm việc được nhập từ phiên bản 4.x là .KV3.

Phần mở rộng tập tin của một vùng làm việc được nhập từ phiên bản 5 hoặc sau đó là .KVX.

Các phần mở rộng tập tin của một vùng làm việc được nhập từ KM-NET cho tính năng Kiểm Soát Tài Khoản là .XML.

Để có thể tái sử dụng dữ liệu thiết bị và thông tin UI tạo ra trong phiên bản cũ hơn, bạn có thể nhập và chuyển đổi vùng làm việc cũ sang vùng làm việc mới.

Bạn cũng có thể chia sẻ một vùng làm việc với người dùng khác. Để bảo vệ sự toàn vẹn của dữ liệu, những người dùng khác --kể cả quản trị viên-- không thể truy cập vào vùng làm việc của bạn. Để sao chép một vùng làm việc cho người dùng khác, bạn phải xuất vùng làm việc, sau đó người dùng khác phải nhập nó. Vùng làm việc được xác định bằng tên người dùng và mật khẩu.

Nhập một Tập Tin vào một Vùng Làm Việc Mới.

Bạn có thể nhập một vùng làm việc từ một người dùng khác hoặc từ phiên bản 4.x của ứng dụng. Bạn cũng có thể nhập từ một KM-NET cho cơ sở giữ liệu kiểm soát tài khoản.

- 1 Trong thanh trình đơn ở phía trên bên trái của màn hình, nhấp **Tập tin > Nhập vào vùng làm việc mới**.
- 2 Trong hộp thoại **Nhập Vào Vùng Làm Việc Mới**, dưới **Tập tin**, nhập đường dẫn tập tin hoặc nhấp **Duyệt qua** để chọn một tập tin vùng làm việc. Tập tin phải có một phần mở rộng .KVX, .XML, or .KV3.
- 3 Dưới **Thư mục vùng làm việc**, gõ đường dẫn tập tin hoặc nhấp **Duyệt qua** để chọn một thư mục để lưu các tập tin vùng làm.
- 4 Nhấp **OK**. Ứng dụng này tự động lưu vùng làm việc hiện tại, và mở ra một trong những bạn vùng làm việc bạn đã chọn để nhập.

Xuất một Vùng Làm Việc ra một Tập Tin

Bạn có thể sao chép một vùng làm việc từ một người sử dụng hoặc từ các phiên bản ứng dụng 5.x ra một tập tin có thể được nhập đến người dùng khác hoặc một phiên bản mới hơn.

- 1 Trong thanh trình đơn ở phía trên cùng bên trái màn hình, nhấp **Tập Tin > Xuất > Vùng làm việc**.
- 2 Chỉ định một đích đến để xuất.
- 3 Nhấp **Lưu**. Nhấn **OK**.

Xem Vùng Làm Việc Gần Đây

Bạn có thể xem và sử dụng các vùng làm việc đã mở gần đây . Năm vùng làm việc cuối cùng được hiển thị trong danh sách.

- 1** Trong thanh trình đơn ở phía trên bên trái của màn hình, nhấp **Tập tin > Mở nội dung gần đây**.
- 2** Chọn vùng làm việc mong muốn từ danh sách. Nếu vùng làm việc khác đã được mở, ứng dụng tự động lưu và đóng nó lại trước khi mở vùng làm việc được lựa chọn.

10 Tùy chọn

Bạn có thể chọn thông số cài đặt cho chế độ xác thực hệ thống nhất định và tùy chọn liên kết mạng, cài đặt hoặc thay đổi mật khẩu cục bộ cho người dùng không có quyền quản trị trên máy tính, và cấu hình ứng dụng để gửi thông báo bằng e-mail đến người dùng về tình trạng thiết bị. Ứng dụng này cho phép bạn cài đặt thông số cấu hình truy xuất tài khoản trên máy khác hoặc thông số cấu hình truy xuất thiết bị mặc định cho các thiết bị mới và chọn các thông số cài đặt cho máy chủ bẫy tín hiệu, bộ nhận gói bẫy SNMP chạy trong ứng dụng.

Chỉnh Sửa Tùy Chọn E-mail

Bạn có thể cấu hình cho ứng dụng gửi thông báo e-mail cho người dùng về tình trạng thiết bị hoặc bộ đếm nhất định, chẳng hạn như nắp mở, kẹt giấy, hoặc bộ đếm vượt quá giới hạn.

- 1 Trên thanh trình đơn ở phía trên cùng bên trái màn hình, nhấp **Chỉnh sửa > Tùy chọn**.
- 2 Trong hộp thoại **Tùy chọn**, nhấp **Thông số cài đặt thư tín**.
- 3 Trong hộp văn bản **Máy chủ**, gõ tên máy chủ SMTP (e-mail), và trong **Cổng**, gõ số cổng.
- 4 Để sử dụng chế độ xác thực, chọn **Yêu cầu xác thực**. Trong hộp văn bản , gõ tên người dùng cần thiết để đăng nhập vào máy chủ SMTP, và trong **Mật khẩu**, gõ mật khẩu người dùng cần thiết để đăng nhập vào máy chủ SMTP.
- 5 Trong hộp văn bản **Tên người gửi**, gõ tên người gửi, và trong **Địa chỉ người gửi** gõ địa chỉ e-mail của người gửi.
- 6 Để kiểm tra tình trạng kết nối tới máy chủ SMTP, nhấp **Kiểm tra tình trạng kết nối**. Một thông báo xuất hiện cho biết các ứng dụng đã có thể kết nối thành công đến máy chủ SMTP. Nếu cần thiết, sửa tên máy chủ and số cổng và kiểm tra tình trạng kết nối lại lần nữa.

Ghi chú: **Kiểm tra tình trạng kết nối** không kiểm tra tính hợp lệ của tên người dùng và mật khẩu.

- 7 Để lưu các thông số cài đặt của bạn và đóng hộp thoại **Tùy chọn**, nhấp **OK**.

Chỉnh sửa tùy chọn xác thực

Bạn có thể cài đặt mật khẩu cho những người dùng Windows khác đăng nhập vào ứng dụng. Tính năng này chỉ có sẵn cho quản trị viên.

- 1 Trên thanh trình đơn ở phía trên cùng bên trái màn hình, nhấp **Chỉnh sửa > Tùy chọn**. Trong hộp thoại **Tùy chọn**, nhấp **Xác thực**.
- 2 Chọn **Bật mật khẩu cục bộ**.
- 3 Trong hộp thoại **Mật khẩu mới**, hãy gõ một mật khẩu cho người dùng cục bộ. Mật khẩu có độ dài tối đa là 32 ký tự. Cho phép mật khẩu trống.
- 4 Trong **Xác nhận mật khẩu**, gõ lại mật khẩu.
- 5 Nhấp **OK** để lưu mật khẩu.

Chỉnh Sửa Các Tùy Chọn Truy Xuất Thiết Bị

Ứng dụng cho phép bạn đặt thông số cài đặt truy xuất thiết bị mặc định cho thiết bị mới. Các thông số cài đặt này xác định các giá trị ban đầu của **Thông Số Kết Nối Mạng** khi một thiết bị được thêm vào. Các thông số cài đặt không ảnh hưởng đến các thiết bị đã được thêm vào.

- 1 Trên thanh trình đơn ở phía trên cùng bên trái màn hình, nhấp **Chỉnh sửa > Tùy chọn**.
- 2 Trong hộp thoại **Tùy chọn**, nhấp **Thông Số Cấu Hình Truy Xuất Thiết Bị Mặc Định**.
- 3 Chọn **Truy xuất thông tin tình trạng trên máy khác** nếu bạn muốn theo dõi tình trạng của thiết bị, chẳng hạn như thiết bị đang ngoại tuyến, hoặc có nắp mở. Gõ số giây hoặc nhấp vào mũi tên lên xuống để chọn **Thời gian ngắt (giây)** truy xuất thông tin trên máy khác. Khoảng khả dụng là khoảng giữa 5 đến 300 giây. Giá trị mặc định là 60 giây.
- 4 Chọn **Truy xuất tập tin bộ đếm** nếu bạn muốn đếm số trang, chẳng hạn như tổng số trang đã in, hoặc các trang màu đã in. Gõ số phút hoặc nhấp vào mũi tên lên xuống để chọn **Thời gian ngắt (phút)** truy xuất thiết bị trên máy khác. Khoảng khả dụng là giữa 1 và 10000 phút. Giá trị mặc định là 60 phút.
- 5 Chọn **Truy xuất mức mực trên máy khác** nếu bạn muốn theo dõi số lượng mực có sẵn trong các thiết bị. Cột cấp mực trong danh sách thiết bị cho thấy số lượng tương đối của mực trong một biểu tượng hình chữ nhật. Nếu hết mực, dấu chấm than đánh dấu hiển thị trong biểu tượng. **Truy xuất mức mực trên máy khác** hiển thị số lượng mực đen cho các thiết bị đen trắng. Đối với các thiết bị màu truy xuất thông tin hiển thị số lượng mực màu đen, màu lục lam, đỏ tươi, và màu vàng.
Gõ số phút hoặc nhấp vào mũi tên lên xuống để chọn **Thời gian ngắt (phút)** truy xuất thiết bị trên máy khác. Khoảng khả dụng là giữa 1 và 10000 phút. Giá trị mặc định là 1.440 phút.
- 6 Để lưu các thông số cài đặt của bạn và đóng hộp thoại **Tùy chọn**, nhấp **OK**.

Chỉnh Sửa Các Tùy Chọn Bẫy Tín Hiệu SNMP

Giao thức SNMP được dùng để cung cấp và truyền thông tin quản lý trong môi trường mạng con. Khi xuất hiện lỗi, ví dụ như **Thêm giấy**, thiết bị sẽ tự động tạo ra một bẫy tín hiệu. Bẫy tín hiệu sẽ gửi thông báo lỗi đến một hoặc hai người nhận bẫy được xác định trước. Máy chủ bẫy tín hiệu là trình nhận gói bẫy SNMP chạy trên ứng dụng này. Để nhận các gói bẫy, người dùng phải khởi động máy chủ bẫy tín hiệu và sau đó cấu hình bẫy SNMP trên thiết bị được mô tả trong tài liệu thiết bị. Cổng TCP 162 phải khả dụng và không bị khóa bởi tường lửa.

- 1 Trong thanh trình đơn, hãy nhấp **Chỉnh sửa > Tùy chọn**.
- 2 Trong hộp thoại **Tùy chọn**, nhấp **Bẫy tín hiệu**.
- 3 **Trạng thái máy chủ** hiển thị máy chủ bẫy tín hiệu có đang chạy hay không. Nếu máy chủ bẫy tín hiệu không chạy, bạn có thể nhấp **Bắt đầu**.
Nếu không thể thực hiện kết nối với máy chủ bẫy tín hiệu, thông báo xuất hiện. Xem nhật ký tập tin tại C:\Program Files\Kyocera\NetViewer\KNV\log cho thông báo lỗi để biết tại sao máy chủ bẫy tín hiệu không thể khởi động. Sửa lỗi, và cố gắng lại lần nữa để khởi động máy chủ bẫy tín hiệu.
Nếu máy chủ bẫy tín hiệu đang chạy, bạn có thể nhấp **Dừng** để chặn nó. Trạng thái máy chủ sẽ thay đổi để cho biết nó không chạy.
- 4 Nếu bạn muốn cho phép nhận các gói bẫy tín hiệu SNMP có cùng tên chuỗi xác nhận giống như chuỗi xác nhận bẫy tín hiệu mạng (được lưu trữ trong ứng dụng), gỡ tên chuỗi xác nhận bẫy tín hiệu mạng trong hộp văn bản **Chuỗi xác nhận bẫy tín hiệu mạng**. Mặc định là **công cộng**.
- 5 Nếu bạn muốn khởi động máy chủ bẫy tín hiệu bất cứ khi nào ứng dụng được khởi hoạt, chọn **Tự động chạy máy chủ bẫy tín hiệu khi chương trình khởi hoạt**. Mặc định là có thể xóa tùy chọn: không cho phép máy chủ bẫy tín hiệu khởi hoạt tự động.
- 6 Nhấp **OK**.

Chỉnh Sửa Tùy Chọn Truy Xuất Tài Khoản Trên Máy Khác

Bạn có thể lựa chọn các thông số cài đặt cho chế độ truy xuất bộ đếm tài khoản mặc định trên các thiết bị mới.

- 1 Trong thanh trình đơn ở trên cùng của cửa sổ, nhấp **Chỉnh sửa > Tùy chọn**.
- 2 Trong hộp thoại **Tùy chọn**, nhấp **Thông số cấu hình truy xuất tài khoản trên máy khác mặc định**.
- 3 Chọn hộp kiểm **Truy xuất bộ đếm tài khoản mặc định trên các thiết bị mới**.
- 4 Trong **Thời khoảng truy xuất bộ đếm tài khoản trên máy khác**, chọn Hàng ngày, Hàng tuần hoặc Hàng tháng từ danh sách.

- 5 Trong hộp văn bản **Giờ**, gõ thời gian hợp lệ bạn muốn truy nhập tài khoản trên máy khác để thực hiện, hoặc sử dụng con trỏ lên và xuống để chọn thời gian.
- 6 Nếu bạn đã chọn **Hàng tuần** cho **Thời khoảng truy xuất bộ đếm tài khoản trên máy khác**, chọn ngày của tuần bạn muốn truy xuất tài khoản trên máy khác để thực hiện từ danh sách **Ngày**.
Nếu bạn đã chọn **Hàng tháng** cho **Thời khoảng truy xuất bộ đếm tài khoản trên máy khác**, chọn ngày của tháng bạn muốn truy nhập tài khoản trên máy khác để thực hiện từ danh sách **Ngày**.
- 7 Chọn **Mức cảnh báo**. Tác vụ thi hành truy nhập tài khoản trên máy đưa ra một báo khi 60% hoặc nhiều hơn các tài khoản sẵn có được đếm, hoặc 80% hoặc nhiều hơn các tài khoản sẵn có được đếm. Mặc định là 60%.
- 8 Nhấp **OK** để lưu thông số cấu hình truy xuất tài khoản của bạn trên máy khác. Nếu bạn không muốn lưu các cài đặt vừa thực hiện, nhấp **Hủy**.

